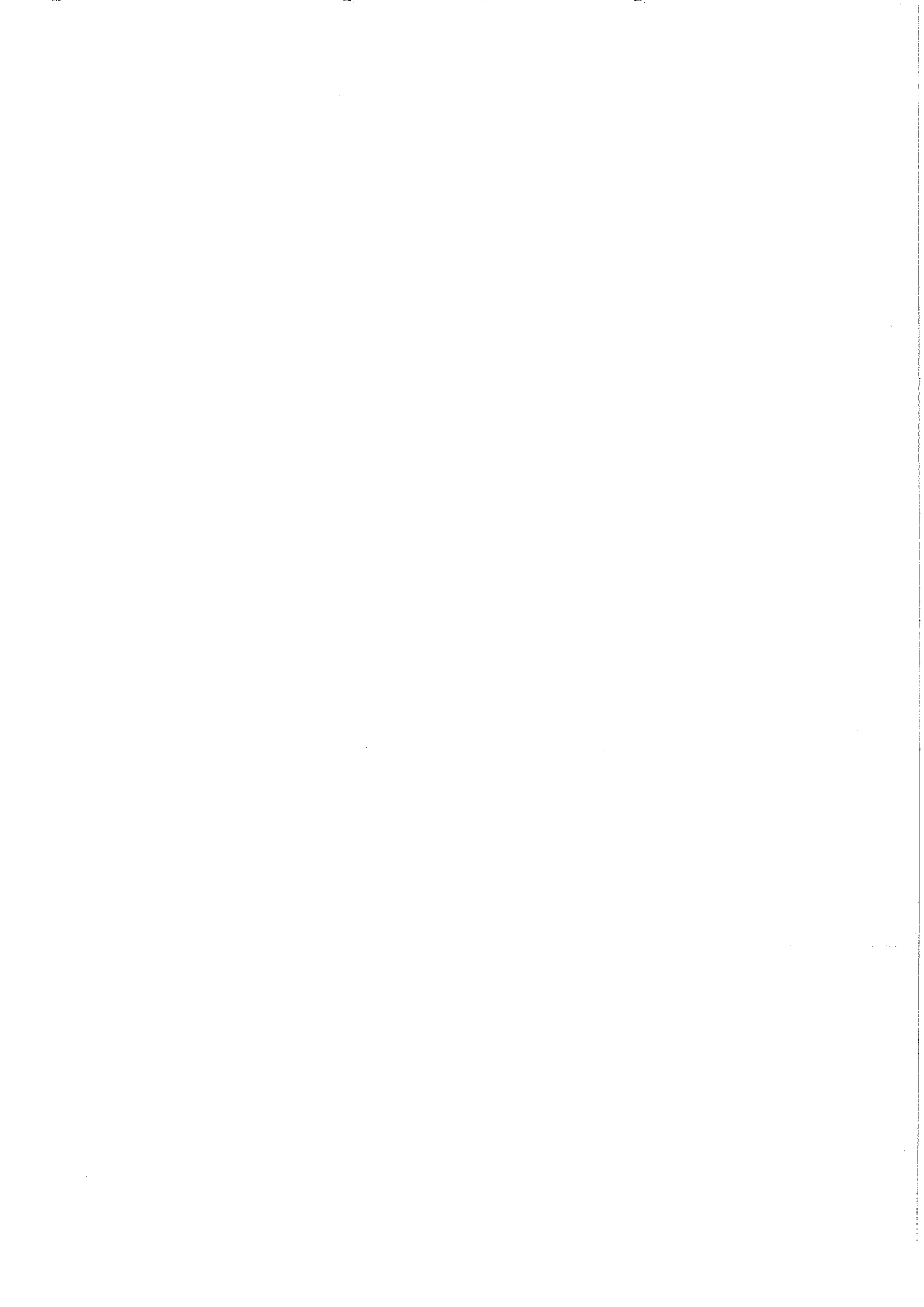


DANH MỤC HỒ SƠ MỜI ĐẤU GIÁ

STT	HỒ SƠ
1	Thông báo đấu giá số 109/TNĐG ngày 29/11/2019 của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản.
2	Quy chế cuộc đấu giá số 109/QCĐG-QSDĐ ngày 29/11/2019 của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản.
3	Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 13/7/2019 của UBND quận Hà Đông về việc phê duyệt giá khởi điểm đấu giá thuê đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để sản xuất nông nghiệp trên địa bàn phường Đồng Mai (<i>đối với 03 khu nhỏ lẻ; khu Đầm Sen Đông Hoàng và khu Kỳ cổ - Đông Dương</i>)
4	Quyết định số 3287/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của UBND quận Hà Đông về việc phê duyệt giá khởi điểm đấu giá thuê đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích đối với 06 khu đất nông nghiệp công ích thuộc địa bàn phường Đồng Mai (<i>03 khu đất dâu; 02 khu Ao đầm - Cổ bản và 01 khu Bãi tổ 7</i>)
5	Quyết định số 4455/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của UBND quận Hà Đông về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích do UBND phường Đồng Mai quản lý cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để trồng cây hàng năm và nuôi trồng thủy sản
6	Quyết định số 4617/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 của UBND quận Hà Đông về việc đấu giá quyền sử dụng đất 11 khu đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích do UBND phường Đồng Mai quản lý cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để trồng cây hàng năm và nuôi trồng thủy sản
7	Bản trích đo hiện trạng khu đất đưa ra đấu giá
8	Mẫu đơn đăng ký tham gia đấu giá
9	Mẫu Phiếu trả giá
10	Mẫu Giấy ủy quyền



TBDG số: 109/TBDG

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2019

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ

Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tổ chức đấu giá Quyền sử dụng của 05 Khu đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích do UBND phường Đồng Mai quản lý cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để trồng cây hàng năm và nuôi trồng thủy sản (*Đấu giá đợt 1*) như sau:

1 - Tài sản đấu giá, giá khởi điểm, thời gian thuê, bước giá, tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước:

Quyền sử dụng của 05 Khu đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích do UBND phường Đồng Mai quản lý cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để trồng cây hàng năm và nuôi trồng thủy sản, tổng diện tích: 176.611,90m² (Một trăm bảy mươi sáu nghìn, sáu trăm mười một phẩy chín mét vuông).

Thông tin chi tiết về tài sản đấu giá, thời hạn thuê, giá khởi điểm, bước giá, tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước như Bảng tổng hợp danh sách các khu đất, nhóm đất đấu giá kèm theo.

2- Thời gian tham khảo hồ sơ, thu hồ sơ, tiền đặt trước, thăm thực địa, tổ chức đấu giá (trong giờ hành chính):

- Thời gian, địa điểm bán và tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: Từ ngày 03/12/2019 đến 16h30 ngày 18/12/2019 tại trụ sở UBND phường Đồng Mai, địa chỉ: Số 6, đường đê Tả Dáy, Tổ dân phố 7, phường Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Thời gian thăm thực địa khu đất đấu giá: Ngày 16/12/2019 và ngày 17/12/2019. Người có nhu cầu đi thăm thực địa khu đất đấu giá tập trung tại UBND phường Đồng Mai lúc 8h30 mỗi ngày để cán bộ Trung tâm và UBND phường Đồng Mai dẫn đi xem thực địa. Phương tiện đi lại khách hàng tự thu xếp

- Nộp tiền đặt trước: Từ ngày 18/12/2019 đến 16h30 ngày 19/12/2019. Người tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước vào tài khoản của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản số 1001001858 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh Thăng Long, Phòng giao dịch Nguyễn Huệ.

Nội dung nộp tiền đặt trước: "Tên người tham gia đấu giá" nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá "Tên Khu đất/nhóm đất công ích", phường Đồng Mai.

- Thời gian, địa điểm mở cuộc đấu giá: 08h00 ngày 23/12/2019 tại UBND phường Đồng Mai, địa chỉ: Số 6, đường đê Tả Dáy, Tổ dân phố 7, phường Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

3- Phương thức, hình thức đấu giá:

- **Phương thức đấu giá:** Trả giá lên. Đấu giá từng khu đất. Riêng khu đất 11 thì đấu giá theo từng nhóm đất.

- **Hình thức đấu giá:** Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp 01 vòng tại cuộc đấu giá.

4- Điều kiện tham gia đấu giá: Các hộ gia đình, cá nhân tại địa phương (hộ khẩu thường trú tại phường Đồng Mai) có đủ năng lực hành vi dân sự, thuộc đối tượng được thuê đất



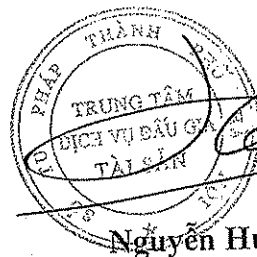
theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 56 Luật đất đai 2013; đã nộp hồ sơ, tiền đặt trước đúng quy định và không thuộc các trường hợp không được đăng ký tham gia đấu giá theo quy định tại Khoản 4 Điều 38 Luật đấu giá tài sản. Mỗi thửa đất, một hộ gia đình chỉ được một cá nhân tham gia đấu giá.

Chi tiết liên hệ tại:

UBND phường Đồng Mai, địa chỉ: Số 6, đường đê Tả Dáy, Tổ dân phố 7, phường Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. ĐT: 024.33530555

Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, địa chỉ: Số 2 phố Quang Trung, phường Yên Kiêu, quận Hà Đông, Hà Nội. ĐT: 024.33501225.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Huy Hoàng

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC KHU ĐẤT, NHÓM ĐẤT ĐÁU GIÁ
(Kèm theo Thông báo đấu giá số 109/TBĐG ngày 29/11/2019)

STT	Tên Khu/Nhóm đất đấu giá	Xứ đồng	Thửa đất	Diện tích đất nuôi trồng thủy sản (m ²)	Diện tích đất trồng cây hàng năm (m ²)	Tổng diện tích (m ²)	Thời gian cho thuê (năm)	Giá khởi điểm (đ/m ² /năm)	Trên thuê đất 5 năm tính theo GKĐ (đồng)	Bước giá (đồng)	Tiền bán hồ sơ (đ/hs)	Tiền đặt trước (đồng)
1	Khu đất 1	Ao Đầm Cỏ Bàn tại TDP 1	1	4.808,80	3.573,10	8.381,90	5	1.008	42.244.776	300	100.000	8.000.000
2	Khu đất 2	Ao Đầm Cỏ Bàn tại TDP 2	2	3.235,20	2.293,10	5.530,30	5	1.008	27.872.712	300	100.000	5.500.000
3	Khu đất 3	Ao Đầm Cỏ Bàn tại TDP 3	3	7.960,10	5.222,20	13.182,30	5	1.008	66.438.792	300	100.000	13.000.000
4	Khu đất 10	Khu Đầm sen Đồng Hoàng tại TDP 17	4	11.985,50	8.244,00	20.229,50	5	1.008	101.956.680	300	100.000	20.000.000
5	Khu đất 11, Nhóm 1	Nhà Ngói	5		3.217,8	3.836,60	5	1.008	19.336.464	300	100.000	3.800.000
6	Khu đất 11, Nhóm 2	Nhà Ngói	6		618,8	6.371,30	5	1.008	32.111.352	300	100.000	6.400.000
7	Khu đất 11, Nhóm 3	Nhà Ngói	7		6.142,6	6.142,60	5	1.008	30.958.704	300	100.000	6.100.000
8	Khu đất 11, Nhóm 4	Nhà Ngói	8		5.907,8	5.907,80	5	1.008	29.775.312	300	100.000	5.900.000
9	Khu đất 11, Nhóm 5	Nhà Ngói	9		4.654,8	4.654,80	5	1.008	23.460.192	300	100.000	4.600.000
10	Khu đất 11, Nhóm 6	Nhà Ngói	10		5.731,8	5.731,80	5	1.008	28.888.272	300	100.000	5.700.000
11	Khu đất 11, Nhóm 7	Nhà Ngói	11		6.877,4	6.877,40	5	1.008	34.662.096	300	100.000	6.900.000
12	Khu đất 11, Nhóm 8	Nhà Ngói	12		6.395,4	6.395,40	5	1.008	32.232.816	300	100.000	6.400.000
13	Khu đất 11, Nhóm 9	Lãi sông	13		4.304,0	4.304,00	5	1.008	21.692.160	300	100.000	4.300.000
14	Khu đất 11, Nhóm 10	Lãi sông	14		4.008,3	4.008,30	5	1.008	20.201.832	300	100.000	4.000.000
15	Khu đất 11, Nhóm 11	Lãi sông	15		3.636,9	3.636,90	5	1.008	18.329.976	300	100.000	3.600.000
16	Khu đất 11, Nhóm 12	Lãi sông	16		2.806,0	2.806,00	5	1.008	14.142.240	300	100.000	2.800.000
17	Khu đất 11, Nhóm 13	Lãi sông	17		4.968,2	4.968,20	5	1.008	25.039.728	300	100.000	5.000.000
18	Khu đất 11, Nhóm 14	Lãi sông	18		4.579,6	4.579,60	5	1.008	23.081.184	300	100.000	4.600.000
19	Khu đất 11, Nhóm 15	Lãi sông	19		3.894,9	3.894,90	5	1.008	19.630.296	300	100.000	3.900.000
20	Khu đất 11, Nhóm 16	Lãi sông	20		4.165,2	4.165,20	5	1.008	20.992.608	300	100.000	4.100.000
21	Khu đất 11, Nhóm 17	Đình dưới sông	21		2.333,6	2.333,60	5	1.008	11.761.344	300	100.000	2.300.000
22	Khu đất 11, Nhóm 18	Đình dưới sông	22		2.403,1	2.403,10	5	1.008	12.111.624	300	100.000	2.400.000
23	Khu đất 11, Nhóm 19	Đình dưới sông	23		3.552,0	3.552,00	5	1.008	17.902.080	300	100.000	3.500.000
24	Khu đất 11, Nhóm 20	Đình dưới sông	24		2.351,4	2.351,40	5	1.008	11.851.056	300	100.000	2.300.000
25	Khu đất 11, Nhóm 21	Đình dưới sông	25		4.133,8	4.133,80	5	1.008	20.834.352	300	100.000	4.100.000
26	Khu đất 11, Nhóm 22	Đình dưới sông	26		2.256,7	2.256,70	5	1.008	11.373.768	300	100.000	2.200.000
27	Khu đất 11, Nhóm 23	Đình dưới sông	27		5.276,6	5.276,60	5	1.008	26.594.064	300	100.000	5.300.000
28	Khu đất 11, Nhóm 24	Đình dưới sông	28		2.137,5	2.137,50	5	1.008	10.773.000	300	100.000	2.100.000
29	Khu đất 11, Nhóm 25	Đình dưới sông	29		2.733,2	2.733,20	5	1.008	13.775.328	300	100.000	2.700.000
30	Khu đất 11, Nhóm 26	Đình dưới sông	30		1.991,7	1.991,70	5	1.008	10.038.168	300	100.000	2.000.000
31	Khu đất 11, Nhóm 27	Kỳ có	31			3.909,30	5	1.008	19.702.872	300	100.000	3.900.000
32	Khu đất 11, Nhóm 28	Cửa quán	32			5.008,20	5	1.008	25.241.328	300	100.000	5.000.000
33	Khu đất 11, Nhóm 29	Cửa quán	33			5.443,70	5	1.008	27.436.248	300	100.000	5.400.000

STT	Tên Khu/Nhóm đất đầu giá	Xứ đồng	Thửa đất	Diện tích đất nuôi trồng thủy sản (m ²)	Diện tích đất trồng cây hàng năm (m ²)	Tổng diện tích (m ²)	Thời gian cho thuê (năm)	Giá khởi điểm (đ/m ² /năm)	Tiền thuê đất 5 năm tính theo GKD (đồng)	Bước giá (đồng)	Tiền bán hồ sơ (đ/hs)	Tiền đất trước (đồng)
34	Khu đất 11, Nhóm 30	Cửa quán	37 38 39		92,3 5.019,3 994,6	5.019,30	5	1.008	25.297.272	300	100.000	5.000.000
35	Khu đất 11, Nhóm 31	Cửa quán	40 41		481,6 980,8	2.457,00	5	1.008	12.383.280	300	100.000	2.400.000
	Tổng cộng					176.611,90			890.123.976			

Số: 109/QCĐG-QSDĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2019

QUY CHẾ CUỘC ĐẤU GIÁ

Quyền sử dụng của 05 Khu đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích do UBND phường Đồng Mai quản lý cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để trồng cây hàng năm và nuôi trồng thủy sản.

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số: 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài Chính số 45/2017/TT-BTC ngày 12/05/2017 quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản; số 48/2017/TT-BTC ngày 15/05/2017 quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố Hà Nội số 04/2017/QĐ-UBND ngày 24/2/2017 ban hành quy định về đấu giá QSD đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 35/2017/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 về việc ban hành quy định về việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ văn bản số 1005/UBND-ĐT ngày 13/3/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản đất đai.

Căn cứ Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 23/1/2019 của UBND quận Hà Đông về việc thực hiện công tác quản lý quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của các phường và tổ chức đấu giá đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích cho các hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn quận Hà Đông.

Căn cứ Quyết định số 4816/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 về việc điều chỉnh bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của UBND quận Hà Đông.

Căn cứ Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 13/7/2019 của UBND quận Hà Đông về việc phê duyệt giá khởi điểm đấu giá thuê đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để sản xuất nông nghiệp thuộc địa bàn phường Đồng Mai đối với 03 khu đất nhỏ lẻ, khu Đầm Sen Đồng Hoàng và khu Kỳ Cỏ - Đồng Dương;

Căn cứ Quyết định số 3287/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của UBND quận Hà Đông về việc phê duyệt giá khởi điểm đấu giá cho thuê đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích đối với 06 khu đất nông nghiệp công ích thuộc địa bàn phường Đồng Mai;

Căn cứ Quyết định số 4455/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của UBND quận Hà Đông về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích do UBND phường Đồng Mai quản lý, cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản;

Quyết định số 4617/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 của UBND quận Hà Đông về việc đấu giá quyền sử dụng đất 11 khu đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích do UBND phường Đồng Mai quản lý cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để trồng cây hàng năm và nuôi trồng thủy sản;

Căn cứ hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 109/2019/HĐĐG-NV1 ký ngày 28/11/2019 giữa Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản và UBND phường Đồng Mai về việc đấu giá Quyền sử dụng của 09 Khu đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích do UBND phường Đồng Mai quản lý cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để trồng cây hàng năm và nuôi trồng thủy sản.

Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản ban hành Quy chế cuộc đấu giá như sau:

Điều 1. Tài sản đấu giá, giá khởi điểm, thời gian thuê đất, bước giá, tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước.

Quyền sử dụng của 05 Khu đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích do UBND phường Đồng Mai quản lý cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để trồng cây hàng năm và nuôi trồng thủy sản, tổng diện tích: 176.611,90m² (Một trăm bảy mươi sáu nghìn, sáu trăm mười một phẩy chín mét vuông).

Thông tin chi tiết về tài sản đấu giá, thời hạn thuê, giá khởi điểm, bước giá, tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước như Bảng tổng hợp danh sách các khu đất, nhóm đất đấu giá kèm theo.

Tiền đặt trước được người tham gia đấu giá nộp vào tài khoản của Trung tâm trong thời hạn 03 ngày làm việc trước ngày mở cuộc đấu giá. Số tiền đặt trước người tham gia đấu giá nộp tương ứng với số Khu đất/Nhóm đất mà người tham gia đấu giá đăng ký mua. Tài khoản nhận tiền đặt trước như sau:

Đơn vị hưởng: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản.

Tài khoản số: 1001001858 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh Thăng Long, Phòng giao dịch Nguyễn Huệ.

Nội dung nộp: "Tên người tham gia đấu giá" nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá "Tên Khu đất/nhóm đất công ích", phường Đồng Mai.

Trường hợp người tham gia đấu giá không trúng đấu giá, không vi phạm phương án và quy chế đấu giá thì Trung tâm sẽ trả lại khoản tiền đặt trước cho người tham gia đấu giá trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá.

Trường hợp người tham gia đấu giá trúng đấu giá thì tiền đặt trước được chuyển thành tiền đặt cọc để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ mua tài sản đấu giá sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc xử lý tiền đặt cọc thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Tiền đặt trước của các khách hàng không được nhận lại khoản tiền đặt trước theo quy định tại Khoản 6 Điều 39 Luật đấu giá tài sản được nộp vào ngân sách nhà nước.

Điều 2. Thời gian, và địa điểm bán, nộp hồ sơ, xem thực địa, xét điều kiện tham gia tổ chức cuộc đấu giá:

- Thời gian niêm yết thông báo đấu giá: Từ 03/12/2019.
- Thời gian bán hồ sơ, tham khảo hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: Từ ngày 03/12/2019 đến 16h30 ngày 18/12/2019 tại trụ sở UBND phường Đồng Mai, địa chỉ: Số 6, đường đê Tả Đáy, Tổ dân phố 7, phường Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Thời gian thăm thực địa khu đất đấu giá: Ngày 16/12/2019 và ngày 17/12/2019. Người có nhu cầu đi thăm thực địa khu đất đấu giá tập trung tại UBND phường Đồng Mai lúc 8h30 mỗi ngày để cán bộ Trung tâm và UBND phường Đồng Mai dẫn đi xem thực địa. Phương tiện đi lại khách hàng tự thu xếp.
- Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ ngày 18/12/2019 đến 16h30 ngày 19/12/2019.
- Thời gian, địa điểm xét duyệt tư cách khách hàng tham gia đấu giá: ngày 20/12/2019 tại UBND phường Đồng Mai, địa chỉ: Số 6, đường đê Tả Đáy, Tổ dân phố 7, phường Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá: 08h00 ngày 23/12/2019 tại UBND phường Đồng Mai.

Điều 3. Đối tượng được tham gia đấu giá và không được tham gia đấu giá.

3.1. Đối tượng được tham gia đấu giá

Đối tượng được tham gia đấu giá là hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu thường trú tại phường Đồng Mai từ đủ 18 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự, thuộc đối tượng được thuê đất quy định tại điểm a khoản 1 điều 56 Luật Đất đai 2013, đã nộp hồ sơ, tiền đặt trước đúng quy định và không thuộc các trường hợp không được đăng ký tham gia đấu giá theo quy định tại Khoản 4 Điều 38 Luật đấu giá tài sản. Mỗi Khu đất/Nhóm đất, một hộ gia đình chỉ được một cá nhân tham gia đấu giá.

3.2. Đối tượng không được tham gia đấu giá quyền sử dụng đất

- a) Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký tham gia đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;
- b) Người làm việc trong tổ chức đấu giá tài sản thực hiện cuộc đấu giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người điều hành cuộc đấu giá;
- c) Người có quyền quyết định bán tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản;

d) Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người có quyền quyết định đấu giá tài sản hoặc người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản;

e) Người không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 56 của Luật đất đai 2013.

Điều 4. Phương thức, hình thức đấu giá, cách thức đấu giá, phiếu đấu giá hợp lệ, giá trả hợp lệ, giá trúng đấu giá.

4.1. Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên. Đấu giá từng khu đất. Riêng khu đất 11 thì đấu giá theo từng nhóm đất.

4.2. Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp 01 vòng tại cuộc đấu giá.

4.3. Cách thức đấu giá:

Việc trả giá được tổ chức thành các lần trả giá. Số lượng Khu đất/Nhóm đất đưa ra đấu giá tại mỗi lần trả giá sẽ được Đấu giá viên công bố cụ thể trước khi tổ chức cuộc đấu giá. Các lần trả giá được thực hiện liên tục. Phiếu trả giá của mỗi lần trả giá được người tham gia đấu giá bỏ vào 01 hòm phiếu. Khi lần trả giá cuối cùng kết thúc thì Đấu giá viên mới cho tiến hành mở lần lượt từng hòm phiếu để phân loại phiếu theo từng Khu đất/Nhóm đất và công bố giá trả, xác định người trúng đấu giá cho từng Khu đất/Nhóm đất.

Tại mỗi lần trả giá, Trung tâm sẽ phát số phiếu trả giá cho người tham gia đấu giá. Giá trả tại phiếu trả giá là giá thuê của 01m² đất trong 01 năm của Khu đất/Nhóm đất đó. Người tham gia đấu giá nhiều thửa đất sẽ được phát số phiếu trả giá tương ứng. Người tham gia đấu giá ghi giá trả vào tất cả phiếu trả giá rồi bỏ phiếu vào cùng một hòm phiếu. Thời gian ghi phiếu và bỏ phiếu tối đa là 10 phút kể từ khi đấu giá viên công bố thời gian bắt đầu.

Hết thời gian 10 phút mà người tham gia đấu giá chưa bỏ phiếu trả giá vào hòm phiếu thì coi như không tham gia đấu giá, phiếu đấu giá bị loại không được xét trúng đấu giá và bị xử lý theo quy định.

Kết thúc thời gian ghi phiếu và bỏ phiếu của lần trả giá cuối cùng, đấu giá viên điều hành sẽ cho mở hòm phiếu để kiểm phiếu, phân loại phiếu và công bố giá trả. Đấu giá viên sẽ công bố giá trả của từng phiếu trả giá. Việc mở hòm phiếu, kiểm phiếu, phân loại phiếu và công bố giá trả của các phiếu trả giá có sự giám sát của đại diện người tham gia đấu giá và đại diện UBND phường Đồng Mai.

4.4. Cách xác định người trúng đấu giá:

- Sau khi công bố giá trả của Khu đất/Nhóm đất nào thì xác định ngay người trúng đấu giá của Khu đất/Nhóm đất đó.

- Giá trả của các phiếu trả giá sẽ được sắp xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp. Người trúng đấu giá Khu đất/Nhóm đất nào là người có giá trả cao nhất của Khu đất/Nhóm đất đó.

- Trường hợp có nhiều người trả giá cao nhất bằng nhau và chưa xác định được người trúng đấu giá thì tổ chức cho những người đó đấu giá tiếp để xác định người trúng đấu giá (Vòng đấu phụ), mức giá khởi điểm để đấu giá tiếp là mức giá đã trả

trước của những người đó. Nếu một trong những người đó không đồng ý đấu giá tiếp thì tổ chức cho những người đó bốc thăm để xác định người trúng đấu giá.

4.5. Giá trả hợp lệ và phiếu trả giá hợp lệ:

- Giá trả hợp lệ đủ điều kiện xét trúng giá theo quy định phải từ giá khởi điểm trở lên và tròn bước giá (nếu trả cao hơn giá khởi điểm thì phần cao hơn phải bằng bội số của bước giá).

- Phiếu trả giá hợp lệ: Là phiếu do Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản phát hành, được ghi đầy đủ các nội dung theo mẫu và thống nhất với hồ sơ xác định tư cách người tham gia đấu giá. Phiếu phải còn nguyên vẹn, không rách nát, không tẩy xóa.

- Nếu giá trả bằng chữ và bằng số không thống nhất với nhau thì sẽ lấy giá trả bằng chữ làm giá trả của phiếu trả giá.

- Nếu giá trả cao hơn giá khởi điểm nhưng không tròn bước giá sẽ được làm tròn theo nguyên tắc cộng tăng lên cho tròn bước giá. Nếu người tham gia đấu giá không đồng ý làm tròn bước giá thì giá trả không hợp lệ, không được xét trúng đấu giá.

- Giá trả thấp hơn giá khởi điểm là giá trả không hợp lệ, không được xét trúng đấu giá.

- Diễn biến cuộc đấu giá được ghi vào biên bản đấu giá. Biên bản đấu giá được lập tại cuộc đấu giá và có chữ ký của đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá, người ghi biên bản, người trúng đấu giá, đại diện của những người tham gia đấu giá và đại diện UBND phường Đồng Mai (Điều 44 Luật Đấu giá tài sản).

4.6. Xử lý các trường hợp phát sinh.

+ Rút lại giá đã trả.

Tại cuộc đấu giá nếu người đã trả giá cao nhất rút lại giá đã trả trước khi đấu giá viên công bố người trúng đấu giá thì cuộc đấu giá vẫn tiếp tục và bắt đầu từ giá của người trả giá liền kề trước đó.

Người rút lại giá đã trả hoặc rút lại giá đã chấp nhận bị truất quyền tham gia cuộc đấu giá.

Người rút lại giá đã trả không được nhận lại tiền đặt trước.

+ Từ chối kết quả trúng đấu giá.

Sau khi đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá đã công bố người trúng đấu giá mà tại cuộc đấu giá người trúng đấu giá từ chối kết quả trúng đấu giá thì người trả giá liền kề là người trúng đấu giá nếu giá liền kề đó (tính theo giá thuê đất trong 05 năm) cộng với khoản tiền đặt trước ít nhất bằng giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá và người trả giá liền kề chấp nhận mua tài sản đấu giá.

Trường hợp giá liền kề (tính theo giá thuê đất trong 05 năm) cộng với khoản tiền đặt trước nhỏ hơn giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá hoặc người trả giá liền kề không chấp nhận mua tài sản đấu giá thì thửa đất trúng đấu giá của người từ chối kết quả trúng đấu giá không thành.

Người Từ chối kết quả trúng đấu giá không được nhận lại tiền đặt trước.

Điều 5. Nộp tiền thuê đất.

Sau khi được UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả trúng đấu giá, người trúng đấu giá có trách nhiệm nộp tiền thuê đất theo quy định tại Điều 24 Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và Thông báo nộp tiền thuê đất của UBND phường Đồng Mai.

Điều 6. Nội quy phòng đấu giá

Người tham gia đấu giá phải chấp hành đầy đủ các quy định tại Phương án đấu giá cho thuê đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn phường Đồng Mai do UBND quận Hà Đông ban hành và các quy định của pháp luật có liên quan.

Người tham gia đấu giá phải có mặt đầy đủ, đúng giờ để tham gia cuộc đấu giá. Khi đến tham gia cuộc đấu giá phải xuất trình giấy CMND/CCCD/HC bản chính, giấy uỷ quyền hợp lệ (nếu được uỷ quyền)

Người tham gia đấu giá phải có mặt tại phòng đấu giá đúng thời gian quy định theo thông báo. Trường hợp vì lý do bất khả kháng không thể có mặt tham gia cuộc đấu giá được phải báo ngay cho đơn vị tổ chức đấu giá biết để xem xét và phải có xác nhận của chính quyền địa phương nơi xảy ra sự việc.

Chỉ có người tham gia đấu giá mới được phát thẻ và vào phòng đấu giá. Những người đi theo người tham gia đấu giá không được vào phòng đấu giá.

Người tham gia đấu giá ngồi đúng vị trí ban tổ chức đã sắp xếp, không đi lại lộn xộn trong phòng đấu giá.

Người tham gia đấu giá không hút thuốc, không sử dụng điện thoại di động hoặc bất kỳ phương tiện truyền thông nào trong phòng đấu giá, không tự ý ra khỏi phòng đấu giá nếu chưa có sự đồng ý của đấu giá viên.

Người tham gia đấu giá không được mang theo chất cháy nổ, hung khí, vũ khí, chất kích thích vào khu vực tổ chức cuộc đấu giá, không được sử dụng chất kích thích khi đến tham gia đấu giá.

Người tham gia đấu giá phải tuân thủ tuyệt đối sự điều hành cuộc đấu giá của Đấu giá viên. Không tranh luận với đấu giá viên vì bất kỳ lý do nào.

Người tham gia đấu giá có hành vi phá rối, cản trở cuộc đấu giá hoặc liên kết, thông đồng đim giá thì bị truất quyền tham gia đấu giá và bị xử lý theo quy định.

Điều 7. Các trường hợp không được trả lại tiền đặt trước.

Người tham gia đấu giá có những vi phạm sau thì không được nhận lại khoản tiền đặt trước:

+ Đã nộp tiền đặt trước nhưng không tham gia cuộc đấu giá mà không thuộc trường hợp bất khả kháng.

+ Bị truất quyền tham gia đấu giá do có hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 9 của Luật Đấu giá tài sản. Cụ thể như sau:


- Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; sử dụng giấy tờ giả mạo để đăng ký tham gia đấu giá, tham gia cuộc đấu giá;

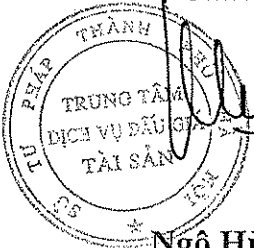
- Thông đồng, móc nối với đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản, người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá khác, cá nhân, tổ chức khác để đim giá, làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản;
- Cản trở hoạt động đấu giá tài sản; gây rối, mất trật tự tại cuộc đấu giá;
- Đe dọa, cưỡng ép đấu giá viên, người tham gia đấu giá khác nhằm làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản;
- Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của luật có liên quan.
 - + Từ chối ký biên bản đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu giá tài sản.
 - + Rút lại giá đã trả theo quy định tại Điều 50 của Luật Đấu giá tài sản.
 - + Từ chối kết quả trúng đấu giá theo quy định tại Điều 51 của Luật Đấu giá tài sản.

Tiền đặt trước của các khách hàng trong các trường hợp không được nhận lại tiền đặt trước nói trên bị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Điều 8. Tổ chức thực hiện.

Cán bộ, viên chức Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, người đăng ký tham gia đấu giá, các đơn vị và cá nhân có liên quan trong quá trình tổ chức đấu giá có trách nhiệm thực hiện Quy chế cuộc đấu giá này./.

GIÁM ĐỐC 



Ngô Hùng Minh

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC KHU ĐẤT, NHÓM ĐẤT ĐẦU GIÁ
(Kèm theo Quy chế cuộc đấu giá số 109/QCĐG-QSĐĐ ngày 29/11/2019)

STT	Tên Khu/Nhóm đất đầu giá	Xứ đồng	Thửa đất	Diện tích đất nuôi trồng thủy sản (m ²)	Diện tích đất trồng cây hàng năm (m ²)	Tổng diện tích (m ²)	Thời gian cho thuê (năm)	Giá khởi điểm (đ/m ² /năm)	Tiền thuê đất 5 năm tính theo GKĐ (đồng)	Bước giá (đồng)	Tiền bán hồ sơ (đ/hs)	Tiền đặt trước (đồng)
1	Khu đất 1	Ao Đầm Cỏ Bàn tại TDP 1	1	4.808,80	3.573,10	8.381,90	5	1.008	42.244.776	300	100.000	8.000.000
2	Khu đất 2	Ao Đầm Cỏ Bàn tại TDP 2	2	3.235,20	2.295,10	5.530,30	5	1.008	27.872.712	300	100.000	5.500.000
3	Khu đất 3	Ao Đầm Cỏ Bàn tại TDP 3	3	7.960,10	5.222,20	13.182,30	5	1.008	66.438.792	300	100.000	13.000.000
4	Khu đất 10	Khu Đầm sen Đồng Hoàng tại TDP 17	4	11.985,50	8.244,00	20.229,50	5	1.008	101.956.680	300	100.000	20.000.000
5	Khu đất 11, Nhóm 1	Nhà Ngói	1		3.217,8	3.836,60	5	1.008	19.336.464	300	100.000	3.800.000
6	Khu đất 11, Nhóm 2	Nhà Ngói	2		618,8	6.371,30	5	1.008	32.111.352	300	100.000	6.400.000
7	Khu đất 11, Nhóm 3	Nhà Ngói	3		6.142,6	6.142,60	5	1.008	30.958.704	300	100.000	6.100.000
8	Khu đất 11, Nhóm 4	Nhà Ngói	4		5.907,8	5.907,80	5	1.008	29.775.312	300	100.000	5.900.000
9	Khu đất 11, Nhóm 5	Nhà Ngói	5		4.654,8	4.654,80	5	1.008	23.460.192	300	100.000	4.600.000
10	Khu đất 11, Nhóm 6	Nhà Ngói	6		5.731,8	5.731,80	5	1.008	28.888.272	300	100.000	5.700.000
11	Khu đất 11, Nhóm 7	Nhà Ngói	7		6.877,4	6.877,40	5	1.008	34.662.096	300	100.000	6.900.000
12	Khu đất 11, Nhóm 8	Nhà Ngói	8		6.395,4	6.395,40	5	1.008	32.232.816	300	100.000	6.400.000
13	Khu đất 11, Nhóm 9	Nhà Ngói	9		4.304,0	4.304,00	5	1.008	21.692.160	300	100.000	4.300.000
14	Khu đất 11, Nhóm 10	Lái sông	10		4.008,3	4.008,30	5	1.008	20.201.832	300	100.000	4.000.000
15	Khu đất 11, Nhóm 11	Lái sông	11		3.636,9	3.636,90	5	1.008	18.329.976	300	100.000	3.600.000
16	Khu đất 11, Nhóm 12	Lái sông	12		2.806,0	2.806,00	5	1.008	14.142.240	300	100.000	2.800.000
17	Khu đất 11, Nhóm 13	Lái sông	13		4.968,2	4.968,20	5	1.008	25.039.728	300	100.000	5.000.000
18	Khu đất 11, Nhóm 14	Lái sông	14		4.579,6	4.579,60	5	1.008	23.081.184	300	100.000	4.600.000
19	Khu đất 11, Nhóm 15	Lái sông	15		3.894,9	3.894,90	5	1.008	19.630.296	300	100.000	3.900.000
20	Khu đất 11, Nhóm 16	Lái sông	16		4.165,2	4.165,20	5	1.008	20.992.608	300	100.000	4.100.000
21	Khu đất 11, Nhóm 17	Lái sông	17		2.333,6	2.333,60	5	1.008	11.761.344	300	100.000	2.300.000
22	Khu đất 11, Nhóm 18	Đình dưới sông	18		2.403,1	2.403,10	5	1.008	12.111.624	300	100.000	2.400.000
23	Khu đất 11, Nhóm 19	Đình dưới sông	19		3.552,0	3.552,00	5	1.008	17.902.080	300	100.000	3.500.000
24	Khu đất 11, Nhóm 20	Đình dưới sông	20		2.351,4	2.351,40	5	1.008	11.851.056	300	100.000	2.300.000
25	Khu đất 11, Nhóm 21	Đình dưới sông	21		4.133,8	4.133,80	5	1.008	20.834.352	300	100.000	4.100.000
26	Khu đất 11, Nhóm 22	Đình dưới sông	22		2.256,7	2.256,70	5	1.008	11.373.768	300	100.000	2.200.000
27	Khu đất 11, Nhóm 23	Đình dưới sông	23		5.276,6	5.276,60	5	1.008	26.594.064	300	100.000	5.300.000
28	Khu đất 11, Nhóm 24	Đình dưới sông	24		2.137,5	2.137,50	5	1.008	10.773.000	300	100.000	2.100.000
29	Khu đất 11, Nhóm 25	Đình dưới sông	25		2.733,2	2.733,20	5	1.008	13.775.328	300	100.000	2.700.000
30	Khu đất 11, Nhóm 26	Đình dưới sông	26		1.991,7	1.991,70	5	1.008	10.038.168	300	100.000	2.000.000
31	Khu đất 11, Nhóm 27	Kỳ cò	27		1.319,2	3.909,30	5	1.008	19.702.872	300	100.000	3.900.000
32	Khu đất 11, Nhóm 28	Cửa quán	28		223,9	5.008,20	5	1.008	25.241.328	300	100.000	5.000.000
33	Khu đất 11, Nhóm 29	Cửa quán	29		144,5	5.443,70	5	1.008	27.436.248	300	100.000	5.400.000
			30		258,1							
			31		248,6							
			32		1.715,0							
			33		5.008,2							
			34		5.253,3							
			35		98,1							

STT	Tên Khu/Nhóm đất đầu giá	Xứ đồng	Thửa đất	Diện tích đất nuôi trồng thủy sản (m2)	Diện tích đất trồng cây hàng năm (m2)	Tổng diện tích (m2)	Thời gian cho thuê (năm)	Giá khởi điểm (đ/m2/năm)	Tiền thuê đất 5 năm tính theo GKĐ (đồng)	Bước giá (đồng)	Tiền bán hồ sơ (đ/hs)	Tiền đặt trước (đồng)
			37		92,3							
			38		5.019,3		5	1.008	25.297.272	300	100.000	5.000.000
34	Khu đất 11, Nhóm 30	Cửa quán	39		994,6							
			40		481,6		5	1.008	12.383.280	300	100.000	2.400.000
35	Khu đất 11, Nhóm 31	Cửa quán	41		980,8				890.123.976			
	Tổng cộng					176.611,90						

Handwritten signature or mark



**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN HÀ ĐÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2858/QĐ-UBND

Hà Đông, ngày 13 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá khởi điểm đấu giá thuê đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để sản xuất nông nghiệp trên địa bàn phường Đông Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định 35/2017/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND Thành phố Hà Nội "ban hành quy định việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá QSD đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội"

Căn cứ Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 làm căn cứ xác định giá đất cho một số trường hợp sử dụng đất được pháp luật quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3667/QĐ-UBND ngày 07/7/2014 của UBND thành phố Hà Nội về tỷ lệ % đơn giá thuê đất đối với các trường hợp thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, thuê đất có mặt nước, thuê đất để xây dựng công trình ngầm trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Văn bản số 9603/UBND-TNMT ngày 09/12/2014 của UBND thành phố Hà Nội về xác định tỷ lệ % hệ số điều chỉnh giá đất để làm căn cứ xác định giá khởi điểm tổ chức đấu giá cho thuê đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản thuộc quỹ đất công ích, đất bãi bồi ven sông, đất chưa sử dụng;

Căn cứ Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND thành phố Hà Nội về sửa đổi một số điều tại Quyết định số 3667/QĐ-UBND ngày 07/7/2014 về tỷ lệ % đơn giá thuê đất với các trường hợp thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, thuê đất có mặt nước, thuê đất để xây dựng công trình ngầm trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của UBND phường Đồng Mai tại Tờ trình số 32/TTr-UBND ngày 03/6/2019; Tờ trình số 617/TTr-TCKH ngày 05/7/2019 của phòng Tài chính - Kế hoạch về việc đề nghị phê duyệt giá khởi điểm đấu giá thuê đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để sản xuất nông nghiệp trên địa bàn phường Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá thuê đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để sản xuất nông nghiệp trên địa bàn phường Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

STT	Tên khu đất đưa ra đấu giá	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm được phê duyệt (đồng/m ² /năm)
1	Khu đầm sen Đồng Hoàng	20.229,50	1.008
2	Khu Kỳ Cỏ Đồng Dương	38.076,0	1.008
3	Tổng khu Nhà ngói	45.917,70	1.008
4	Tổng khu Lái Sông	32.363,10	1.008
5	Tổng khu Đình dưới sông	29.169,60	1.008
6	Tổng khu Kỳ Cỏ	3.909,30	1.008
7	Tổng khu Cửa Quán	17.928,20	1.008
	Tổng cộng	187.593,4	

*- Thời gian áp dụng: Quyết định phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá thuê đất có hiệu lực đến 31/12/2019. UBND phường Đồng Mai chịu trách nhiệm về tính chính xác các thông tin của khu đất đấu giá cho thuê đất, đảm bảo thủ tục, điều kiện theo quy định trước khi tổ chức đấu giá.

Điều 2. UBND phường Đồng Mai có trách nhiệm tổ chức đấu giá cho thuê đất đúng quy định và đảm bảo quy trình theo quy định của pháp luật.


Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các đơn vị: Văn phòng HĐND&UBND quận Hà Đông, phòng Tài chính - Kế hoạch, phòng Tài nguyên & môi trường, phòng Quản lý đô thị, phòng

Kinh tế, Chi cục thuế Hà Đông, UBND phường Đồng Mai và các đơn vị có liên quan
chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.


Nơi nhận:

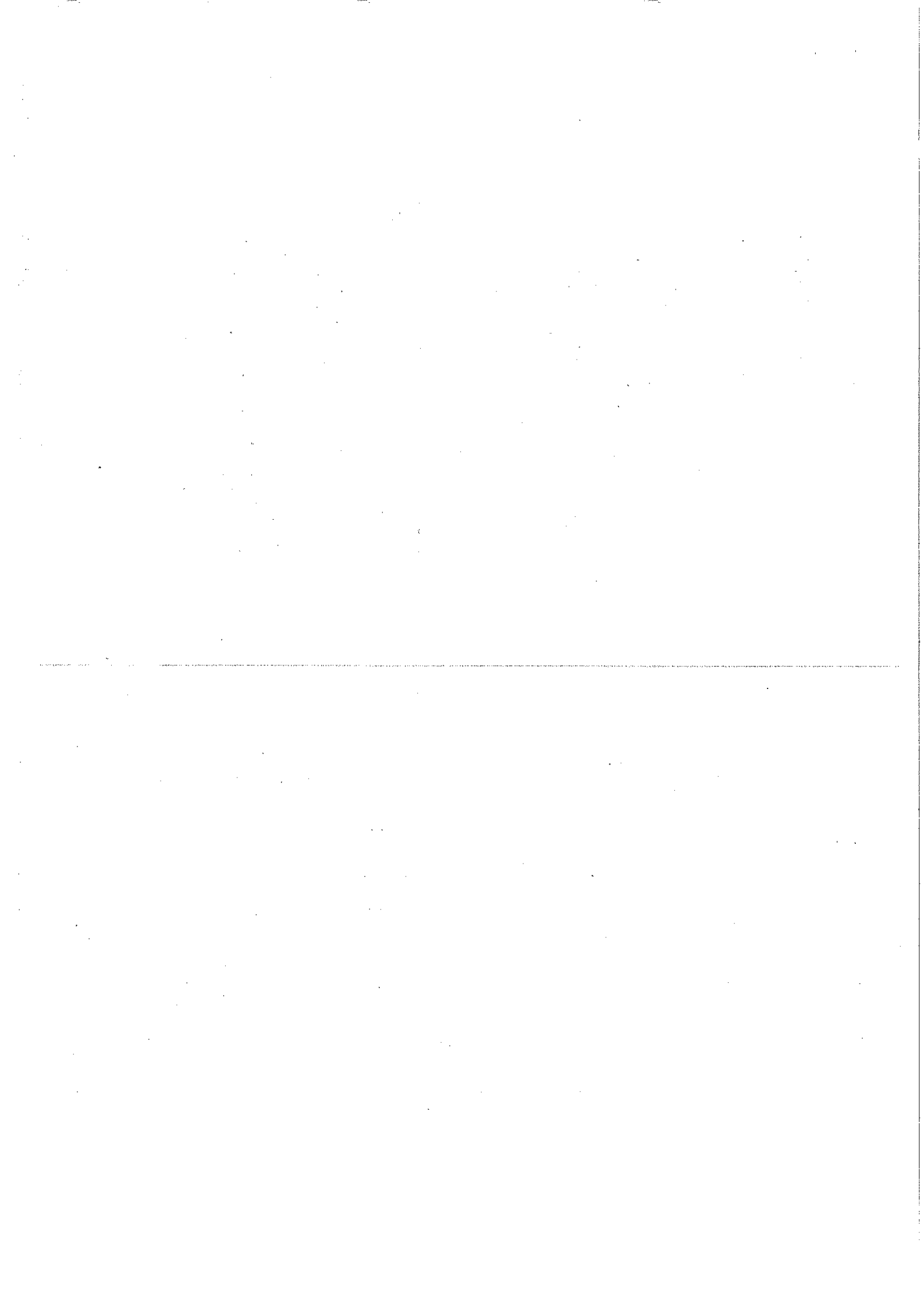
- Như Điều 3;

- Lưu: VT 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Cám Thị Việt Hà





**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN HÀ ĐÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3287/QĐ-UBND

Hà Đông, ngày 08 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá khởi điểm đấu giá thuê đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với 06 khu đất nông nghiệp công ích thuộc địa bàn phường Đông Mai, quận Hà Đông.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định 35/2017/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND Thành phố Hà Nội "ban hành quy định việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá QSD đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội"

Căn cứ Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 làm căn cứ xác định giá đất cho một số trường hợp sử dụng đất được pháp luật quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3667/QĐ-UBND ngày 07/7/2014 của UBND thành phố Hà Nội về tỷ lệ % đơn giá thuê đất đối với các trường hợp thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, thuê đất có mặt nước, thuê đất để xây dựng công trình ngầm trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Văn bản số 9603/UBND-TNMT ngày 09/12/2014 của UBND thành phố Hà Nội về xác định tỷ lệ % hệ số điều chỉnh giá đất để làm căn cứ xác định giá

khởi điểm tổ chức đấu giá cho thuê đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản thuộc quỹ đất công ích, đất bãi bồi ven sông, đất chưa sử dụng;

Căn cứ Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND thành phố Hà Nội về sửa đổi một số điều tại Quyết định số 3667/QĐ-UBND ngày 07/7/2014 về tỷ lệ % đơn giá thuê đất với các trường hợp thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, thuê đất có mặt nước, thuê đất để xây dựng công trình ngầm trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Văn bản số 1005/UBND-ĐT ngày 13/3/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản đất đai;

Căn cứ Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 23/1/2019 của UBND quận Hà Đông về việc thực hiện công tác quản lý quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của các phường và tổ chức đấu giá đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích cho các hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn quận Hà Đông.

Xét đề nghị của UBND phường Đồng Mai tại Tờ trình số 51/TTr-UBND ngày 16/7/2019; Tờ trình số 757/TTr-TCKH ngày 05/8/2019 của phòng Tài chính - Kế hoạch về việc đề nghị phê duyệt giá khởi điểm đấu giá thuê đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với 06 khu đất nông nghiệp công ích thuộc địa bàn phường Đồng Mai, quận Hà Đông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá thuê đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với 06 khu đất nông nghiệp công ích thuộc địa bàn phường Đồng Mai, quận Hà Đông, cụ thể như sau:

STT	Tên khu đất đưa ra đấu giá	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm được phê duyệt (đồng/m ² /năm)
1	Khu 1 (Khu Bãi tổ 7)	8.735,1	1.008
2	Khu 1 (Khu Đất Dâu)	9.464,8	1.008
3	Khu 3 (Khu Đất Dâu)	16.820,1	1.008
4	Khu 1 (Khu Ao Đầm Cổ Bản)	5.530,3	1.008
5	Khu 2 (Khu Ao Đầm Cổ Bản)	8.381,9	1.008
6	Khu 3 (Khu Ao Đầm Cổ Bản)	13.182,3	1.008
	Tổng cộng	62.114,5	

*- Thời gian áp dụng: Quyết định phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá thuê đất có hiệu lực đến 31/12/2019. UBND phường Đồng Mai chịu trách nhiệm về tính chính xác các thông tin của khu đất đấu giá cho thuê đất, đảm bảo thủ tục, điều kiện theo quy định trước khi tổ chức đấu giá.

Điều 2. UBND phường Đồng Mai có trách nhiệm tổ chức đấu giá cho thuê đất đúng quy định và đảm bảo quy trình theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các đơn vị: Văn phòng HĐND&UBND quận Hà Đông, phòng Tài chính - Kế hoạch, phòng Tài nguyên & môi trường, phòng Quản lý đô thị, phòng Kinh tế, Chi cục thuế Hà Đông, UBND phường Đồng Mai, Kho bạc Nhà nước Hà Đông và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cán Thị Việt Hà

Số: 4455/QĐ-UBND

Hà Đông, ngày 05 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích do UBND phường Đồng Mai quản lý cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để trồng cây hàng năm và nuôi trồng thủy sản.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC; số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại luật đấu giá tài sản; số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 4816/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 quận Hà Đông;



Căn cứ Văn bản số 1005/UBND-ĐT ngày 13/3/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất theo quy định pháp luật về đấu giá tài sản, đất đai;

Căn cứ Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 23/01/2019 của UBND quận Hà Đông về việc thực hiện công tác quản lý quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của các phường và tổ chức đấu giá đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn quận Hà Đông;

Xét các Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 30/10/2019 của UBND phường Đồng Mai và Tờ trình số 1137/TTr-TNMT ngày 31/10/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích do UBND phường Đồng Mai quản lý cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để trồng cây hàng năm và nuôi trồng thủy sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích tại 11 khu đất do UBND phường Đồng Mai quản lý cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để trồng cây hàng năm và nuôi trồng thủy sản (có phương án chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân phường Đồng Mai tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND quận Hà Đông; Thủ trưởng các đơn vị: Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Ban QLDA đầu tư xây dựng quận; Chủ tịch UBND phường Đồng Mai; Thủ trưởng các phòng, ban có liên quan căn cứ quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT

5

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



PHƯƠNG ÁN

Đấu giá quyền sử dụng đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích do Ủy ban nhân dân phường Đồng Mai quản lý cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

(Kèm theo Quyết định số 4455/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của UBND quận Hà Đông)

I. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

1. Danh mục khu đất, vị trí, loại đất, diện tích, hiện trạng các khu đất đưa ra đấu giá

1.1. Khu đất 1:

- Vị trí: Khu Ao đầm Cổ Bản, phường Đồng Mai
- Loại đất: Đất trồng cây hàng năm và mặt nước nuôi trồng thủy sản.
- Diện tích: 8.381,9m² bao gồm:
 - + Đấu giá để sử dụng vào mục đích Mặt nước nuôi trồng thủy sản: 4.808,8m²
 - + Đấu giá để sử dụng vào mục đích Đất trồng cây hàng năm: 3.573,1m².
- Mặt bằng: Tại Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 30/10/2019 của UBND phường Đồng Mai và Phương án kèm theo, thể hiện đã đủ điều kiện về mặt bằng để tổ chức đấu giá.

1.2. Khu đất 2:

- Vị trí: Khu Ao đầm Cổ Bản, phường Đồng Mai
- Loại đất: Đất trồng cây hàng năm và mặt nước nuôi trồng thủy sản.
- Diện tích: 5.530,3m² bao gồm:
 - + Đấu giá để sử dụng vào mục đích Mặt nước nuôi trồng thủy sản: 3.235,2m²
 - + Đấu giá để sử dụng vào mục đích Đất trồng cây hàng năm: 2.295,1m²
- Mặt bằng: Tại Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 30/10/2019 của UBND phường Đồng Mai và Phương án kèm theo, thể hiện đã đủ điều kiện về mặt bằng để tổ chức đấu giá.

1.3. Khu đất 3:

- Vị trí: Khu Ao đầm Cổ Bản, phường Đồng Mai
- Loại đất: Đất trồng cây hàng năm và mặt nước nuôi trồng thủy sản.

- Diện tích: 13.182,3m² bao gồm:

+ Đất giá để sử dụng vào mục đích Mặt nước nuôi trồng thủy sản: 7.960,1m²

+ Đất giá để sử dụng vào mục đích Đất trồng cây hàng năm: 5.222,2m²

- Mặt bằng: Tại Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 30/10/2019 của UBND phường Đồng Mai và Phương án kèm theo, thể hiện đã đủ điều kiện về mặt bằng để tổ chức đấu giá.

1.4. Khu đất 4:

- Vị trí: **Khu Đất Dâu (Bãi Tổ 7), phường Đồng Mai**

- Loại đất: Đất trồng cây hàng năm.

- Diện tích đất giá để sử dụng vào mục đích Đất trồng cây hàng năm: 8.735,1m²

- Mặt bằng: Tại Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 30/10/2019 của UBND phường Đồng Mai và Phương án kèm theo, thể hiện đã đủ điều kiện về mặt bằng để tổ chức đấu giá.

1.5. Khu đất 5:

- Vị trí: **Khu Đất Dâu, phường Đồng Mai**

- Loại đất: Đất trồng cây hàng năm.

- Diện tích đất giá để sử dụng vào mục đích Đất trồng cây hàng năm: 6.868,4m²

- Mặt bằng: Tại Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 30/10/2019 của UBND phường Đồng Mai và Phương án kèm theo, thể hiện đã đủ điều kiện về mặt bằng để tổ chức đấu giá.

1.6. Khu đất 6:

- Vị trí: **Khu Đất Dâu, phường Đồng Mai**

- Loại đất: Đất trồng cây hàng năm.

- Diện tích đất giá để sử dụng vào mục đích Đất trồng cây hàng năm: 9.464,8m²

- Mặt bằng: Tại Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 30/10/2019 của UBND phường Đồng Mai và Phương án kèm theo, thể hiện đã đủ điều kiện về mặt bằng để tổ chức đấu giá.

1.7. Khu đất 7:

- Vị trí: **Khu Đất Dâu, phường Đồng Mai**

- Loại đất: Đất trồng cây hàng năm.

- Diện tích đất giá để sử dụng vào mục đích Đất trồng cây hàng năm: 16.820,1m²

- Mặt bằng: Tại Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 30/10/2019 của UBND phường Đồng Mai và Phương án kèm theo, thể hiện đã đủ điều kiện về mặt bằng để tổ chức đấu giá.

1.8. Khu đất 8:

- Vị trí: *Khu Đất Trại Ươm (Trại Cụ), phường Đồng Mai*

- Loại đất: Đất trồng cây hàng năm và mặt nước nuôi trồng thủy sản.

- Diện tích: 35.834,5m² bao gồm:

+ Đấu giá để sử dụng vào mục đích Mặt nước nuôi trồng thủy sản: 137,9m²

+ Đấu giá để sử dụng vào mục đích Đất trồng cây hàng năm: 35.696,6m²

- Mặt bằng: Tại Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 30/10/2019 của UBND phường Đồng Mai và Phương án kèm theo, thể hiện đã đủ điều kiện về mặt bằng để tổ chức đấu giá.

1.9. Khu đất 9:

- Vị trí: *Khu Đồng Kỳ Cổ - Đồng Dương, phường Đồng Mai*

- Loại đất: Đất trồng cây hàng năm và mặt nước nuôi trồng thủy sản.

- Diện tích: 38.076,0m², bao gồm:

+ Đấu giá để sử dụng vào mục đích Mặt nước nuôi trồng thủy sản: 3.648,9m²

+ Đấu giá để sử dụng vào mục đích Đất trồng cây hàng năm: 34.427,1m²

- Mặt bằng: Tại Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 30/10/2019 của UBND phường Đồng Mai và Phương án kèm theo, thể hiện đã đủ điều kiện về mặt bằng để tổ chức đấu giá.

1.10. Khu đất 10:

- Vị trí: *Khu đồng Đàm Sen - Đồng Hoàng, phường Đồng Mai*

- Loại đất: Đất trồng cây hàng năm và mặt nước nuôi trồng thủy sản.

- Diện tích: 20.229,5m², bao gồm:

+ Đấu giá để sử dụng vào mục đích Mặt nước nuôi trồng thủy sản: 11.985,5m²

+ Đấu giá để sử dụng vào mục đích Đất trồng cây hàng năm: 8.244,0m²

- Mặt bằng: Tại Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 30/10/2019 của UBND phường Đồng Mai và Phương án kèm theo, thể hiện đã đủ điều kiện về mặt bằng để tổ chức đấu giá.

1.11. Khu đất số 11:

- Vị trí: *Các thửa đất nông nghiệp công ích nhỏ lẻ tại các xã đồng thuộc Tổ dân phố 15, 16, 17 khu Đồng Hoàng, phường Đồng Mai.*

- Loại đất: Đất trồng cây hàng năm.

- Diện tích: 129.287,9m² đấu giá vào mục đích trồng cây hàng năm, bao gồm:
 - + Tổng xứ đồng Nhà Ngói (gồm 8 nhóm tương ứng 9 thửa) diện tích 45.917,7m².
 - + Tổng xứ đồng Lãi Sông (gồm 8 nhóm tương ứng 8 thửa) diện tích 32.363,1m².
 - + Tổng xứ đồng Đình dưới sông (gồm 10 nhóm tương ứng 10 thửa) diện tích 29.169,6m².
 - + Tổng xứ đồng Kỳ Cỏ (gồm 01 nhóm tương ứng 6 thửa) diện tích 3.909,3m².
 - + Tổng xứ đồng Cửa Quán (gồm 04 nhóm tương ứng 8 thửa) diện tích 17.928,2m².
- Mặt bằng: Tại Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 30/10/2019 của UBND phường Đồng Mai và Phương án kèm theo, thể hiện đã đủ điều kiện về mặt bằng để tổ chức đấu giá.

2. Mặt bằng khu đất đấu giá:

- Chủ tịch UBND phường Đồng Mai chịu trách nhiệm về điều kiện mặt bằng các khu đất đưa ra tổ chức đấu giá.
- Chủ tịch UBND phường Đồng Mai chịu trách nhiệm trước pháp luật về mặt bằng đảm bảo đủ điều kiện giao đất cho người trúng đấu giá.

3. Mục đích, hình thức, thời hạn sử dụng đất của các thửa đất sau khi đấu giá quyền sử dụng đất

3.1. Mục đích sử dụng đất: 06 khu đất sử dụng vào mục đích trồng cây hàng năm và nuôi trồng thủy sản; 05 khu đất sử dụng vào mục đích trồng cây hàng năm.

3.2. Hình thức sử dụng đất: Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm.

3.3. Thời hạn sử dụng đất: Không quá 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất. Sau khi hết thời hạn của hợp đồng thuê đất, người trúng đấu giá phải thu hồi cây cối, hoa màu và tài sản (nếu có) trên đất hoặc các loại thủy sản, bàn giao mặt bằng cho UBND phường Đồng Mai quản lý. Nếu khi hết hợp đồng, người trúng đấu giá không thu hoạch cây cối, hoa màu và tài sản (nếu có) trên đất hoặc các loại thủy sản trả lại mặt bằng cho UBND phường Đồng Mai quản lý thì UBND phường Đồng Mai có toàn quyền định đoạt đối với cây cối, hoa màu và tài sản (nếu có) trên đất hoặc các loại thủy sản trên khu đất đó.

4. Dự kiến thời gian tổ chức thực hiện đấu giá:

Dự kiến thời gian tổ chức thực hiện đấu giá trong năm 2019.

5. Đối tượng và điều kiện được tham gia đấu giá; mức phí tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá

5.1. Đối tượng và điều kiện được tham gia đấu giá

5.1.1. Đối tượng được tham gia đấu giá

Hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu tại địa phương từ 18 tuổi trở lên có đủ năng lực hành vi dân sự, thuộc đối tượng được thuê đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 56 Luật đất đai 2013.

5.1.2. Đối tượng không được tham gia đấu giá

a) Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký tham gia đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;

b) Người làm việc trong tổ chức đấu giá tài sản thực hiện cuộc đấu giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá;

c) Người có quyền quyết định đấu giá tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản;

d) Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người có quyền quyết định đấu giá tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản;

e) Người không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 56 Luật đất đai 2013.

5.1.3. Điều kiện được tham gia đấu giá

Người tham gia đấu giá phải nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ và phải nộp khoản tiền đặt trước khi tham gia đấu giá. Mỗi khu đất, một hộ gia đình chỉ được một cá nhân tham gia đấu giá.

5.2. Mức phí tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá

Khách hàng có nhu cầu tham gia đấu giá phải mua hồ sơ để đăng ký tham gia đấu giá với giá 100.000 đồng/hồ sơ.

Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá phải nộp khoản tiền đặt trước theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Quyết định số 35/2017/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND thành phố Hà Nội và được quy định cụ thể tại Thông báo mời đấu giá.

Trường hợp người tham gia đấu giá có nhu cầu tham gia đấu giá quyền sử dụng nhiều khu đất thì phải nộp tiền đặt trước tương ứng với số lượng khu đất đăng ký tham gia đấu giá.

6. Hình thức đấu giá được áp dụng khi thực hiện cuộc bán đấu giá

Tổ chức đấu giá đối với từng khu đất đưa ra đấu giá. Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá.

7. Kinh phí, nguồn chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá

7.1. Nguồn kinh phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện đấu giá

- Dự toán ngân sách nhà nước được giao xử lý việc đấu giá quyền sử dụng đất.
- Tiền bán hồ sơ cho người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất.
- Tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định tại khoản 6 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản.

- Các nguồn kinh phí hợp lệ khác theo quy định của pháp luật.

7.2. Nguồn chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá

Chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá được lấy từ nguồn tiền bán hồ sơ, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại và dự toán ngân sách nhà nước được giao xử lý việc đấu giá quyền sử dụng đất.

8. Dự kiến giá trị thu được và đề xuất việc sử dụng nguồn thu từ kết quả đấu giá

Dự kiến giá trị thu được từ kết quả đấu giá bằng tổng số tiền thu được từ tiền bán hồ sơ đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại sau khi trừ đi chi phí tổ chức đấu giá cộng với tiền thuê đất hàng năm của người trúng đấu giá.

Nguồn thu từ kết quả đấu giá được nộp vào ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân phường Đồng Mai quản lý và chỉ được dùng cho nhu cầu công ích của phường theo quy định của pháp luật.

9. Phương thức lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá

Sau khi có quyết định về việc đấu giá quyền sử dụng đất, đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất tổ chức lựa chọn, ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá để thực hiện việc đấu giá theo các quy định tại Điều 56 và Điều 33 Luật Đấu giá tài sản.

10. Đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất

Đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích do UBND phường Đồng Mai quản lý cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản là Ủy ban nhân dân phường Đồng Mai.

Tổ chức đấu giá tài sản là đơn vị được lựa chọn thực hiện cuộc bán đấu giá theo hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản đã ký kết.

II. QUY CHẾ ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

1. Tổ chức đấu giá tài sản ban hành Quy chế cuộc đấu giá áp dụng cho cuộc đấu giá trước ngày niêm yết việc đấu giá tài sản.

2. Quy chế cuộc đấu giá bao gồm những nội dung chính sau đây:

a) Tên tài sản hoặc danh mục tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá; nơi có tài sản đấu giá; giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đấu giá;

b) Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá;

c) Thời gian, địa điểm bán hồ sơ tham gia đấu giá;

d) Giá khởi điểm của tài sản đấu giá;

đ) Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước;

- e) Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá;
- g) Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá;
- h) Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá;
- i) Các trường hợp bị trút quyền tham gia đấu giá; các trường hợp không được nhận lại tiền đặt trước.

3. Tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm thông báo công khai Quy chế cuộc đấu giá.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Người tham gia đấu giá

Hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện tham gia đấu giá được quyền tham gia đấu giá, có trách nhiệm thực hiện Quy chế đấu giá do tổ chức đấu giá tài sản ban hành.

Người trúng đấu giá được công nhận kết quả trúng đấu giá, ký hợp đồng thuê đất và sử dụng đất thuê theo quy định. Người trúng đấu giá có trách nhiệm ký biên bản đấu giá, hợp đồng thuê đất, nộp tiền thuê đất theo đúng quy định, sử dụng đất đúng mục đích, hoàn trả lại tình trạng ban đầu của đất và bàn giao lại cho người cho thuê đất khi hết thời hạn thuê.

2. Tổ chức đấu giá tài sản

Thực hiện theo Luật Đấu giá tài sản và các văn bản hướng dẫn thi hành

3. Ủy ban nhân dân phường Đồng Mai

- (1) Chuẩn bị hồ sơ đấu giá.
- (2) Trình hồ sơ đề nghị UBND quận Hà Đông ban hành quyết định đấu giá.
- (3) Trình hồ sơ đề nghị phê duyệt giá khởi điểm.
- (4) Lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá, ký hợp đồng dịch vụ đấu giá.
- (5) Lựa chọn thời gian, địa điểm phù hợp để thực hiện phiên đấu giá.
- (6) Phối hợp với tổ chức đấu giá tài sản trong việc xây dựng, ban hành Quy chế đấu giá; niêm yết công khai, thông báo công khai việc đấu giá; phát hành và tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá; thu tiền mua hồ sơ, tiền đặt trước; xét duyệt điều kiện tham gia đấu giá; tổ chức phiên đấu giá.

(6) Tham dự cuộc đấu giá, giám sát việc thực hiện cuộc đấu giá và ký biên bản phiên đấu giá.

(7) Trình UBND quận Hà Đông ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá.

(8) Thông báo bằng văn bản cho khách hàng trúng đấu giá về việc nộp tiền trúng đấu giá.

(9) Ký hợp đồng thuê đất với người trúng đấu giá, hướng dẫn người trúng đấu giá nộp tiền thuê đất, bàn giao đất cho người trúng đấu giá và thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai đối với các thửa đất cho thuê theo quy định.

(10) Thực hiện chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá theo quy định.

(11) Quản lý, sử dụng khoản tiền thu được từ việc đấu giá theo quy định.

(12) Quản lý, lưu trữ hồ sơ đấu giá theo quy định.

(13) Tổng hợp, báo cáo kết quả đấu giá quyền sử dụng đất.

Chủ tịch UBND phường Đồng Mai chịu trách nhiệm trước UBND quận và trước pháp luật về điều kiện, quy trình tổ chức đấu giá, quản lý cho thuê đất theo quy định.

4. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan

4.1. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Thẩm định hồ sơ và tham mưu UBND quận phê duyệt giá khởi điểm đối với 02 khu: Khu Dâu có diện tích: 6.868,4m², khu Trại ươm có diện tích: 35.834,5m².

- Hướng dẫn UBND phường thực hiện chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất.

4.2. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Tham mưu UBND quận ban hành quyết định đấu giá, quyết định phê duyệt kết quả đấu giá.

- Hướng dẫn UBND phường lập hợp đồng thuê đất.

- Cập nhật báo cáo của UBND phường, tổng hợp, tham mưu UBND quận báo cáo Quận ủy, Hội đồng nhân dân quận kết quả đấu giá quyền sử dụng đất.

4.3. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận

- Hướng dẫn UBND phường thực hiện trình tự, thủ tục đấu giá.

- Cập nhật báo cáo của UBND phường, tổng hợp, tham mưu UBND quận báo cáo UBND Thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường về công tác đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn quận. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Cán Thị Việt Hà



**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN HÀ ĐÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *4617* /QĐ-UBND

Hà Đông, ngày *15* tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc đấu giá quyền sử dụng 11 khu đất nông nghiệp
sử dụng vào mục đích công ích do UBND phường Đồng Mai
quản lý cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê
để trồng cây hàng năm và nuôi trồng thủy sản.**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC; số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại luật đấu giá tài sản; số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 4816/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 quận Hà Đông;

Căn cứ Văn bản số 1005/UBND-ĐT ngày 13/3/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất theo quy định pháp luật về đấu giá tài sản, đất đai;

Căn cứ Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 23/01/2019 của UBND quận Hà Đông về việc thực hiện công tác quản lý quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của các phường và tổ chức đấu giá đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn quận Hà Đông;

Căn cứ Quyết định số 4455/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của UBND quận Hà Đông việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích do UBND phường Đồng Mai quản lý cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để trồng cây hàng năm và nuôi trồng thủy sản;

Xét đề nghị của UBND phường Đồng Mai tại Tờ trình số 103/TTr-UBND ngày 06/11/2019 và Báo cáo thẩm định số 1186/BC-TNMT ngày 12/11/2019 của phòng Tài nguyên và Môi trường về việc thẩm định hồ sơ trình ban hành quyết định đấu giá quyền sử dụng 11 khu đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích do Ủy ban nhân dân phường Đồng Mai quản lý cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để trồng cây hàng năm và nuôi trồng thủy sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức đấu giá quyền sử dụng 11 khu đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích do UBND phường Đồng Mai quản lý cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để trồng cây hàng năm và nuôi trồng thủy sản (*Danh mục, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng, hình thức sử dụng, thời hạn sử dụng các khu đất tổ chức đấu giá thể hiện tại Biểu tổng hợp kèm theo*).

Tổng diện tích 11 khu đất tổ chức đấu giá là 29,24ha nằm trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 quận Hà Đông được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 4816/QĐ-UBND ngày 06/9/2019.

Thời hạn sử dụng đất đối với mỗi lần thuê không quá 05 năm. Tiền thu được từ việc cho thuê đất phải nộp vào ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân phường Đồng Mai quản lý và chỉ được dùng cho nhu cầu công ích của phường theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân phường Đồng Mai tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất theo phương án đấu giá đã được phê duyệt và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

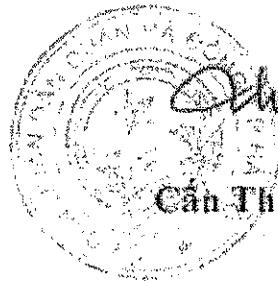
Chánh Văn phòng HĐND&UBND quận Hà Đông; Thủ trưởng các đơn vị: Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Ban QLDA đầu tư xây dựng quận Hà Đông; Chủ tịch UBND phường Đồng Mai; Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Chủ tịch UBND quận (đề b/c);
- Lưu V.L.

5

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cán Thị Việt Hà

**DANH MỤC 11 KHU ĐẤT NÔNG NGHIỆP CÔNG ÍCH DO UBND PHƯỜNG ĐỒNG MẠI QUẢN LÝ CHO HỘ GIA ĐÌNH,
CÁ NHÂN TẠI ĐỊA PHƯƠNG THUẾ ĐỀ TRỒNG CÂY HÀNG NĂM VÀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN.**

(Kèm theo Quyết định số 4818 /QĐ-UBND ngày 15 /11/2019 của UBND quận Hà Đông)

STT	Tên khu đất	Vị trí khu đất	Tổng diện tích	Mục đích đầu tư		Hình thức sử dụng	Thời hạn sử dụng
				Nuôi trồng thủy sản	Trồng cây hàng năm		
1	Khu đất 1	Ao Đầm Cỏ Bàn	8.381,90	4.808,80	3.573,1		
2	Khu đất 2	Ao Đầm Cỏ Bàn	5.530,30	3.235,20	2.295,1		
3	Khu đất 3	Ao Đầm Cỏ Bàn	13.182,30	7.960,10	5.222,2		
4	Khu đất 4	Khu Đất Dầu (Bãi Tổ 7)	8.735,10	0	8.735,10		
5	Khu đất 5	Khu đất dầu	6.868,40	0	6.868,40		
6	Khu đất 6	Khu đất dầu	9.464,80	0	9.464,80		Không quá 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất
7	Khu đất 7	Khu đất dầu	16.820,10	0	16.820,10		
8	Khu đất 8	Khu đất Trại ươm (Trại cụ)	35.834,50	137,9	35.696,6		
9	Khu đất 9	Khu đồng Kỳ Cò	38.076,0	3.648,90	34.427,1		
10	Khu đất 10	Khu đồng Đầm sen Đồng Hoàng	20.229,50	11.985,50	8.244,0		
11	Khu đất 11	Các thửa đất NN công ích nhỏ lẻ tại các xứ đồng thuộc tổ dân phố 15, 16, 17	129.287,9	0,00	129.287,9		
Tổng			292.410,80	31.776,40	260.634,40		

HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

(Phục vụ công tác đấu giá đất nông nghiệp công ích)

1. Thửa đất số: 1; 2 (Nhóm 1)

2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đồng Nhà Ngói, thôn Đồng Hoàng, phường Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

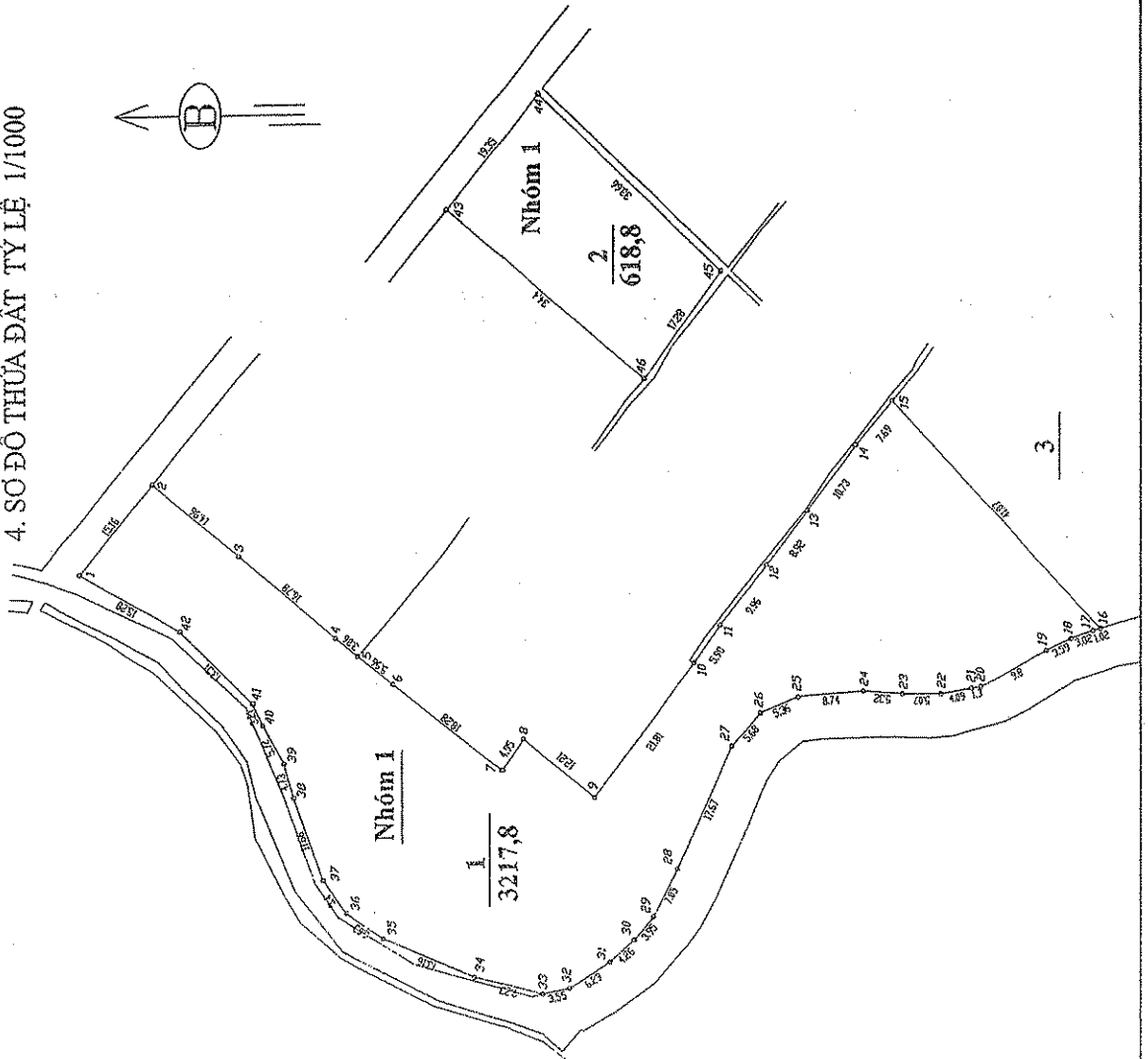
3. Diện tích nhóm 1 là: 3836,6 m²; Trong đó:

+ Thửa 1: Diện tích là: 3217,8 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,...40,41,42,1

+ Thửa 2: Diện tích là: 618,8 m²; Giới hạn bởi các điểm: 43,44,45,46,44

Tờ bản đồ đất số: 00

4. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



5. BẢNG KÊ MỐC TOạ ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2314159.67	576107.56	15.16
2	2314150.16	576119.36	14.96
3	2314138.72	576109.73	16.78
4	2314126.04	576098.73	3.86
5	2314123.03	576096.31	5.96
6	2314118.39	576092.57	18.28
7	2314104.18	576081.07	4.95
8	2314101.34	576085.12	12.21
9	2314091.99	576077.27	21.81
10	2314079.01	576094.8	5.98
11	2314075.61	576099.72	9.96
12	2314069.52	576107.6	8.92
13	2314064.14	576114.73	10.73
14	2314057.68	576123.29	7.69
15	2314052.72	576129.16	41.07
16	2314025.26	576098.63	1.02
17	2314026.24	576098.35	3.02
18	2314029.1	576097.36	3.59
19	2314032.33	576095.79	9.8
20	2314040.98	576091.2	1.3
21	2314042.26	576090.99	4.09
22	2314046.29	576090.33	5.07
23	2314051.36	576090.42	5.32
24	2314056.67	576090.83	8.74
25	2314065.39	576090.17	5.36
26	2314070.33	576088.1	5.68
27	2314074.05	576083.8	17.67
28	2314081.13	576067.61	7.05
29	2314084.36	576061.34	3.95
30	2314086.82	576058.26	4.26
31	2314089.97	576055.39	6.29
32	2314095.24	576051.95	3.55
33	2314098.72	576051.22	9.23
34	2314107.63	576053.62	13.16
35	2314119.68	576058.92	6.03
36	2314124.62	576062.38	5.4
37	2314127.74	576066.8	11.66
38	2314131.64	576077.79	4.73
39	2314132.92	576082.34	5.72
40	2314135.63	576087.37	3.21
41	2314136.95	576090.3	13.51
42	2314146.44	576099.91	15.28
1	2314159.67	576107.56	

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
 Công chức địa chính - Xây dựng

Signature

Đào Thị Thanh Huyền

Ngày 27 tháng 11 năm 2019

PHÒNG QUẢN LÝ ĐẤT VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
 QUẬN HÀ ĐÔNG

KHOA CHỦ TỊCH

PHÒNG QUẢN LÝ ĐẤT VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
 QUẬN HÀ ĐÔNG

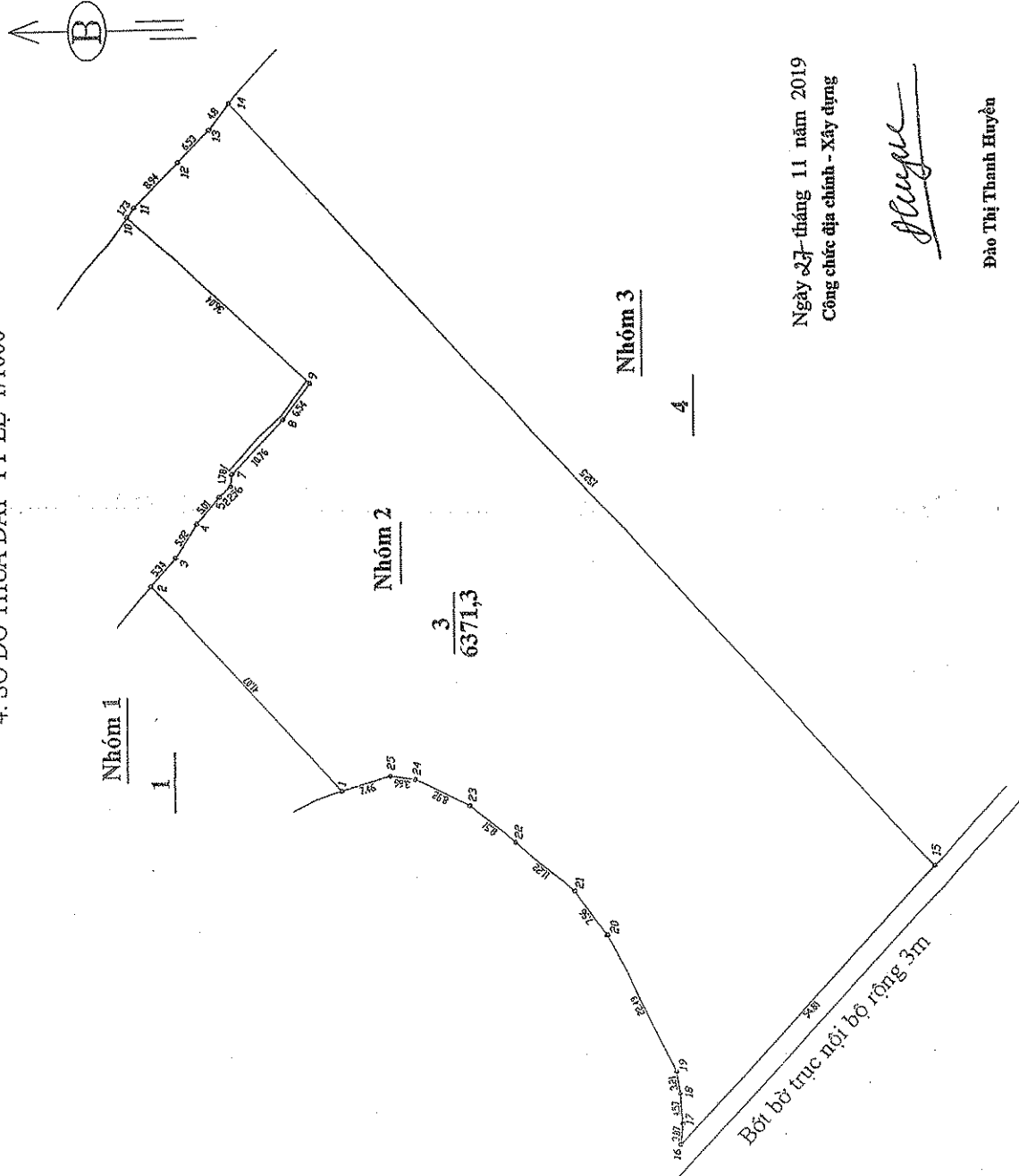
Nguyễn Văn Hoàn

HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

(Phục vụ công tác đầu tư đất nông nghiệp công ích)

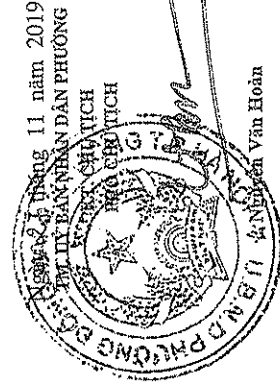
- 1. Thửa đất số: 3 (Nhóm 2) Tờ bản đồ đất số: 00
- 2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đóng Nhà Ngói, thôn Đông Hoàng, phường Đông Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
- 3. Diện tích là: 6371,3 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,...23,24,25,1

4. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



5. BẢNG KÊ MỐC TOẠ ĐỘ

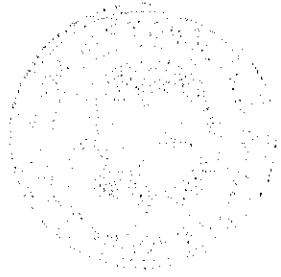
TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2314025.26	576098.63	41.07
2	2314052.72	576129.16	5.34
3	2314049.27	576133.24	5.92
4	2314046.04	576138.2	5.01
5	2314042.81	576142.03	2.25
6	2314041.19	576143.58	1.78
7	2314040.94	576145.35	10.76
8	2314033.51	576153.13	6.54
9	2314029.58	576158.36	36.04
10	2314055.73	576183.14	1.73
11	2314054.71	576184.54	8.94
12	2314048.57	576191.03	6.53
13	2314043.94	576195.63	4.8
14	2314041.05	576199.46	152.5
15	2313939.07	576086.07	54.81
16	2313976.35	576045.89	3.07
17	2313976.06	576048.94	4.57
18	2313976.41	576053.5	3.21
19	2313976.91	576056.67	22.49
20	2313986.85	576076.84	7.96
21	2313991.46	576083.34	11.22
22	2314000	576090.61	8.51
23	2314006.48	576096.13	8.92
24	2314014.47	576100.1	3.66
25	2314018.09	576100.68	7.46
1	2314025.26	576098.63	



Ngày 27 tháng 11 năm 2019
 Công chức địa chính - Xây dựng

Đào Thị Thanh Huyền

Đào Thị Thanh Huyền



HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

(Phục vụ công tác đầu giá đất nông nghiệp công ích)

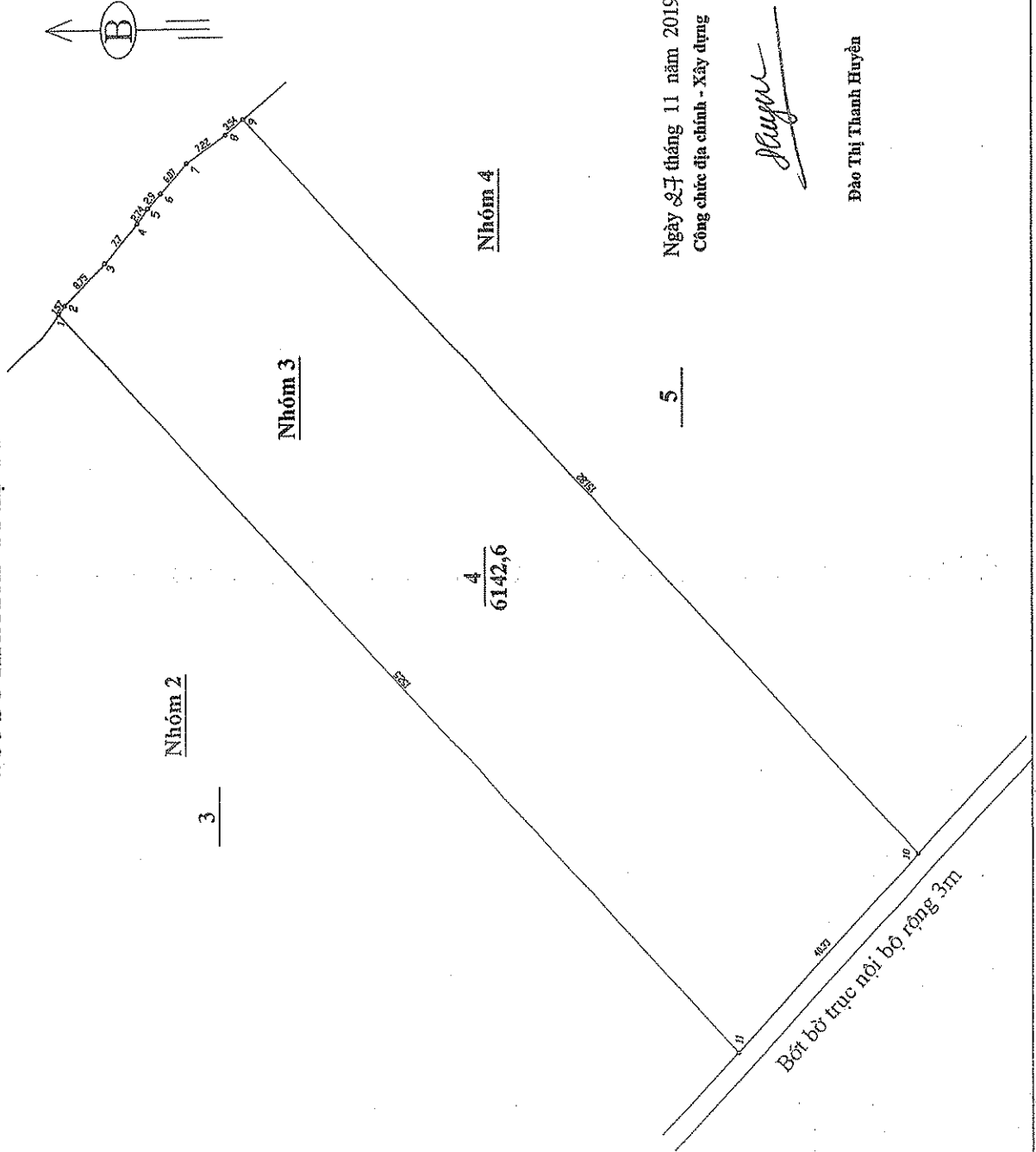
1. Thửa đất số: 4 (Nhóm 3)

2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đóng Nhà Ngói, thôn Đông Hoàng, phường Đông Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

3. Diện tích nhóm 3 là: 6142,6 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,1

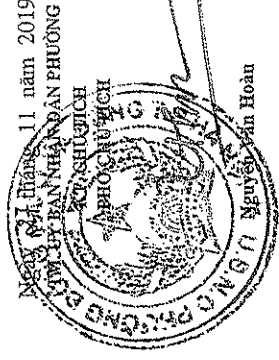
Tờ bản đồ đất số: 00

4. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



5. BẢNG KÊ MỐC TOẠ ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2314041.05	576199.46	1.57
2	2314040.1	576200.72	8.75
3	2314034.12	576207.1	7.7
4	2314029.18	576213	2.74
5	2314027.61	576215.25	2.9
6	2314025.78	576217.5	6.07
7	2314021.7	576221.99	7.22
8	2314015.86	576226.23	3.54
9	2314013.16	576228.52	151.82
10	2313911.64	576115.64	40.33
11	2313939.07	576086.07	152.5
1	2314041.05	576199.46	



Ngày 11 tháng 11 năm 2019
Công chức địa chính - Xây dựng

Nguyễn Văn Hoàn

Đào Thị Thanh Huyền

HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT II

(Phục vụ công tác đấu giá đất nông nghiệp công ích)

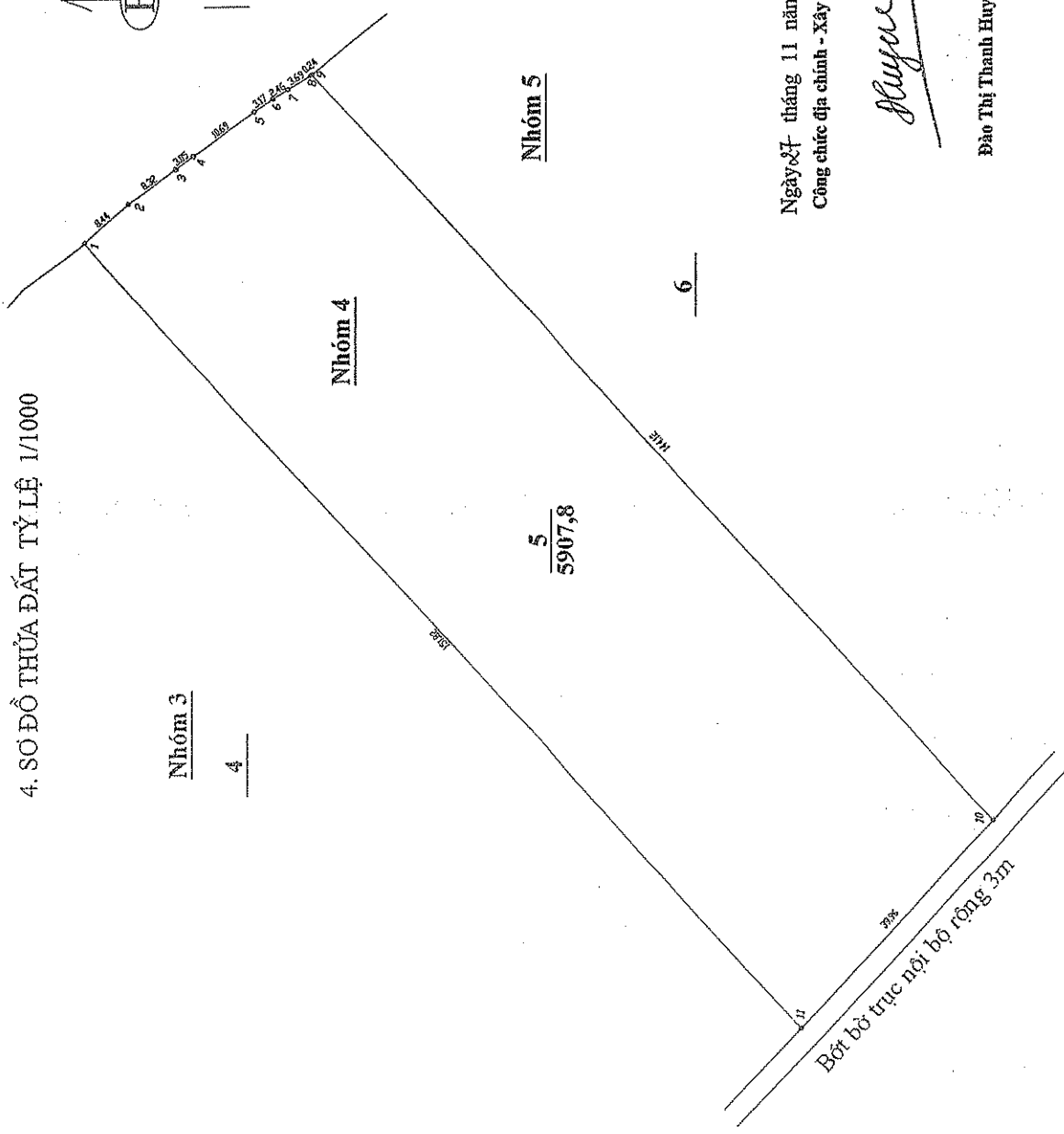
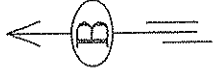
1. Thửa đất số: 5 (Nhóm 4)

Tờ bản đồ đất số: 00

2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đóng Nhà Ngói, thôn Đông Hoàng, phường Đông Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

3. Diện tích là: 5907,8 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,1

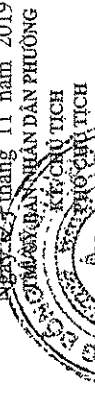
4. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



5. BẢNG KÊ MỐC TOẠ ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2314013.16	576228.52	8.44
2	2314006.72	576233.99	8.32
3	2314000	576238.88	3.05
4	2313997.54	576240.67	10.69
5	2313988.84	576246.89	3.17
6	2313986.26	576248.74	2.46
7	2313984.16	576250.02	3.69
8	2313981.02	576251.94	0.24
9	2313980.83	576252.1	144.12
10	2313884.46	576144.93	39.96
11	2313911.64	576115.64	151.82
1	2314013.16	576228.52	

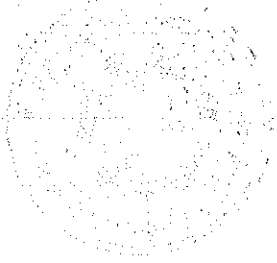
Ngày 27 tháng 11 năm 2019



Signature

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
Công chức địa chính - Xây dựng

Đào Thị Thanh Huyền



HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT II

(Phục vụ công tác đấu giá đất nông nghiệp công ích)

1. Thửa đất số: 6 (Nhóm 5)

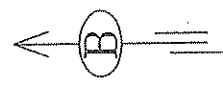
Tờ bản đồ đất số: 00

2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đông Nhà Ngói, thôn Đông Hoàng, phường Đông Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

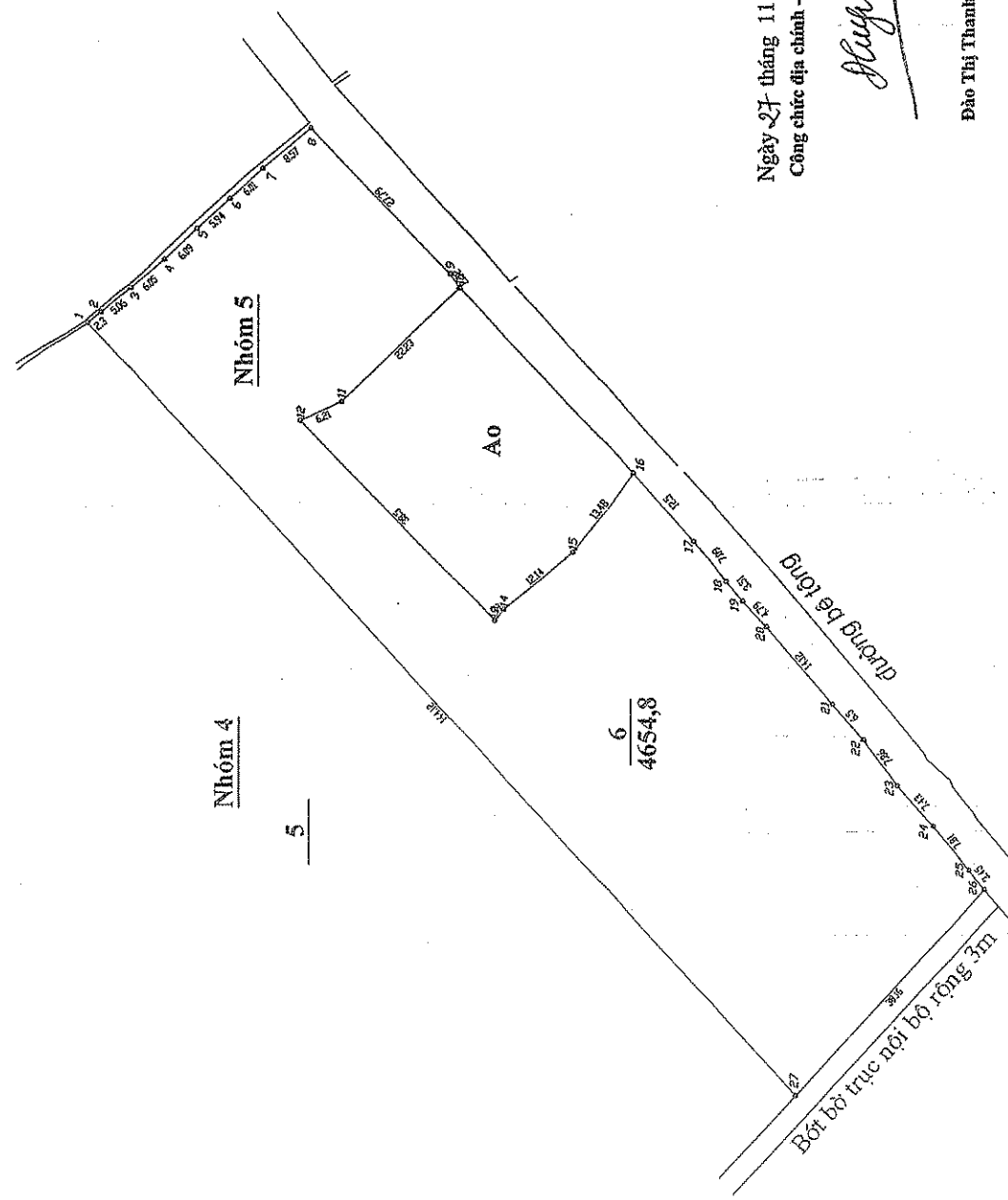
3. Diện tích là: 4654,8 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,25,26,27,1

5. BẢNG KÊ MỐC TOạ ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2313980,83	576252,1	2,3
2	2313979,06	576253,57	5,06
3	2313975,18	576256,82	6,05
4	2313970,48	576260,63	6,09
5	2313966,06	576264,81	5,94
6	2313961,68	576268,83	6,01
7	2313957,25	576272,88	8,57
8	2313950,62	576278,31	27,79
9	2313931,56	576258,09	2,32
10	2313930,27	576256,16	22,23
11	2313946,34	576240,8	6,21
12	2313952,03	576238,3	38,5
13	2313925,42	576210,47	1,99
14	2313924,12	576211,98	12,14
15	2313914,76	576219,71	13,48
16	2313906,63	576230,47	12,5
17	2313898,48	576220,99	7,09
18	2313894,1	576215,42	3,51
19	2313891,85	576212,73	4,79
20	2313888,66	576209,15	14,12
21	2313879,44	576198,46	6,5
22	2313875,19	576193,53	7,86
23	2313870,5	576187,23	7,43
24	2313865,57	576181,67	7,81
25	2313860,71	576175,55	3,45
26	2313858,51	576172,9	38,16
27	2313884,46	576144,93	144,12
1	2313980,83	576252,1	



4. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



Ngày 27 tháng 11 năm 2019
 Công chức địa chính - Xây dựng

Signature

Đào Thị Thanh Huyền

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
 ĐƠN GIẤM NHÂN DÂN PHƯỜNG
 THƯỜNG CHỨC



HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

(Phục vụ công tác đầu giá đất nông nghiệp công ích)

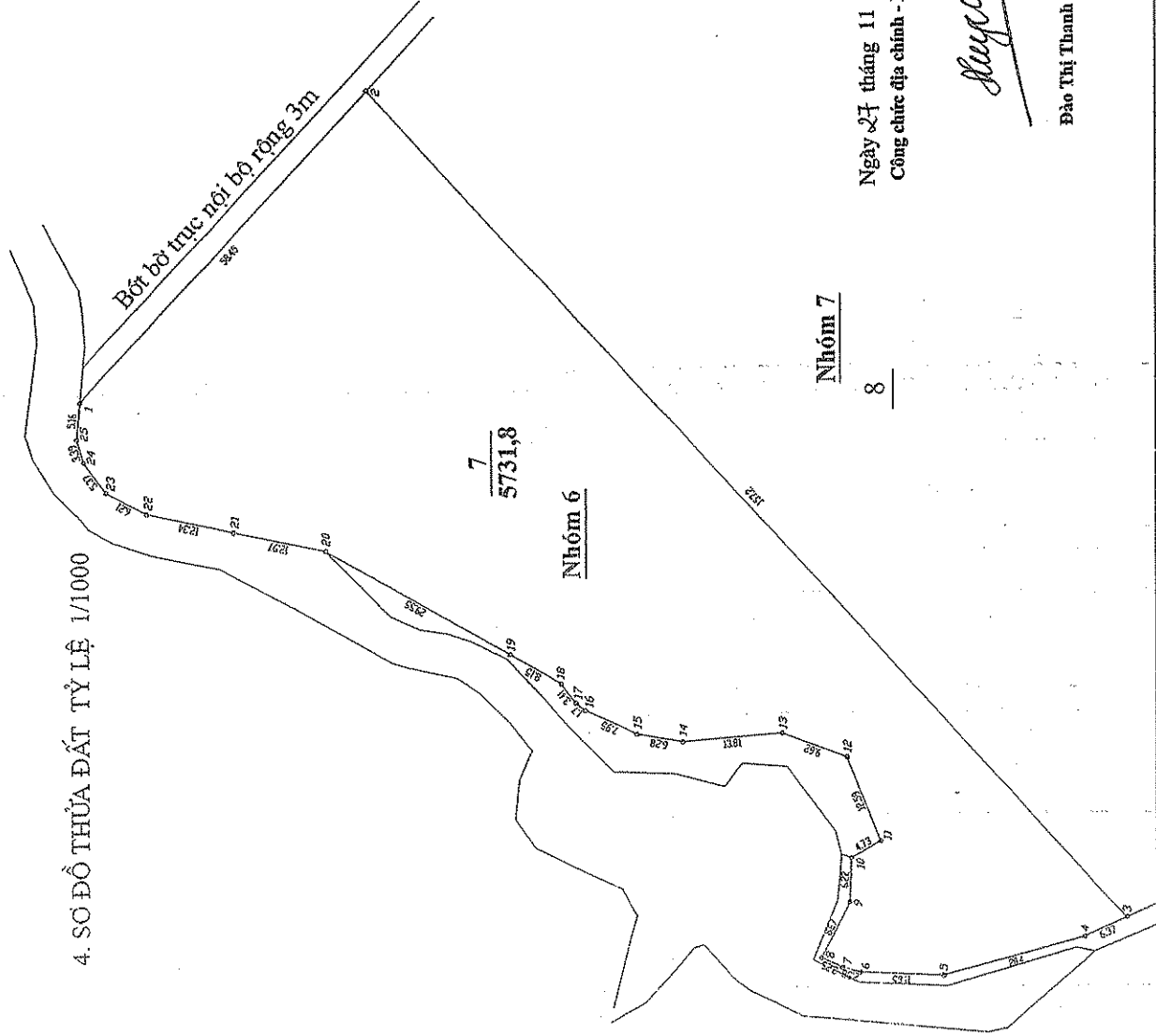
1. Thửa đất số: 7 (Nhóm 6)

2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đóng Nhà Ngói, thôn Đông Nhà Ngói, phường Đông Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

3. Diện tích là: 5731,8 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,23,24,25,1

Tờ bản đồ đất số: 00

4. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



5. BẢNG KÊ MỐC TOạ ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2313976.81	576040.99	58.45
2	2313937.06	576083.84	157.2
3	2313831.95	575966.95	6.37
4	2313837.75	575964.34	20.4
5	2313857.49	575959.19	11.65
6	2313869.13	575959.82	2.58
7	2313871.61	575960.49	3.25
8	2313874.54	575961.92	8.67
9	2313870.57	575969.63	6.22
10	2313870.34	575975.84	4.73
11	2313866.23	575978.18	12.59
12	2313870.89	575989.87	9.62
13	2313879.86	575993.34	13.81
14	2313893.63	575992.32	6.28
15	2313899.8	575993.48	7.95
16	2313906.96	575996.93	1.7
17	2313908.29	575997.99	3.41
18	2313910.38	576000.68	8.15
19	2313917.33	576004.93	29.55
20	2313942.92	576019.72	12.97
21	2313955.57	576022.56	12.34
22	2313967.6	576025.32	6.21
23	2313973.02	576028.36	5.37
24	2313976.29	576032.62	3.39
25	2313977.3	576035.86	5.16
1	2313976.81	576040.99	

Nhóm 7

Ngày 11 tháng 11 năm 2019
Công chức địa chính - Xây dựng

Signature

Đào Thị Thanh Huyền

Ngày 11 tháng 11 năm 2019
ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
Đ. CH. V. CH. V. CH.



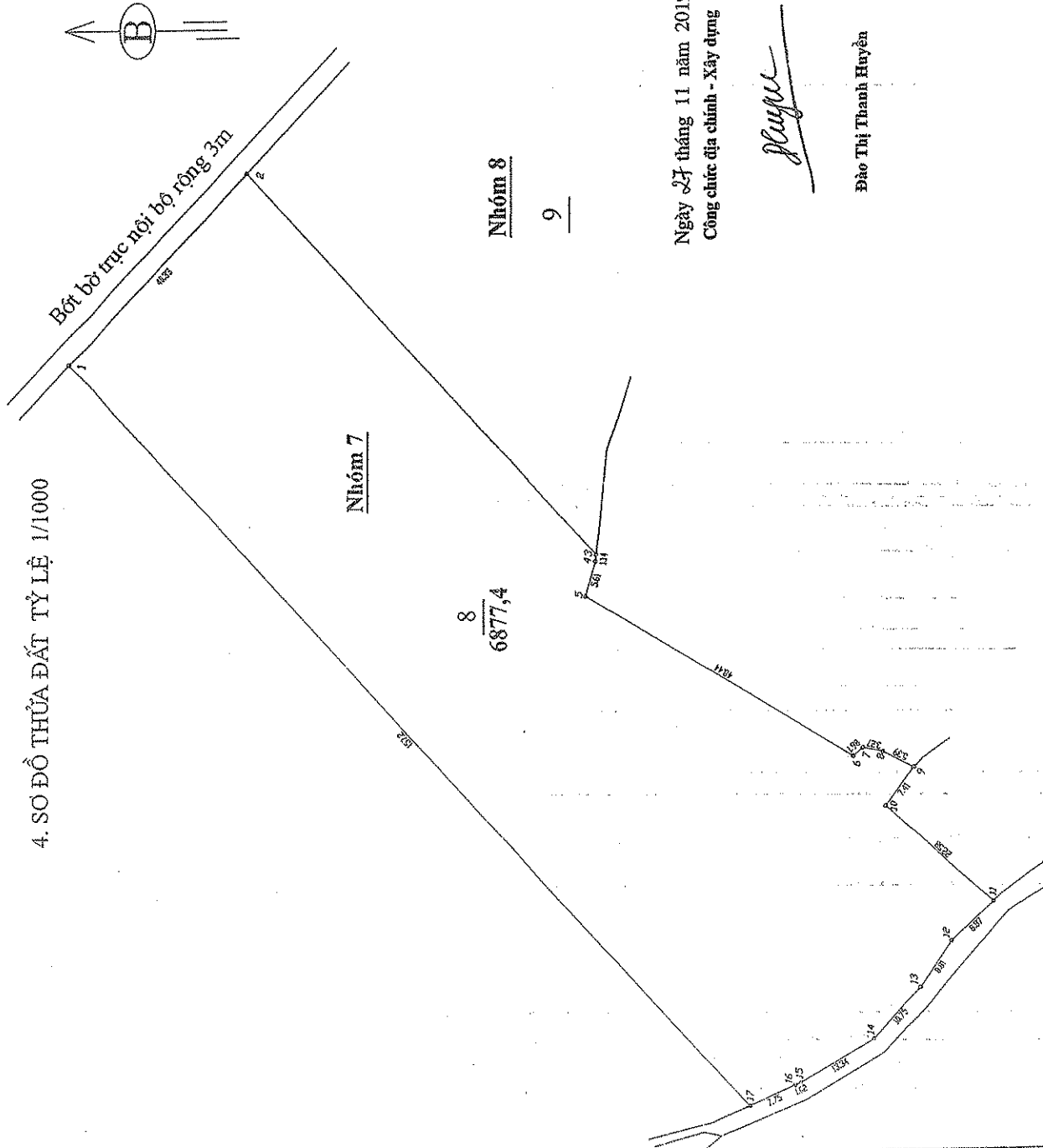
HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

(Phục vụ công tác đầu giá đất nông nghiệp công ích)

1. Thửa đất số: 8 (Nhóm 7)
2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đồng Nhà Ngói, thôn Đông Hoàng, phường Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
3. Diện tích là: 6877,4 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,15,16,17,1

Tờ bản đồ đất số: 00

4. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



5. BẢNG KÊ MỐC TOẠ ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2313937,06	576083,84	40,33
2	2313909,63	576113,4	80,84
3	2313855,58	576053,3	1,14
4	2313855,71	576052,17	5,61
5	2313857,15	576046,74	48,44
6	2313815,83	576021,45	1,98
7	2313814,32	576022,72	3,27
8	2313811,1	576022,09	5,39
9	2313806,3	576019,64	7,41
10	2313810,65	576013,63	22,58
11	2313793,77	575998,63	8,87
12	2313800,21	575992,53	8,81
13	2313805,29	575985,32	10,75
14	2313812,43	575977,3	13,34
15	2313823,95	575970,55	1,02
16	2313824,88	575970,13	7,75
17	2313831,95	575966,95	157,2
1	2313937,06	576083,84	

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
 Ông: BÀNG NGUYÊN DAN PHƯƠNG
 KT. CHỦ TỊCH
 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phạm

Đào Thị Thanh Huyền

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
 Ông: BÀNG NGUYÊN DAN PHƯƠNG
 KT. CHỦ TỊCH
 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

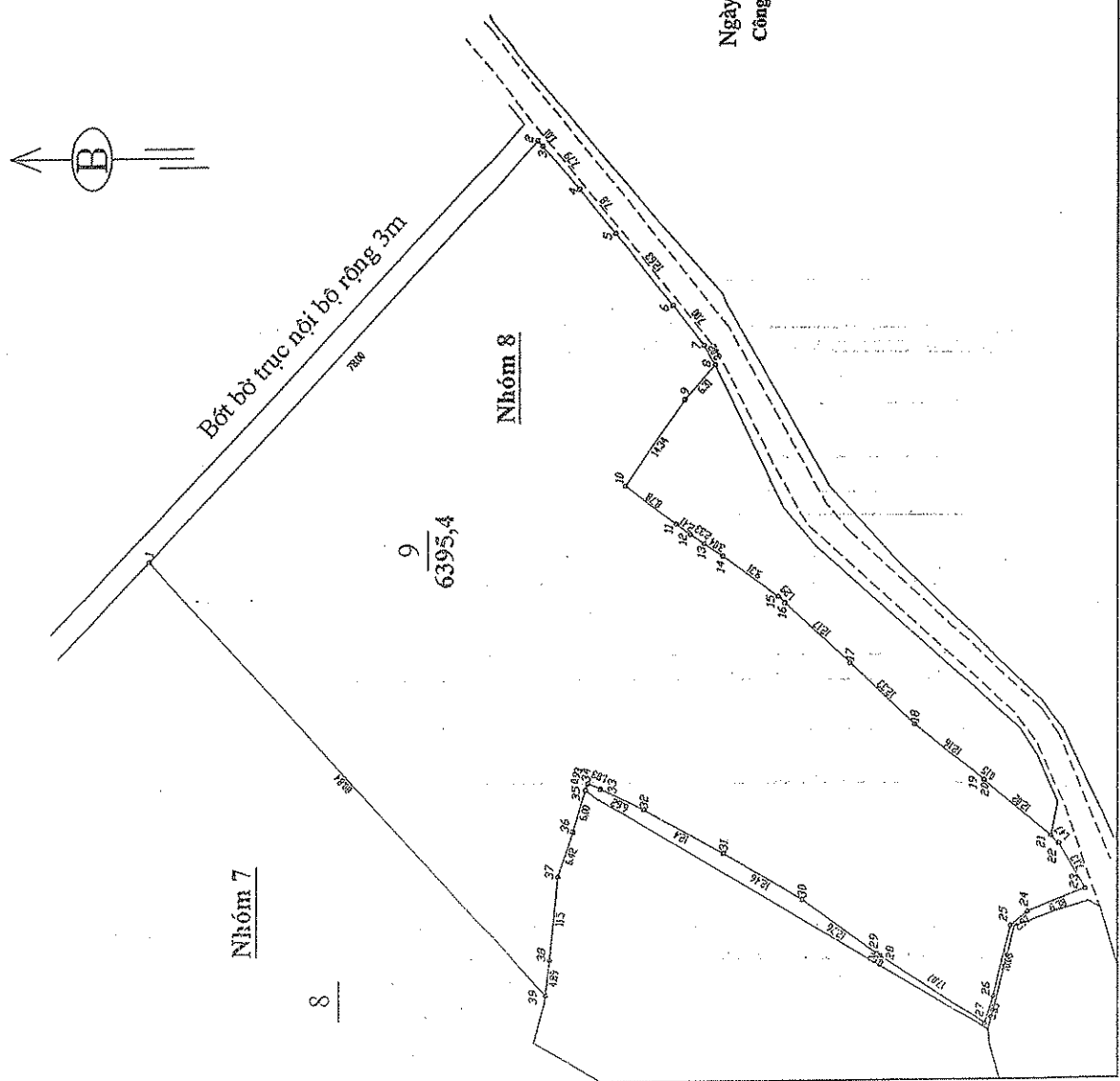


HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

(Phục vụ công tác đầu giá đất nông nghiệp công ích)

1. Thửa đất số: 9 (Nhóm 8)
Tờ bản đồ đất số: 00
2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đông Nhà Ngói, thôn Đông Hoàng, phường Đông Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
3. Diện tích là: 6395,4 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3, ,36,37,38,39,1

4. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



5. BẢNG KÊ MỐC TOạ ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)	TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2313909,63	576113,4	78	20	2313795,72	576082,31	12,02
2	2313856,58	576170,59	1,01	21	2313786,5	576074,6	1,47
3	2313855,93	576169,81	7,79	22	2313785,48	576073,55	7,13
4	2313850,98	576163,8	7,8	23	2313781,99	576067,33	8,38
5	2313846,15	576157,68	12,63	24	2313789,77	576064,22	2,97
6	2313838,33	576147,76	7	25	2313792,06	576062,34	10,08
7	2313834,05	576142,22	3,02	26	2313794,47	576052,54	3,85
8	2313832,58	576139,58	6,31	27	2313795,68	576048,89	17,07
9	2313836,74	576134,84	14,34	28	2313809,94	576058,26	0,62
10	2313844,9	576123,04	8,78	29	2313810,45	576058,6	12,76
11	2313837,91	576117,73	2,41	30	2313820,73	576066,16	12,46
12	2313835,99	576116,27	2,33	31	2313831,43	576072,54	12,4
13	2313834,06	576114,97	3,04	32	2313842,26	576078,6	6,62
14	2313831,53	576113,28	9,31	33	2313848,17	576081,56	1,83
15	2313824,07	576107,71	1,29	34	2313849,84	576082,32	0,93
16	2313823,15	576106,81	12,17	35	2313850,15	576081,44	6
17	2313814,2	576098,56	12,33	36	2313851,9	576075,7	6,42
18	2313805,3	576090,02	12,16	37	2313853,94	576069,61	11,5
19	2313795,84	576082,4	0,15	38	2313855	576058,16	
20	2313795,72	576082,31					

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
 Công chức địa chính - Xây dựng

Signature

Đào Thị Thanh Huyền

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
 ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
 MIAI KIỆT CHỦ TỊCH



HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

(Phục vụ công tác đấu giá đất nông nghiệp công ích)

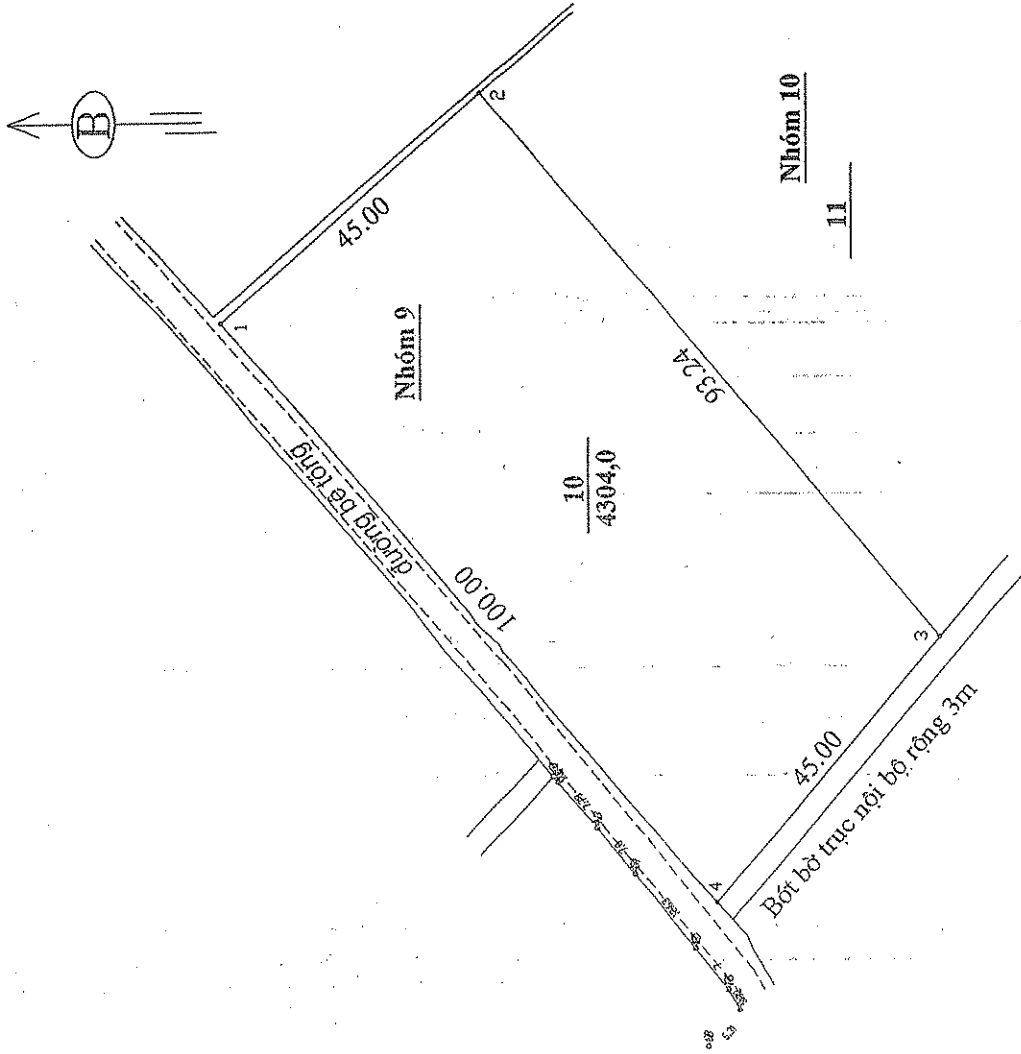
1. Thửa đất số: 10 (Nhóm 9)

Tờ bản đồ đất số: 00

2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đóng Lái Sông, thôn Đông Hoàng, phường Đông Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

3. Diện tích là: 4304,0 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,1

4. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



5. BẢNG KÊ MỐC TOạ ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2313899.7060	576230.4900	45.00
2	2313865.6876	576259.9476	93.24
3	2313806.3180	576188.0510	45.00
4	2313835.5169	576153.8104	100.00
1	2313899.7060	576230.4900	

Ngày 11 tháng 11 năm 2019

Ngày 11 tháng 11 năm 2019
Công chức địa chính - Xây dựng



Signature

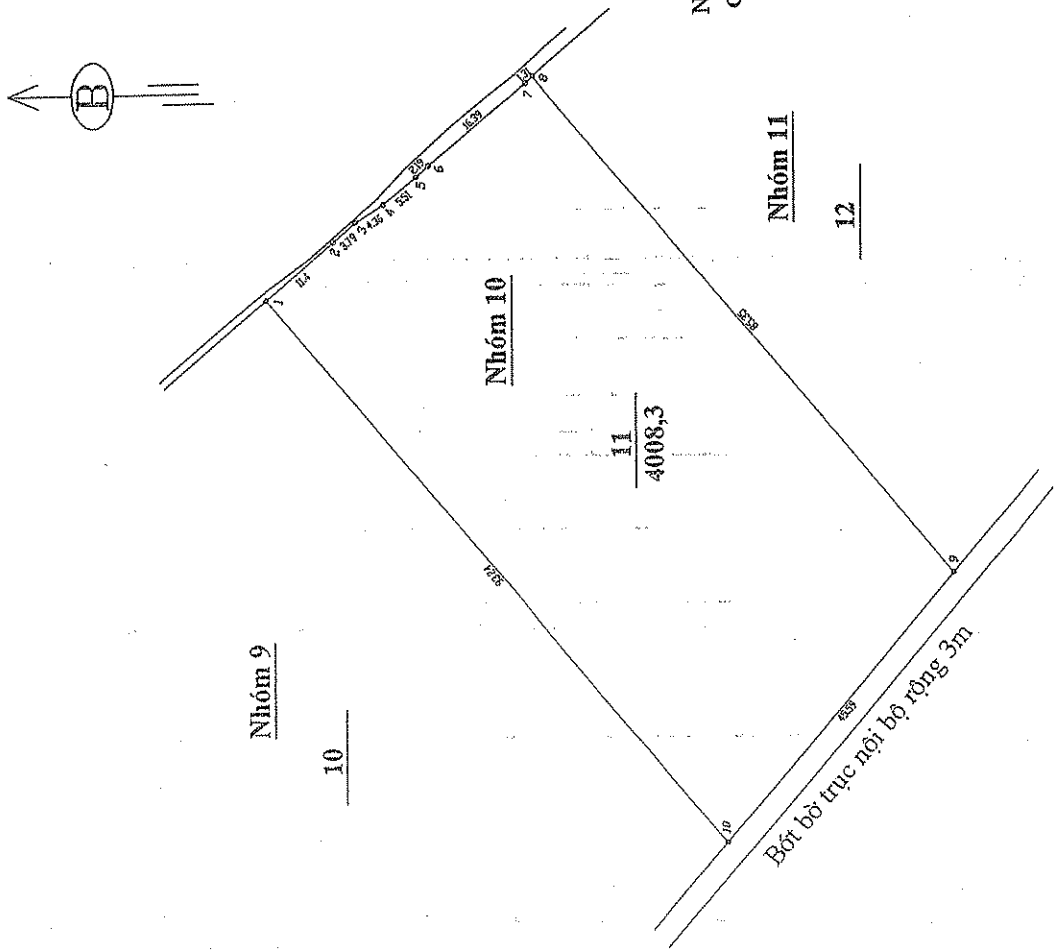
Đào Thị Thanh Huyền

HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

(Phục vụ công tác đấu giá đất nông nghiệp công ích)

- 1. Thửa đất số: 11 (Nhóm 10) Tờ bản đồ đất số: 00
- 2. Địa chủ thửa đất: Xứ đồng Lái Sông, thôn Đông Hoàng, phường Đông Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
- 3. Diện tích là: 4008,3 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1

4. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



5. BẢNG KÊ MỐC TOạ ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2313865.69	576259.95	11.4
2	2313857.03	576267.36	3.79
3	2313854.19	576269.87	4.36
4	2313850.5	576272.18	5.51
5	2313846.24	576275.68	2.19
6	2313844.62	576277.16	16.39
7	2313832.08	576287.71	1.31
8	2313831.08	576288.55	85.35
9	2313776.74	576222.74	45.59
10	2313806.32	576188.05	93.24
1	2313865.69	576259.95	

Ngày 27 tháng 11 năm 2019

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
Công chức địa chính - Xây dựng



Đào Thị Thanh Huyền

Đào Thị Thanh Huyền

HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

(Phục vụ công tác đấu giá đất nông nghiệp công ích)

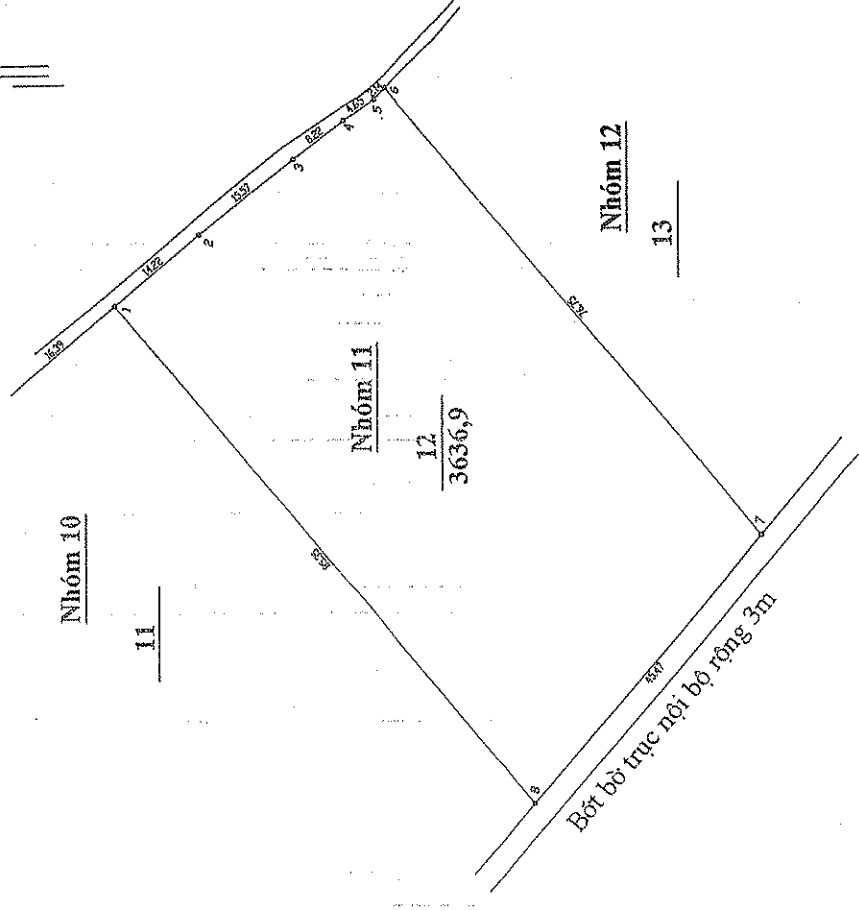
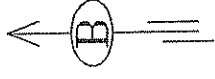
1. Thửa đất số: 12 (Nhóm 11)

Tờ bản đồ đất số: 00

2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đông Lái Sông, thôn Đông Hoàng, phường Đông Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

3. Diện tích là: 3636,9 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,8,1

4. SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



5. BẢNG KÊ MỐC TOẠ ĐỘ

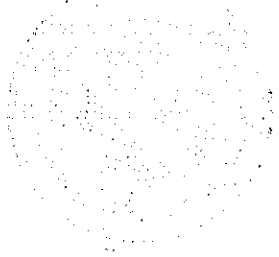
TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2313831.08	576288.55	14.22
2	2313820.2	576297.71	15.57
3	2313807.98	576307.36	8.22
4	2313801.41	576312.3	4.65
5	2313797.65	576315.03	2.14
6	2313796.1	576316.51	76.75
7	2313747.24	576257.34	45.47
8	2313776.74	576222.74	85.35
1	2313831.08	576288.55	

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
 Công chức địa chính - Xây dựng

Signature

Đào Thị Thanh Huyền





HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

(Phục vụ công tác đấu giá đất nông nghiệp công ích)

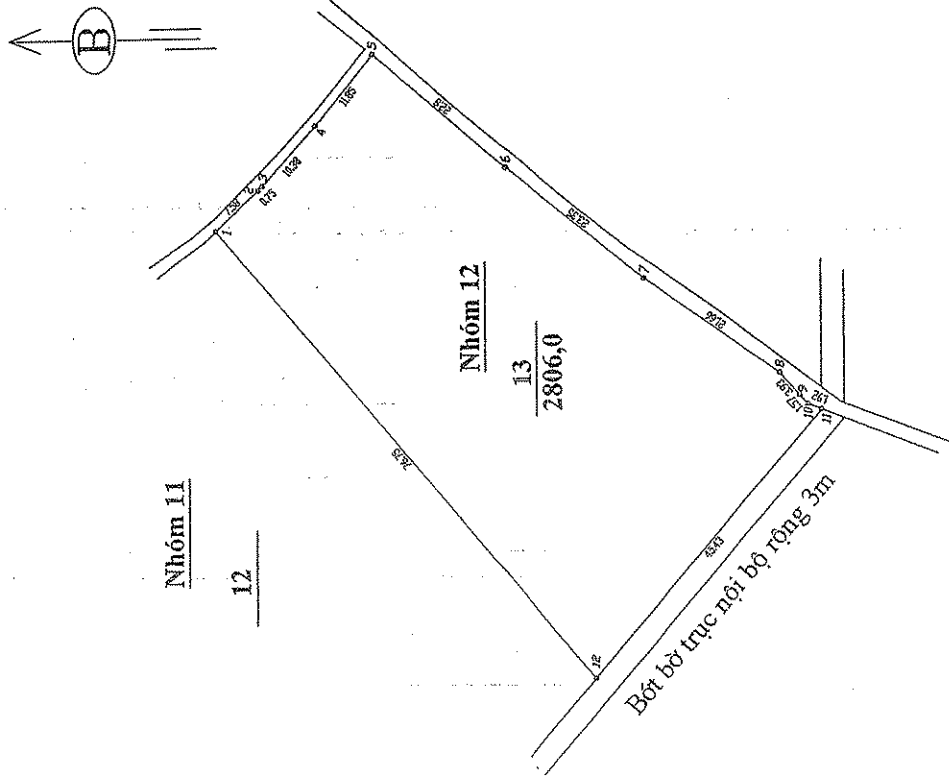
1. Thửa đất số: 13 (Nhóm 12)

Tờ bản đồ đất số: 00

2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đồng Lái Sông, thôn Đông Hoàng, phường Đông Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

3. Diện tích là: 2806,0 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,1

4. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



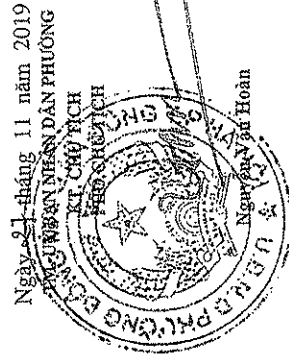
5. BẢNG KÊ MỐC TOẠ ĐỘ

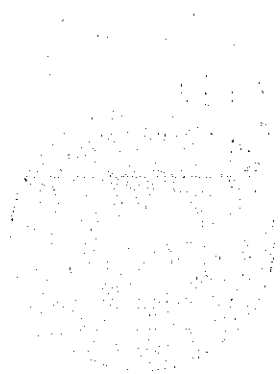
TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2313796.1	576316.51	7.58
2	2313790.65	576321.77	0.75
3	2313790.1	576322.3	10.38
4	2313783.28	576330.11	11.85
5	2313775.85	576339.34	22.8
6	2313758.8	576324.21	23.35
7	2313740.76	576309.38	21.66
8	2313723.15	576296.77	3.93
9	2313720.58	576293.79	1.57
10	2313719.54	576292.62	1.92
11	2313717.76	576291.9	45.43
12	2313747.24	576257.34	76.75
1	2313796.1	576316.51	

Ngày 21 tháng 11 năm 2019
Công chức địa chính - Xây dựng

Đào Thị Thanh Huyền

Đào Thị Thanh Huyền





27

HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

(Phục vụ công tác đấu giá đất nông nghiệp công ích)

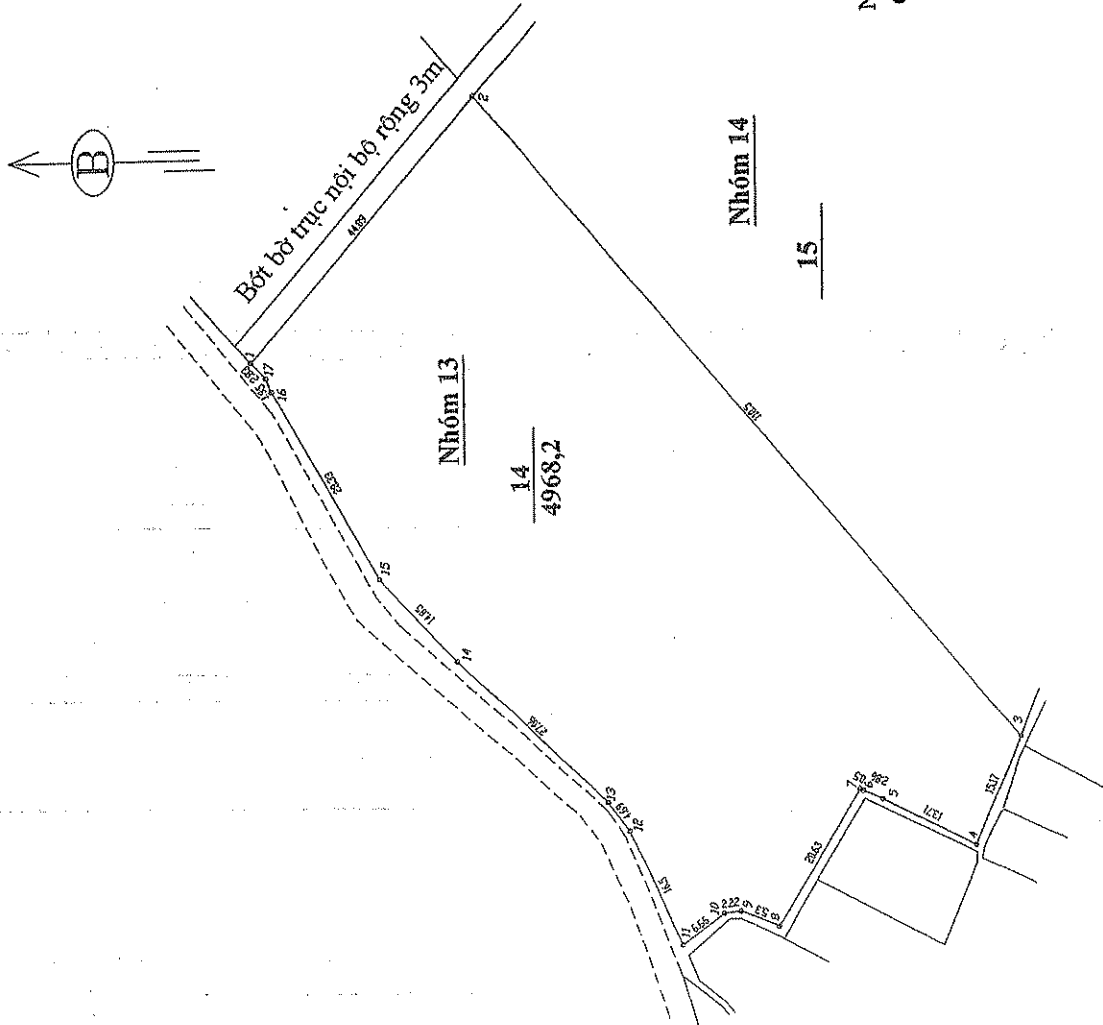
Tờ bản đồ đất số: 00

1. Thửa đất số: 14 (Nhóm 13)

2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đồng Hoàng, phường Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

3. Diện tích là: 4968,2 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,1

4. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



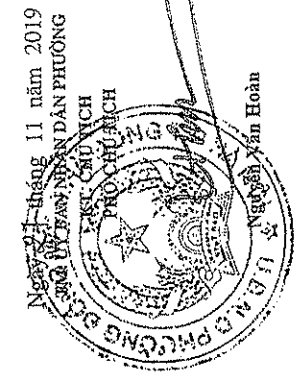
5. BẢNG KÊ MỐC TOẠ ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2313833,51	576151,54	44,89
2	2313804,38	576185,7	110,5
3	2313734,02	576100,5	15,17
4	2313739,84	576086,49	13,71
5	2313752,06	576092,71	2,86
6	2313754,67	576093,87	0,5
7	2313755,11	576094,11	20,63
8	2313765,71	576076,42	5,3
9	2313770,61	576078,45	2,22
10	2313772,81	576078,19	6,66
11	2313778,16	576074,21	16,5
12	2313784,91	576089,26	4,69
13	2313787,67	576093,06	27,06
14	2313807,12	576111,88	14,85
15	2313817,11	576122,87	28,33
16	2313830,9	576147,62	1,95
17	2313831,64	576149,43	2,83
1	2313833,51	576151,54	

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
 Công chức địa chính - Xây dựng

Đào Thị Thanh Huyền

Đào Thị Thanh Huyền

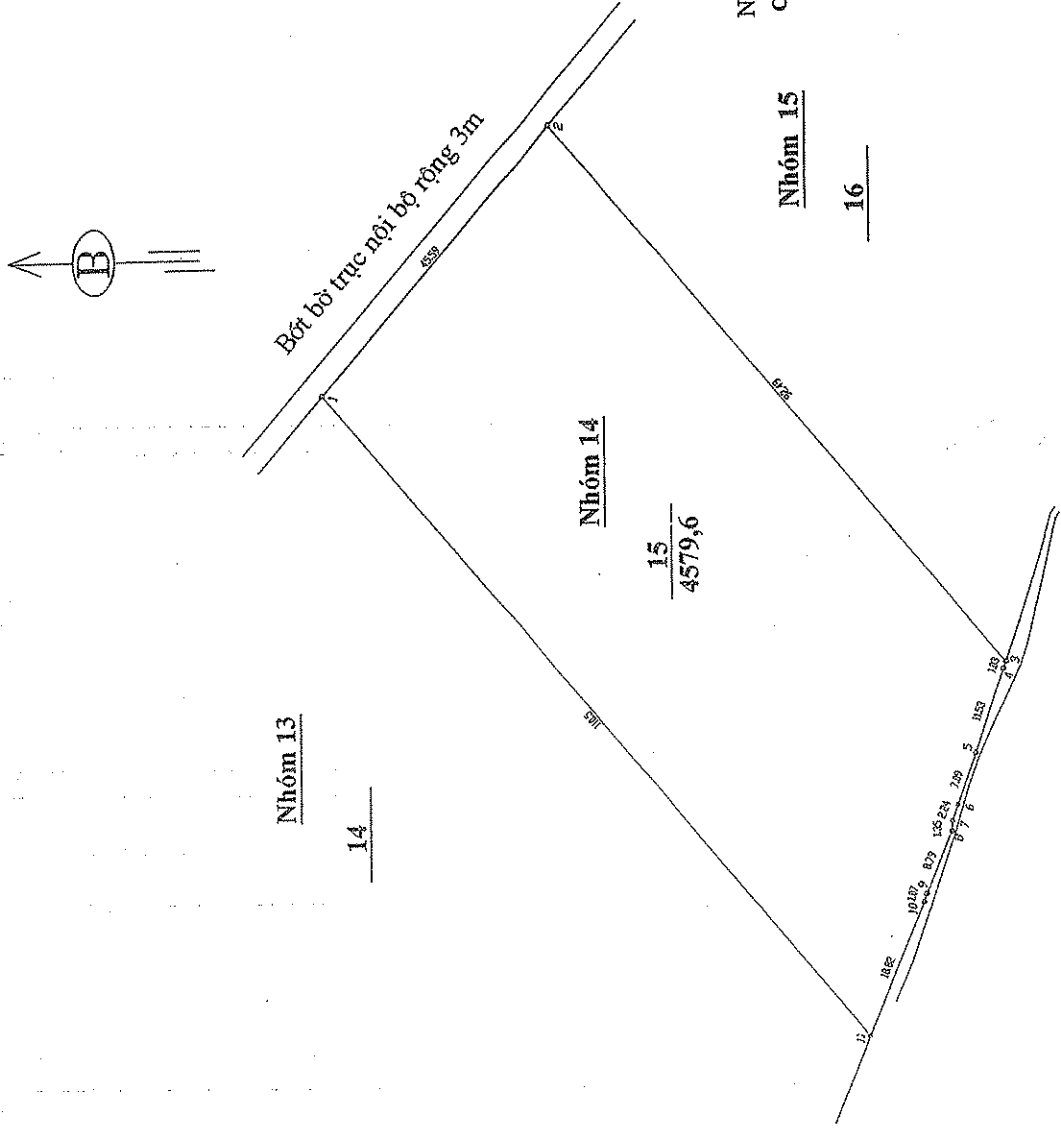


HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

(Phục vụ công tác đấu giá đất nông nghiệp công ích)

1. Thửa đất số: 15 (Nhóm 14) Tờ bản đồ đất số: 00
2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đồng Hoàng, thôn Đông Hoàng, phường Đông Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
3. Diện tích là: 4579,6 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,1

4. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



5. BẢNG KÊ MỐC TOA ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2313804.38	576185.7	45.59
2	2313774.8	576220.39	92.49
3	2313715.9	576149.07	1.03
4	2313716.23	576148.09	11.53
5	2313719.87	576137.14	7.09
6	2313722.29	576130.48	2.24
7	2313723.05	576128.37	1.35
8	2313723.14	576127.03	8.79
9	2313726.48	576118.9	1.07
10	2313726.79	576117.87	18.82
11	2313734.02	576100.5	110.5
1	2313804.38	576185.7	

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
Công chức địa chính - Xây dựng

Nhóm 15

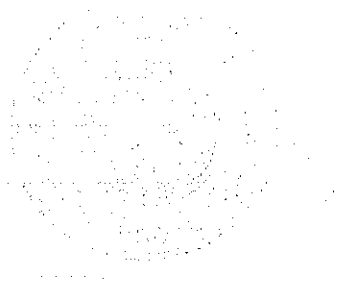
16

Signature

Đào Thị Thanh Huyền

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
T.M. LÊ VĂN HÂN DAN PHƯƠNG
PHÒNG QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI





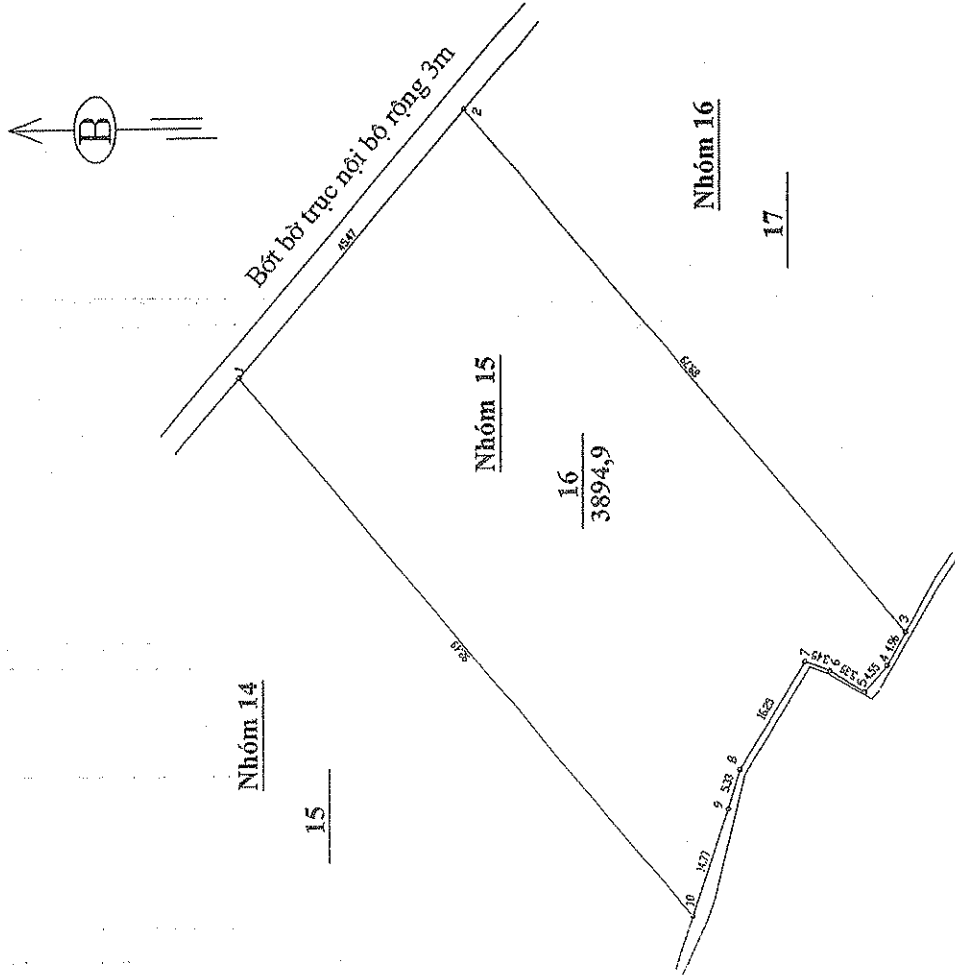
1

HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

(Phục vụ công tác đấu giá đất nông nghiệp công ích)

1. Thửa đất số: 16 (Nhóm 15) Tờ bản đồ đất số: 00
2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đồng Lái Sông, thôn Đông Hoàng, phường Đông Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
3. Diện tích là: 3894,9 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1

4. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



5. BẢNG KÊ MỐC TOẠ ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2313774.8	576220.39	45.47
2	2313745.3	576254.99	89.79
3	2313688.12	576185.75	4.96
4	2313690.52	576181.41	4.55
5	2313693.53	576178	5.39
6	2313698.11	576180.86	3.45
7	2313701.33	576182.1	16.25
8	2313709.76	576168.21	5.33
9	2313711.24	576163.08	14.77
10	2313715.9	576149.07	92.49
1	2313774.8	576220.39	

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
 Công chức địa chính - Xây dựng

Đào Thị Thanh Huyền

Đào Thị Thanh Huyền

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
 Ủy ban Nhân dân Phường



HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

(Phục vụ công tác đấu giá đất nông nghiệp công ích)

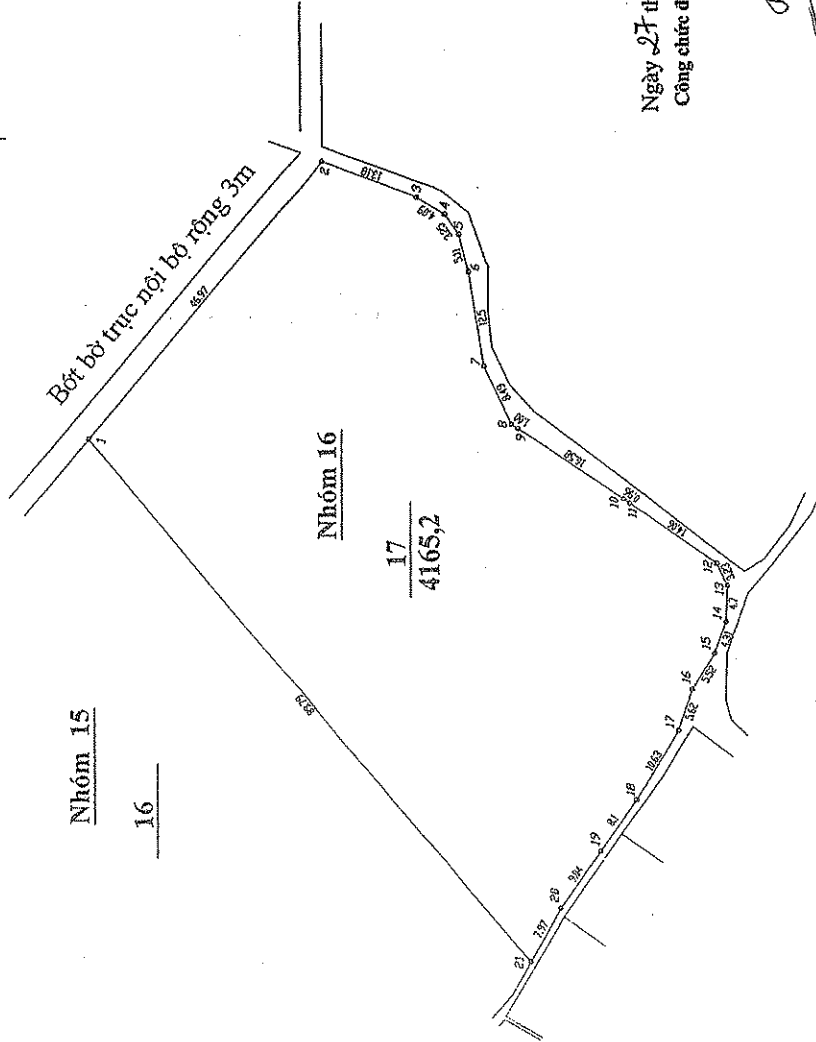
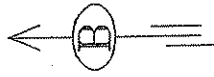
Tờ bản đồ đất số: 00

1. Thửa đất số: 17 (Nhóm 16)

2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đồng Hoàng, thôn Đông Hoàng, phường Đông Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

3. Diện tích là: 4165,2 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21,1

4. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



5. BẢNG KÊ MỐC TOẠ ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2313745,3	576254,99	46,97
2	2313714,82	576290,73	13,18
3	2313702,58	576285,83	4,09
4	2313699,16	576283,59	3,25
5	2313697,26	576280,95	5,11
6	2313695,92	576276,02	12,5
7	2313693,95	576263,67	8,49
8	2313690,43	576255,95	1
9	2313689,6	576255,39	16,58
10	2313675,98	576245,95	0,96
11	2313675,19	576245,4	14,06
12	2313666,63	576237,39	3,23
13	2313662,27	576234,46	4,7
14	2313662,47	576229,77	4,31
15	2313663,93	576225,71	5,52
16	2313666,9	576221,06	5,62
17	2313668,76	576215,75	10,63
18	2313674,39	576206,74	8,1
19	2313679,1	576200,15	9,04
20	2313684,27	576192,73	7,97
21	2313688,12	576185,75	89,79
1	2313745,3	576254,99	

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
 Công chức địa chính - Xây dựng

Signature

Đào Thị Thanh Huyền

Ngày 27 tháng 11 năm 2019

T.M. T. BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
 NGUYỄN VĂN CHỮ TỊCH

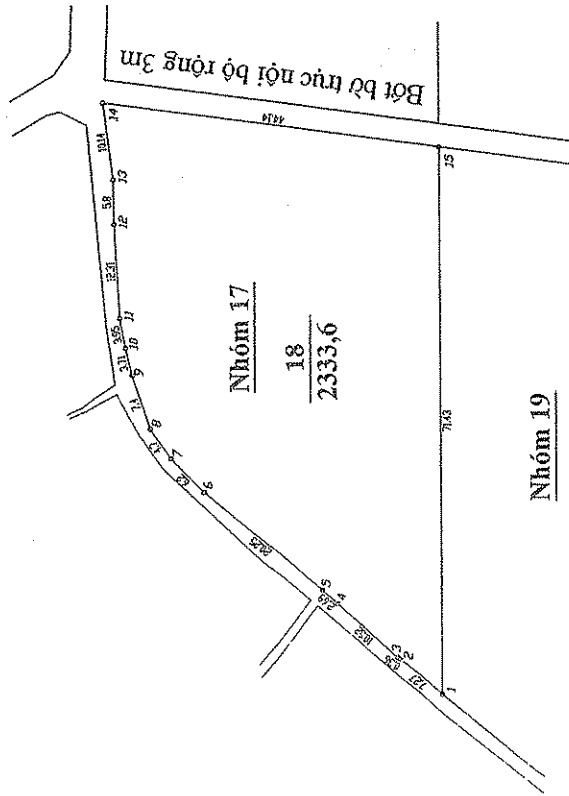
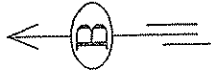


HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

(Phục vụ công tác đấu giá đất nông nghiệp công ích)

1. Thửa đất số: 18 (Nhóm 17) Tờ bản đồ đất số: 00
2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đông Đình Dưới Sông, thôn Đông Hoàng, phường Đông Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
3. Diện tích là: 2333,6 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,1

4. SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



5. BẢNG KÊ MỐC TOẠ ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2313759.64	576327.43	7.27
2	2313765.15	576332.17	0.36
3	2313765.45	576332.38	10.52
4	2313773.18	576339.52	2.69
5	2313775.15	576341.34	20.25
6	2313790.61	576354.42	6.2
7	2313794.86	576358.92	4.7
8	2313797.52	576362.8	7.4
9	2313799.82	576369.83	3.71
10	2313800.69	576373.44	3.95
11	2313801.44	576377.32	12.31
12	2313802.13	576389.61	5.8
13	2313802.24	576395.41	10.14
14	2313803.47	576405.47	44.14
15	2313759.83	576398.87	71.43
1	2313759.64	576327.43	

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
Công chức địa chính - Xây dựng

Đuyên

Đào Thị Thanh Huyền

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG

CHAI KỶ CHỦ TỊCH
PHỐ CHỦ TỊCH

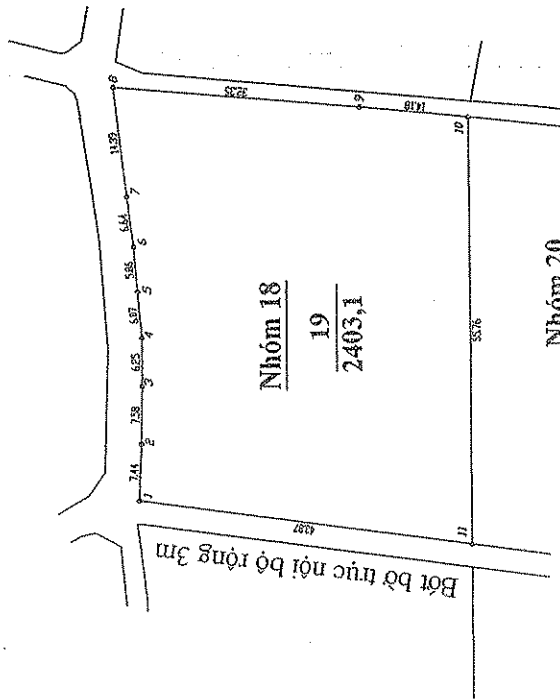
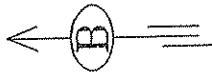


HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

(Phục vụ công tác đầu tư đất nông nghiệp công ích)

1. Thửa đất số: 19 (Nhóm 18)
Tờ bản đồ đất số: 00
2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đồng Đình Dưới Sông, thôn Đồng Hoàng, phường Đông Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
3. Diện tích là: 2403,1 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,1

4. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



5. BẢNG KÊ MỐC TOẠ ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2313803.21	576408.47	7.44
2	2313802.89	576415.9	7.58
3	2313802.75	576423.48	6.25
4	2313802.75	576429.73	6.07
5	2313803.28	576435.77	5.86
6	2313803.76	576441.61	6.64
7	2313804.59	576448.2	14.39
8	2313806.27	576462.49	32.35
9	2313774.08	576459.24	14.18
10	2313759.98	576457.66	55.76
11	2313759.84	576401.9	43.87
1	2313803.21	576408.47	

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
 Công chức địa chính - Xây dựng

21

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
 Ủy ban Nhân dân Phường
 Công chức địa chính - Xây dựng



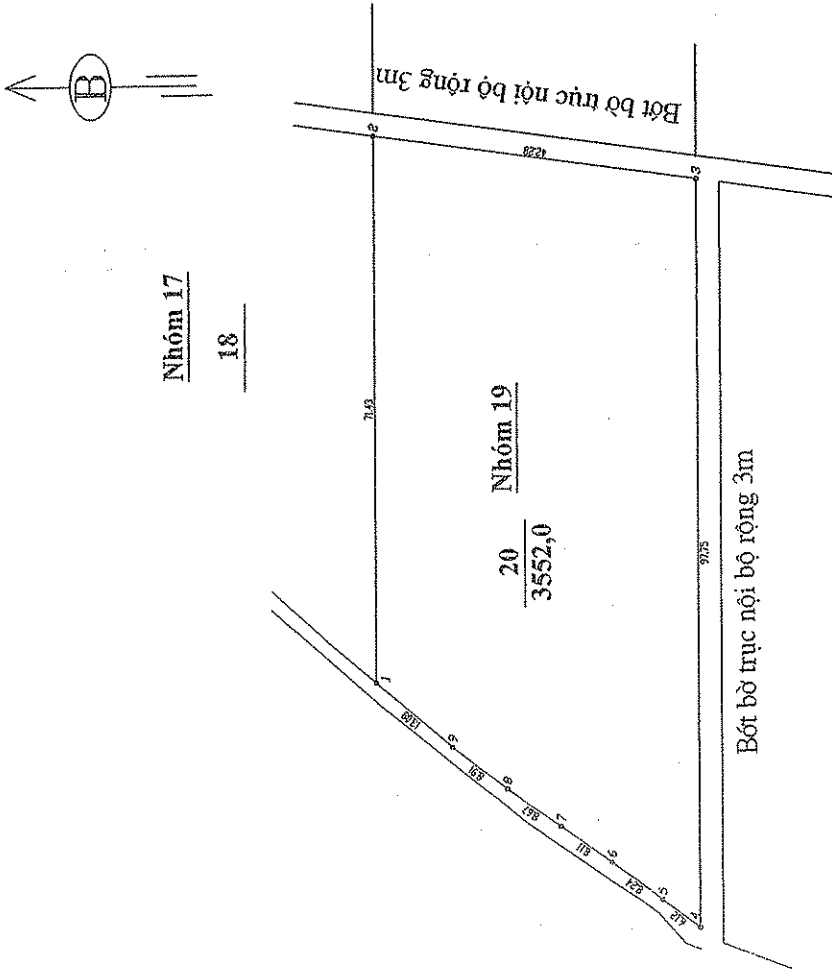
Đào Thị Thanh Huyền

HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

(Phục vụ công tác đấu giá đất nông nghiệp công ích)

- 1. Thửa đất số: 20 (Nhóm 19)
Tờ bản đồ đất số: 00
- 2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đông Đình Dưới Sông, thôn Đông Hoàng, phường Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
- 3. Diện tích là: 3552,0 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,1

4. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



5. BẢNG KÊ MỐC TOạ ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2313759.64	576327.43	71.43
2	2313759.83	576398.87	42.28
3	2313718.02	576392.54	97.75
4	2313717.76	576294.79	6.12
5	2313722.62	576298.52	8.24
6	2313729.14	576303.54	8.11
7	2313735.68	576308.35	8.67
8	2313742.77	576313.33	8.91
9	2313749.72	576318.91	13.08
1	2313759.64	576327.43	

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
Công chức địa chính - Xây dựng

Đào Thị Thanh

Đào Thị Thanh Huyện

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÒNG CHU TỊCH

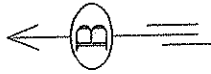


HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

(Phục vụ công tác đấu giá đất nông nghiệp công ích)

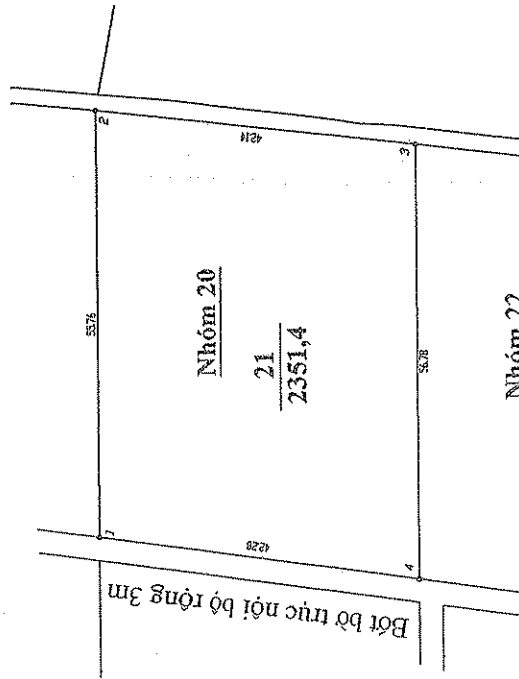
1. Thửa đất số: 21 (Nhóm 20)
Tờ bản đồ đất số: 00
2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đông Đình Dưới Sông, thôn Đông Hoàng, phường Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
3. Diện tích là: 2351,4 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,1

4. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



Nhóm 18

19



Bờ bờ thực nội bộ rộng 3m

5. BẢNG KÊ MỐC TOạ ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2313759,84	576401,9	55,76
2	2313759,98	576457,66	42,14
3	2313718,18	576452,36	56,78
4	2313718,03	576395,57	42,28
1	2313759,84	576401,9	

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
Công chức địa chính - Xây dựng

Đào Thị Thanh Huyền

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
TRƯỞNG BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
MỘT KINH CHỨC

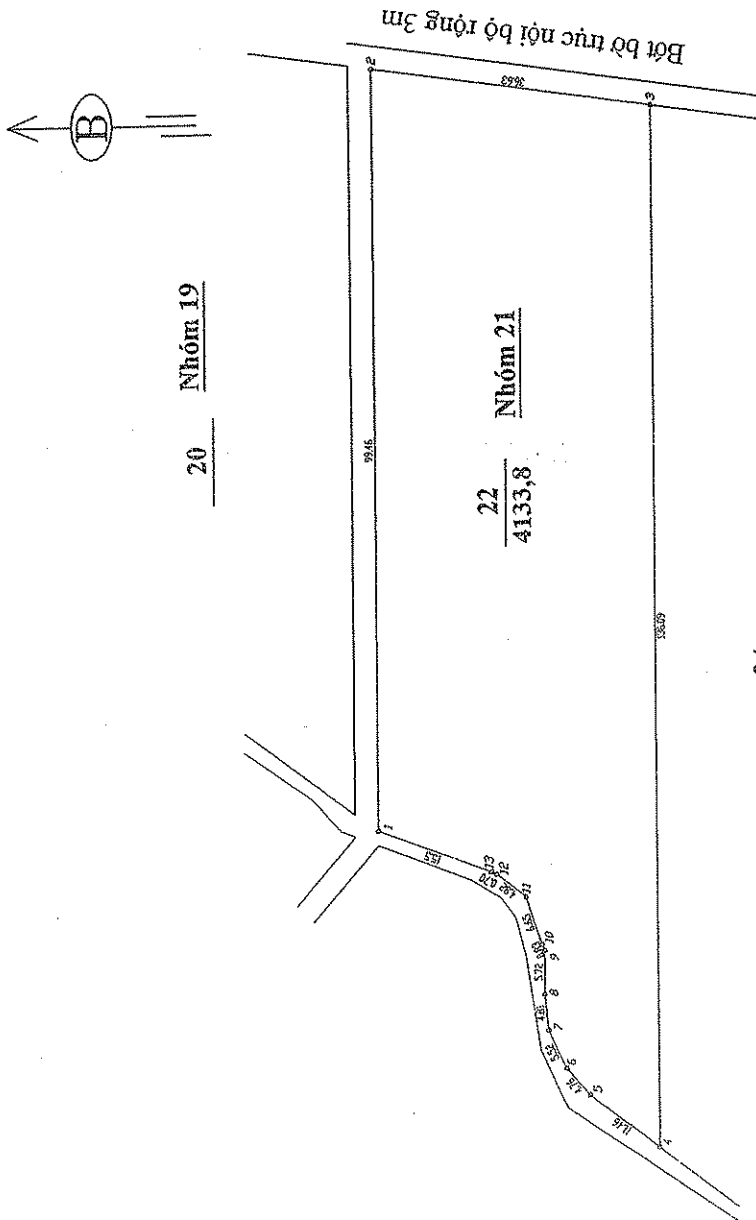


HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

(Phục vụ công tác đấu giá đất nông nghiệp công ích)

1. Thửa đất số: 22 (Nhóm 21)
Tờ bản đồ đất số: 00
2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đồng Đình Dưới Sông, thôn Đông Hoàng, phường Đông Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
3. Diện tích là: 4133,8 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,1

4. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



5. BẢNG KÊ MỐC TOạ ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2313714,76	576292,62	99,46
2	2313715,02	576392,08	36,63
3	2313678,81	576386,6	136,09
4	2313678,45	576250,51	11,46
5	2313687,5	576257,54	4,76
6	2313690,58	576261,16	5,52
7	2313692,93	576266,16	4,81
8	2313693,42	576270,95	5,72
9	2313693,38	576276,67	0,83
10	2313693,69	576277,43	6,65
11	2313695,89	576283,71	4,82
12	2313699,7	576286,67	0,7
13	2313700,31	576287	15,5
1	2313714,76	576292,62	

Ngày 21 tháng 11 năm 2019
Công chức địa chính - Xây dựng

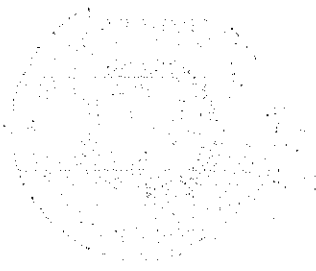
Đặc Thị Thanh Huyền

Đặc Thị Thanh Huyền

Ngày 21 tháng 11 năm 2019
ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
ĐÔNG MAI - CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hoàn

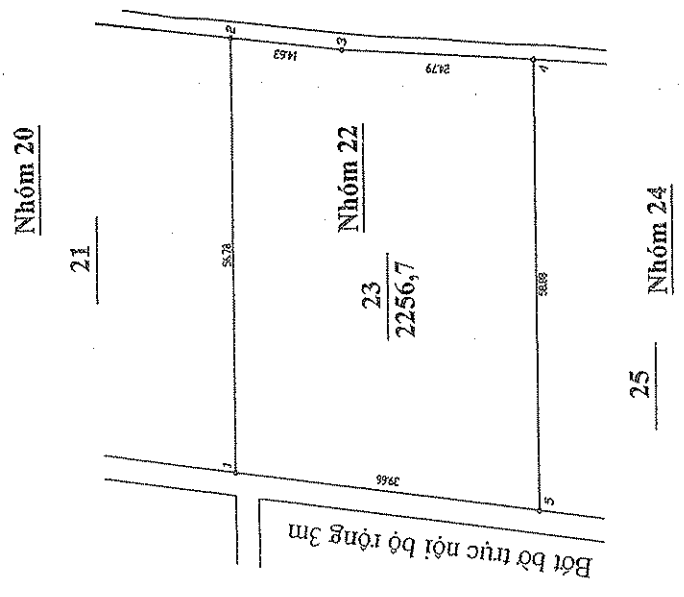
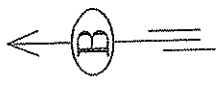


HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

(Phục vụ công tác đầu giá đất nông nghiệp công ích)

- 1. Thửa đất số: 23 (Nhóm 22) Tờ bản đồ đất số: 00
- 2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đông Đình Dưới Sông, thôn Đông Hoàng, phường Đông Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
- 3. Diện tích là: 2256,7 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,1

4. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



5. BẢNG KÊ MỐC TOạ ĐỘ

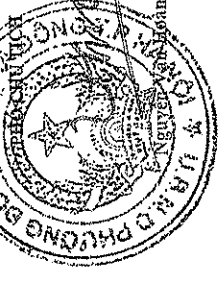
TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2313718,03	576395,57	56,78
2	2313718,18	576452,36	14,63
3	2313703,68	576450,41	24,79
4	2313678,97	576448,52	58,88
5	2313678,82	576389,64	39,66
1	2313718,03	576395,57	

Ngày 24 tháng 11 năm 2019
 Công chức địa chính - Xây dựng

Đào Thị Thanh Huyền

Đào Thị Thanh Huyền

Ngày 24 tháng 11 năm 2019
 TM: BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
 XÉT CHẤM



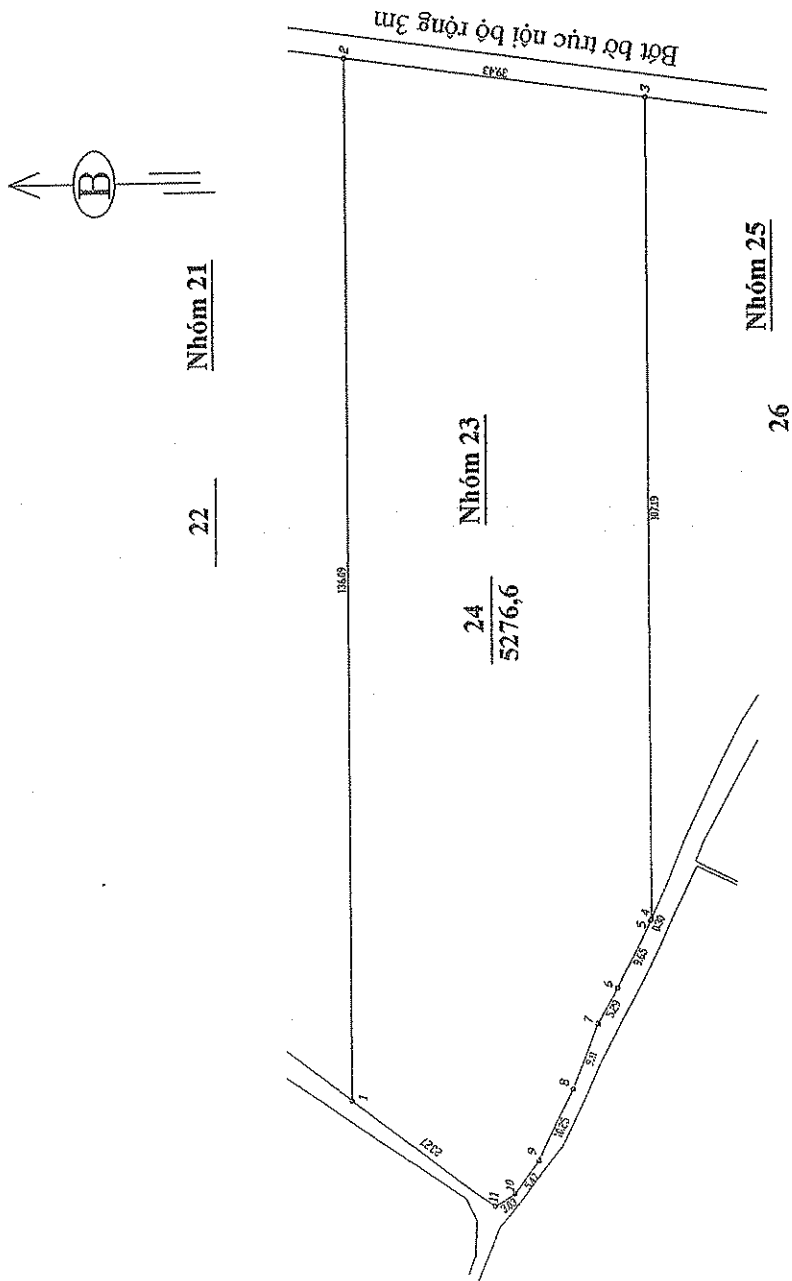
HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

(Phục vụ công tác đầu giá đất nông nghiệp công ích)

1. Thửa đất số: 24 (Nhóm 23)
2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đồng Đình Dưới Sông, thôn Đồng Hoàng, phường Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
3. Diện tích là: 5276,6 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,1

Tờ bản đồ đất số: 00

4. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



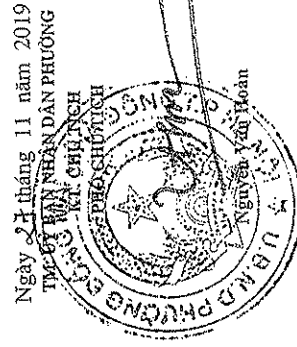
5. BẢNG KÊ MỐC TOA ĐỘ

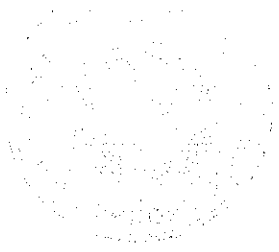
TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2313678.45	576250.51	136.09
2	2313678.81	576386.6	39.43
3	2313639.83	576380.7	107.19
4	2313639.54	576273.51	0.3
5	2313639.67	576273.24	9.65
6	2313643.84	576264.54	5.29
7	2313646.42	576259.92	9.11
8	2313649.8	576251.46	10.25
9	2313654.14	576242.18	5.47
10	2313657.48	576237.84	3.03
11	2313660.06	576236.25	23.27
1	2313678.45	576250.51	

Ngày 11 tháng 11 năm 2019
 Công chức địa chính - Xây dựng

Đào Thị Thanh Huyền

Đào Thị Thanh Huyền





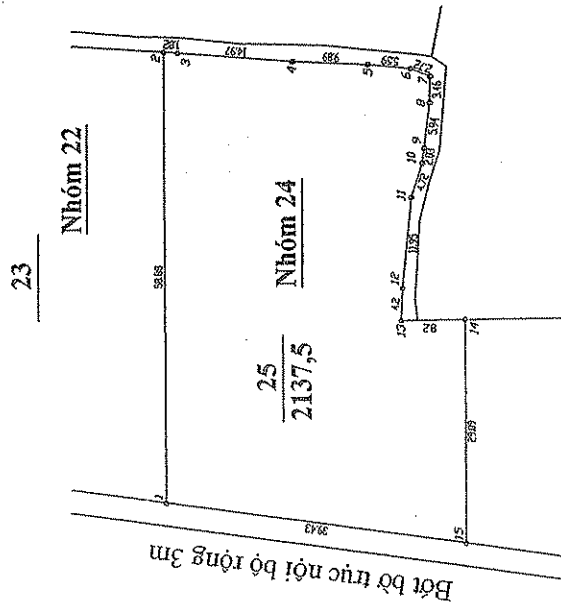
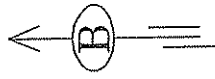
—

HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

(Phục vụ công tác đầu tư đất nông nghiệp công ích)

- 1. Thửa đất số: 25 (Nhóm 24) Tờ bản đồ đất số: 00
- 2. Địa chỉ thửa đất: Xã Đông Đình Dưới Sông, thôn Đông Hoàng, phường Đông Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
- 3. Diện tích là: 2137,5 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,1

4. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



5. BẢNG KÊ MỐC TOẠ ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2313678.82	576389.64	58.88
2	2313678.97	576448.52	1.82
3	2313677.15	576448.38	14.97
4	2313662.25	576446.99	9.89
5	2313652.38	576446.42	5.59
6	2313646.83	576445.78	2.72
7	2313644.3	576444.78	3.46
8	2313644.34	576441.31	5.94
9	2313645.06	576435.42	2.03
10	2313645.38	576433.41	4.72
11	2313646.81	576428.92	11.95
12	2313647.97	576417.03	4.2
13	2313648.11	576412.83	8.2
14	2313639.91	576412.83	29.09
15	2313639.83	576383.73	39.43
1	2313678.82	576389.64	

Nhóm 26

27

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
 Công chức địa chính - Xây dựng

(Signature)

Đào Thị Thanh Huyền

Ngày 27 tháng 11 năm 2019

TT. ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
 ĐÔNG MAI - KT. CHỦ TỊCH



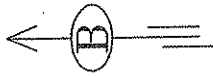
Nguyễn Văn Hoàn

HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

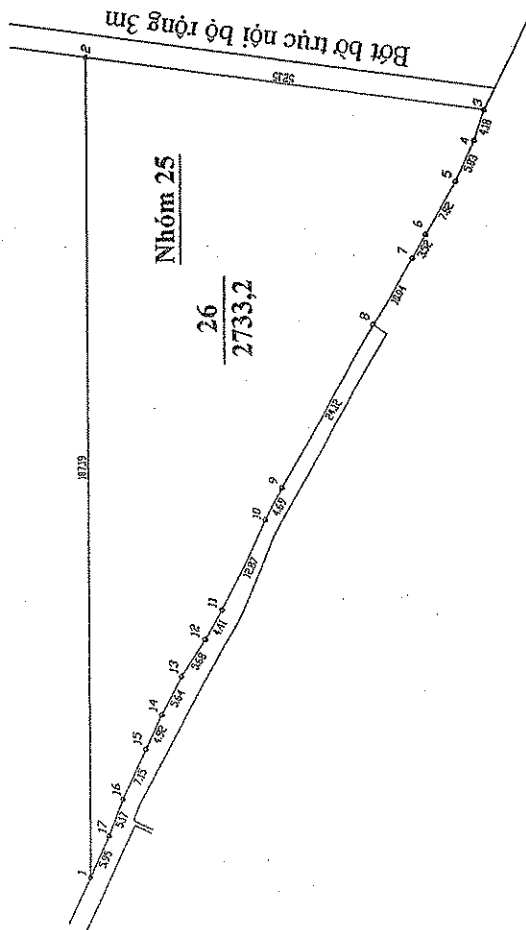
(Phục vụ công tác đầu giá đất nông nghiệp công ích)

- 1. Thửa đất số: 26 (Nhóm 25)
Tờ bản đồ đất số: 00
- 2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đông Đình Dưới Sông, thôn Đông Hoàng, phường Đông Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
- 3. Diện tích là: 2733,2 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,1

4. SƠ ĐỒ THỪA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



24 Nhóm 23



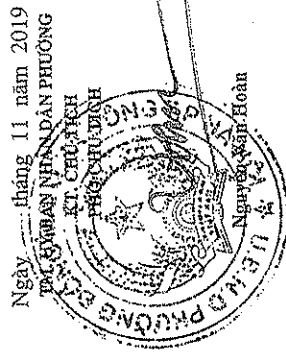
5. BẢNG KÊ MỐC TOẠ ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	23136399.54	576273.51	107.19
2	23136399.83	576380.7	52.15
3	2313588.27	576372.89	4.18
4	2313589.55	576368.92	5.83
5	2313591.95	576363.61	7.82
6	2313595.79	576356.79	3.52
7	2313597.5	576353.71	10.04
8	2313602.58	576345.06	24.12
9	2313614.27	576323.96	4.69
10	2313616.55	576319.86	12.87
11	2313622.07	576308.23	4.41
12	2313624.23	576304.38	5.68
13	2313627.35	576299.63	5.64
14	2313629.96	576294.63	4.92
15	2313632.07	576290.18	7.15
16	2313635.13	576283.71	5.17
17	2313637.03	576278.91	5.95
1	23136399.54	576273.51	

Ngày tháng 11 năm 2019
Công chức địa chính - Xây dựng

Signature

Đào Thị Thanh Huyền

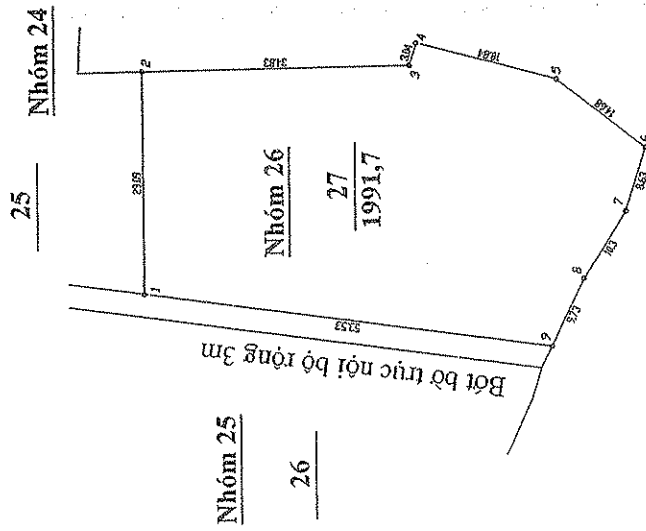
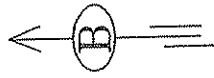


HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

(Phục vụ công tác đấu giá đất nông nghiệp công ích)

- 1. Thửa đất số: 27 (Nhóm 26) Tờ bản đồ đất số: 00
- 2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đồng Đình Dưới Sông, thôn Đồng Hoàng, phường Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
- 3. Diện tích là: 1991,7 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,1

4. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



5. BẢNG KÊ MỐC TOẠ ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2313639.83	576383.73	29,09
2	2313639.91	576412.83	34,83
3	2313605.08	576412.83	3,04
4	2313604.2	576415.73	18,84
5	2313586.08	576410.55	14,68
6	2313574.59	576401.41	8,63
7	2313577.17	576393.18	10,3
8	2313582.69	576384.49	9,73
9	2313586.91	576375.72	53,53
1	2313639.83	576383.73	

Ngày 21 tháng 11 năm 2019

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
ĐONG MAI, QUẬN HÀ ĐÔNG, TP. HÀ NỘI

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
Công chức địa chính - Xây dựng

Đào Thị Thanh Huyền

Đào Thị Thanh Huyền



HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

(Phục vụ công tác đầu tư đất nông nghiệp công ích)

Tờ bản đồ đất số: 00

1. Thửa đất số: 28; 29; 30; 31, 32, 33 (Nhóm 27)

2. Địa chỉ thửa đất: Xã đồng Kỳ Cỏ, thôn Đồng Hoàng, phường Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

3. Diện tích nhóm 27 là: 3909,3 m²; Trong đó:

+ Thửa 28: Diện tích là: 1319,2 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, ..., 17, 18, 19, 20, 1

+ Thửa 29: Diện tích là: 223,9 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 1

+ Thửa 30: Diện tích là: 144,5 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 5, 1

+ Thửa 31: Diện tích là: 258,1 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 1

+ Thửa 32: Diện tích là: 248,6 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 1

+ Thửa 33: Diện tích là: 1715,0 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1, 2, ..., 24, 25, 1

5.1: BẢNG KÊ MỐC TOẠ ĐỘ THỬA 28

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2314223,75	576124,1	29,38
2	2314203,7	576145,57	8,98
3	2314197,83	576136,77	9,92
4	2314190,86	576131,71	9,26
5	2314185,18	576139,03	2,71
6	2314183,04	576137,36	4,39
7	2314180,18	576134,04	3,39
8	2314177,76	576131,66	4,96
9	2314174,87	576128,14	4,15
10	2314171,16	576125,38	10,75
11	2314164,39	576133,73	2,94
12	2314162,99	576135,89	15,7
13	2314151,54	576124,54	20,85
14	2314146,47	576109,26	11,81
15	2314176,11	576116,78	4,78
16	2314180,75	576111,93	10,43
17	2314190,97	576114,02	11,78
18	2314202,35	576117,07	8,5
19	2314200,54	576115,32	2,45
20	2314212,84	576120,16	11,6
21	2314223,75	576124,1	

5.2: BẢNG KÊ MỐC TOẠ ĐỘ THỬA 29

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2314261,78	576190,26	3,42
2	2314259,25	576192,56	4,71
3	2314253,52	576193,44	10,47
4	2314246,75	576190,16	13,61
5	2314238,63	576190,25	13,7
6	2314249,49	576191,89	9,06
7	2314256,61	576187,49	5,87
8	2314261,78	576190,26	

5.3: BẢNG KÊ MỐC TOẠ ĐỘ THỬA 30

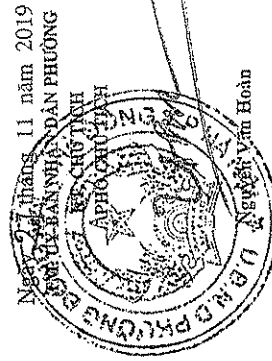
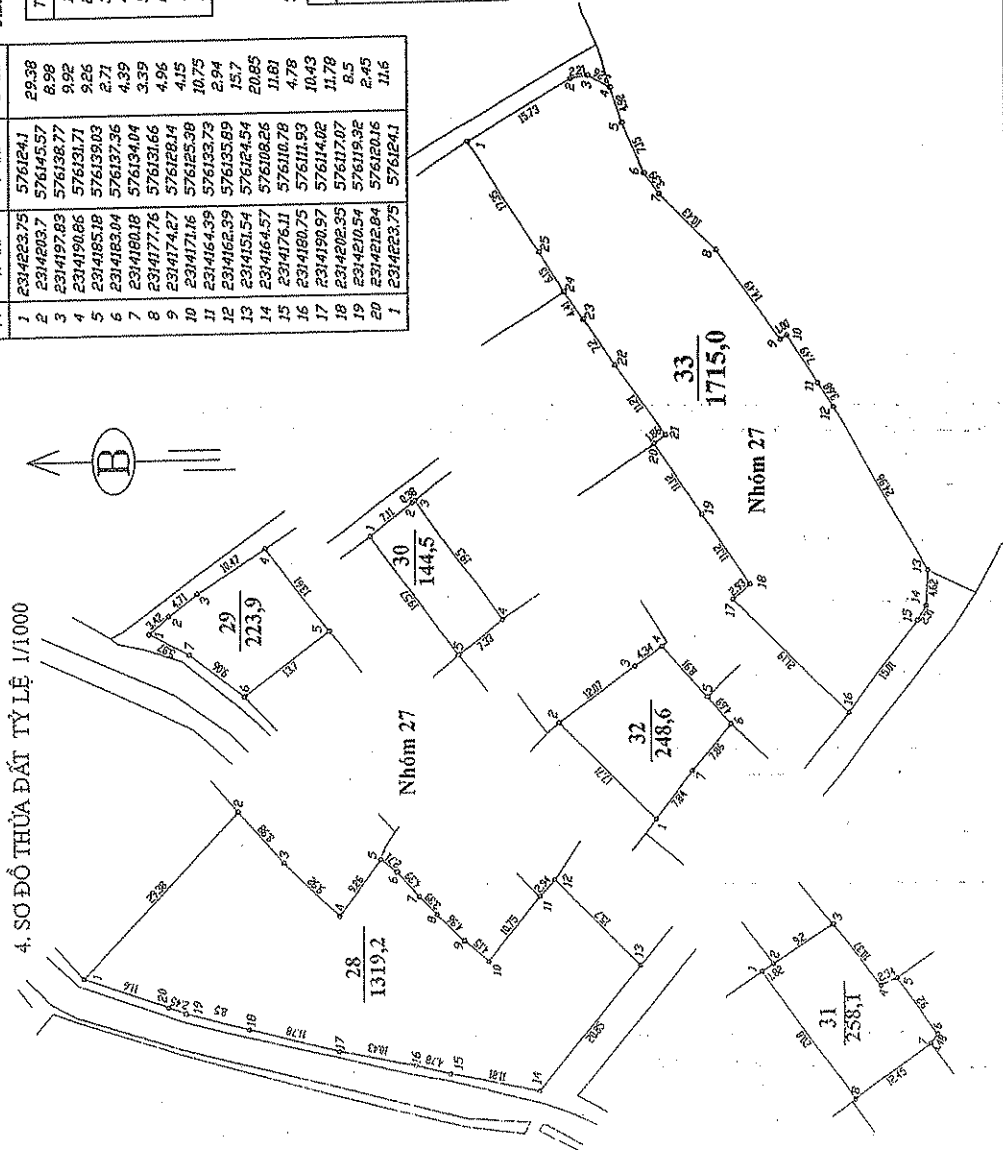
TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2314240,09	576205,62	7,11
2	2314234,47	576209,98	0,38
3	2314234,17	576210,2	19,5
4	2314228,72	576194,42	7,33
5	2314228,47	576189,88	19,57
6	2314240,09	576205,62	

5.6: BẢNG KÊ MỐC TOẠ ĐỘ THỬA 33

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2314136,01	576280,72	15,73
2	2314122,45	576298,71	2,21
3	2314120,27	576289,08	3,26
4	2314117,42	576287,5	4,92
5	2314115,93	576282,81	7,15
6	2314113,2	576276,21	3,39
7	2314111,26	576273,43	10,43
8	2314103,95	576265,98	14,43
9	2314095,64	576254,11	1
10	2314094,8	576254,64	7,49
11	2314090,73	576248,35	3,58
12	2314088,87	576245,17	24,56
13	2314076,26	576233,63	4,62
14	2314078,5	576219,02	2,31
15	2314071,75	576217,07	15,03
16	2314082,04	576225,28	23,15
17	2314101,95	576220,34	23,2
18	2314099,77	576222,3	11,2
19	2314105,93	576231,56	11,2
20	2314112,08	576240,82	1,86
21	2314116,63	576241,98	11,21
22	2314117,03	576251,18	7,2
23	2314121	576257,19	4,41
24	2314123,45	576260,86	6,15
25	2314126,63	576266,12	17,55
26	2314136,01	576280,72	

5.4: BẢNG KÊ MỐC TOẠ ĐỘ THỬA 31

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2314115,31	576198,24	17,71
2	2314112,59	576211,01	12,07
3	2314117,94	576216,25	4,34
4	2314114,41	576207,77	8,91
5	2314108,53	576214,07	7,86
6	2314105,5	57620,5	4,69
7	2314110,55	576204,47	7,84
8	2314115,31	576198,24	



Ngày 27 tháng 11 năm 2019
 Công chức địa chính - Xây dựng

Đào Thị Thanh Huyền
 Đào Thị Thanh Huyền

HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

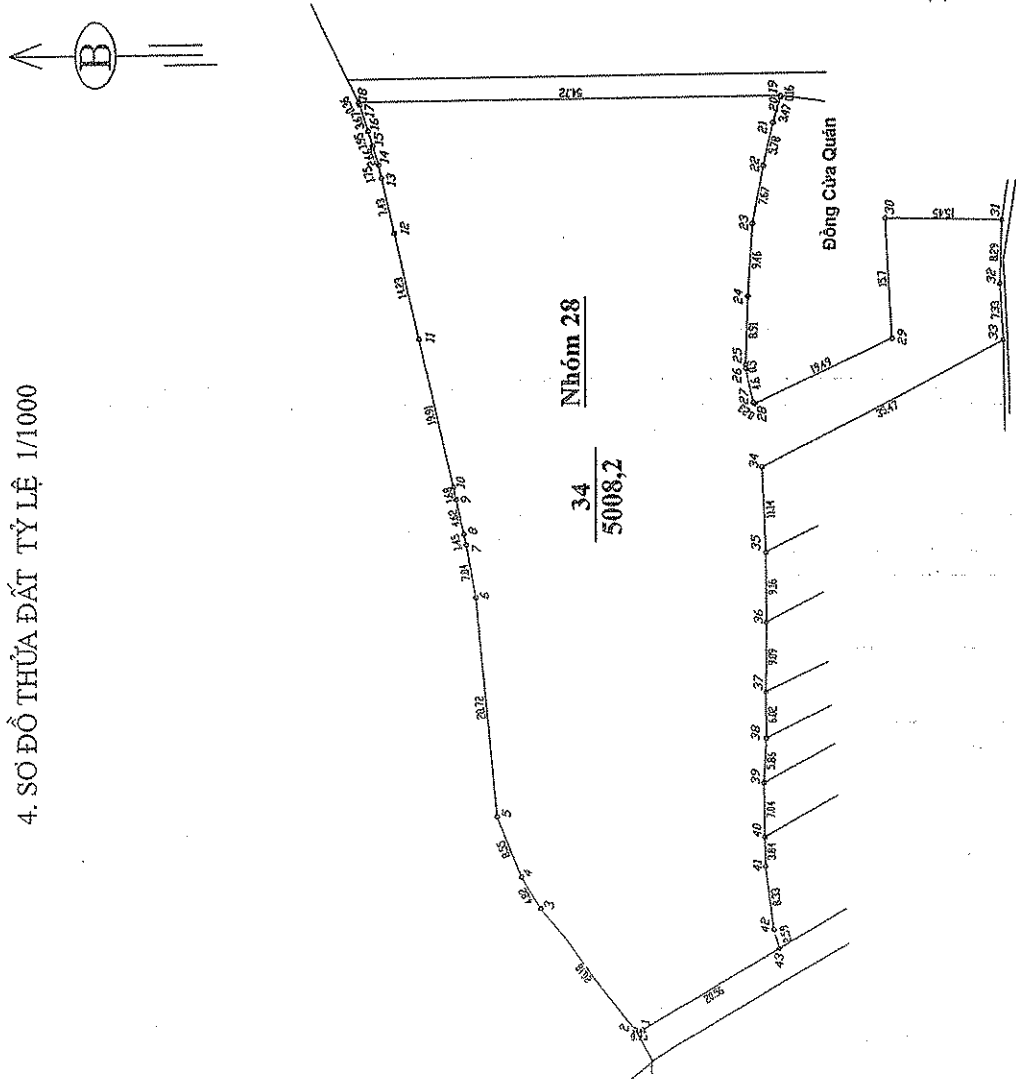
(Phục vụ công tác đấu giá đất nông nghiệp công ích)

1. Thửa đất số: 34 (Nhóm 28)
Tờ bản đồ đất số: 00

2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đồng Cửa Quán, thôn Đồng Hoàng, phường Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

3. Diện tích là: 5008,2 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,....,40,41,42,43,1

4. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



5. BẢNG KÊ MỐC TOạ ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2313968,34	576316,37	0,93
2	2313969,27	576316,35	20,18
3	2313981,45	576332,43	4,82
4	2313983,93	576336,57	8,55
5	2313987,13	576344,5	28,72
6	2313989,82	576373,1	7,04
7	2313991,11	576380,01	1,45
8	2313991,37	576381,44	4,62
9	2313992,4	576385,95	1,68
10	2313992,77	576387,59	19,91
11	2313997,2	576407,01	14,23
12	2314000,36	576420,89	7,43
13	2314002,01	576428,13	1,75
14	2314002,4	576432,38	2,66
15	2314003,17	576437,76	1,95
16	2314003,73	576434,25	3,67
17	2314004,8	576437,76	0,36
18	2314004,95	576438,09	54,72
19	2313950,23	576438,09	0,16
20	2313950,23	576437,93	3,47
21	2313951,18	576434,6	

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
21	2313951,18	576434,6	5,78
22	2313952,48	576428,97	7,67
23	2313953,9	576421,42	9,46
24	2313954,47	576411,98	8,91
25	2313954,75	576403,08	0,5
26	2313954,77	576402,58	4,6
27	2313953,79	576398,08	0,23
28	2313953,61	576397,93	19,49
29	2313935,96	576406,2	15,7
30	2313936,86	576421,4	8,29
31	2313921,42	576421,4	7,33
32	2313921,67	576413,11	35,47
33	2313921,2	576405,8	11,14
34	2313952,77	576389,61	9,16
35	2313952,23	576378,48	9,09
36	2313952,15	576369,32	6,02
37	2313952,25	576360,23	5,96
38	2313952,2	576354,21	7,04
39	2313952,4	576341,32	3,84
40	2313952,4	576337,48	8,33
41	2313952,32	576337,48	2,59
42	2313951,24	576326,73	20,56
43	2313950,58	576326,73	
1	2313968,34	576316,37	

Ngày 11 tháng 11 năm 2019
Công chức địa chính - Xây dựng

Đào Thị Thanh Huyền

Đào Thị Thanh Huyền

Ngày 11 tháng 11 năm 2019
ĐIỀU HÀNH BAN DÂN PHƯỜNG
KT. CHỦ TỊCH
BAN CHỨC VỤ



HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

(Phục vụ công tác đấu giá đất nông nghiệp công ích)

1. Thửa đất số: 35, 36, 37 (Nhóm 29)

2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đồng Cửa Quán, thôn Đông Hoàng, phường Đông Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

3. Diện tích nhóm 29 là: 5443,7 m²; Trong đó:

+ Thửa 35: Diện tích là: 5253,3 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,...,55,56,57,1

+ Thửa 36: Diện tích là: 98,1 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,1

+ Thửa 37: Diện tích là: 92,3 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,1

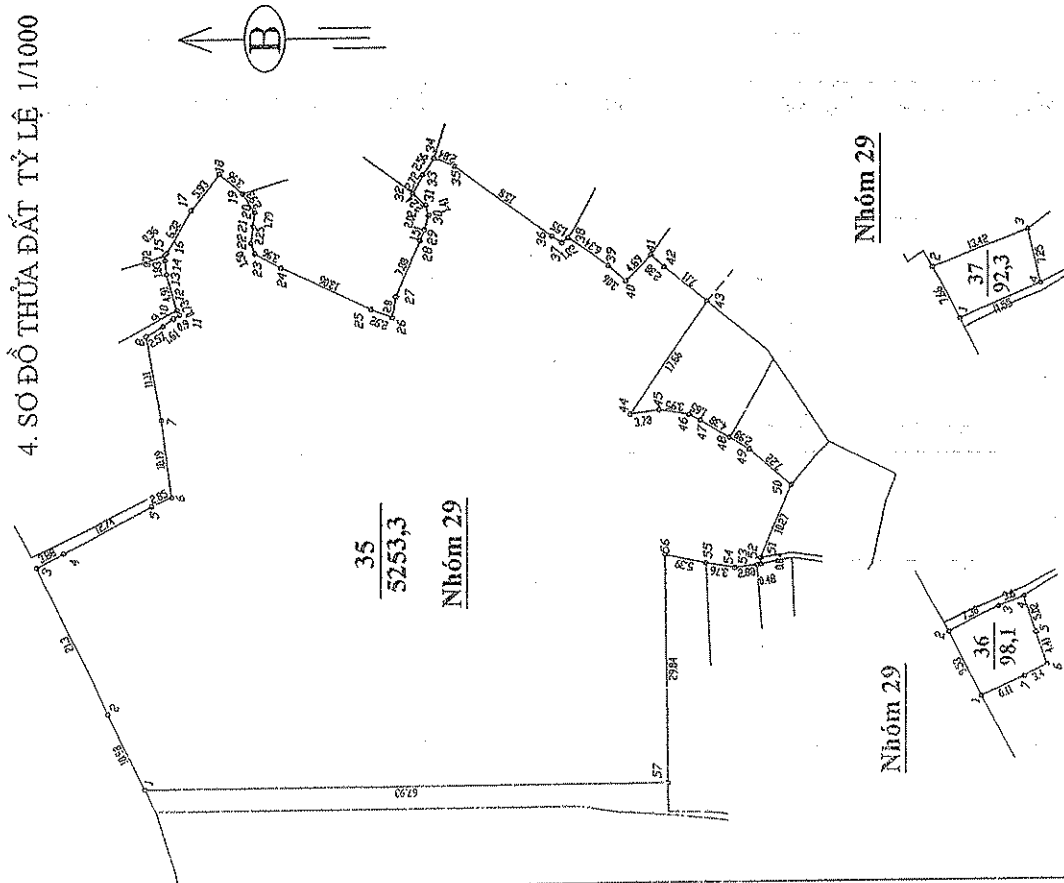
Tờ bản đồ đất số: 00

5. BẢNG KÊ MỐC TOA ĐỘ

5.2: BẢNG KÊ MỐC TOA ĐỘ THỬA 35

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2314006,37	576441,09	10,98
2	2314011,07	576451,02	21,3
3	2314020,19	576470,27	3,88
4	2314016,77	576472,11	12,74
5	2314005,9	576478,06	2,85
6	2314002,91	576479,24	10,19
7	2314004,21	576489,34	11,11
8	2314006,19	576500,28	2,57
9	2314004,00	576501,6	1,61
10	2314002,71	576502,58	0,9
11	2314001,92	576503	0,73
12	2314002,23	576503,65	4,91
13	2314003,54	576508,38	1,83
14	2314003,76	576510,2	0,72
15	2314003,80	576510,92	0,96
16	2314000,44	576516,68	6,32
17	2314000,44	576516,68	6,32
18	2313996,83	576521,39	5,93
19	2313993,83	576518,81	2,93
20	2313992,3	576516,31	1,79
21	2313995,48	576514,53	2,25
22	2313992,79	576510,9	1,5
23	2313992,25	576512,3	3,96
24	2313988,75	576509,04	13,06
25	2313976,96	576503,42	2,92
26	2313974,25	576502,34	2,8
27	2313973,77	576505,1	7,88
28	2313970,66	576512,34	1,51
29	2313970,11	576513,75	2,02
30	2313969,56	576515,69	1,41
31	2313969,99	576517,04	2,24
32	2313971,58	576516,62	

4. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



5.2: BẢNG KÊ MỐC TOA ĐỘ THỬA 36

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2314025,25	576479,87	9,53
2	2314029,7	576488,3	7,38
3	2314023,07	576491,56	3,6
4	2314019,72	576492,86	5,02
5	2314018,12	576488,1	4,41
6	2314016,66	576483,94	3,4
7	2314013,71	576482,42	6,11
1	2314023,25	576479,87	

5.2: BẢNG KÊ MỐC TOA ĐỘ THỬA 37

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2314030,32	576489,48	7,66
2	2314033,9	576496,25	13,42
3	2314021,37	576501,08	7,25
4	2314019,7	576494,03	11,55
1	2314030,32	576489,48	

Ngày 17 tháng 11 năm 2019
 ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
 ĐÔNG MAI, KẾ CHỨC TỊCH
 PHÓ CHỦ TỊCH

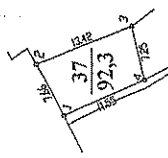
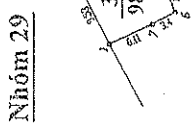
Ngày 17 tháng 11 năm 2019
 Công chức địa chính - Xây dựng



Signature
 Đào Thị Thanh Huyền

Nhóm 29

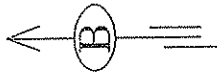
Nhóm 29



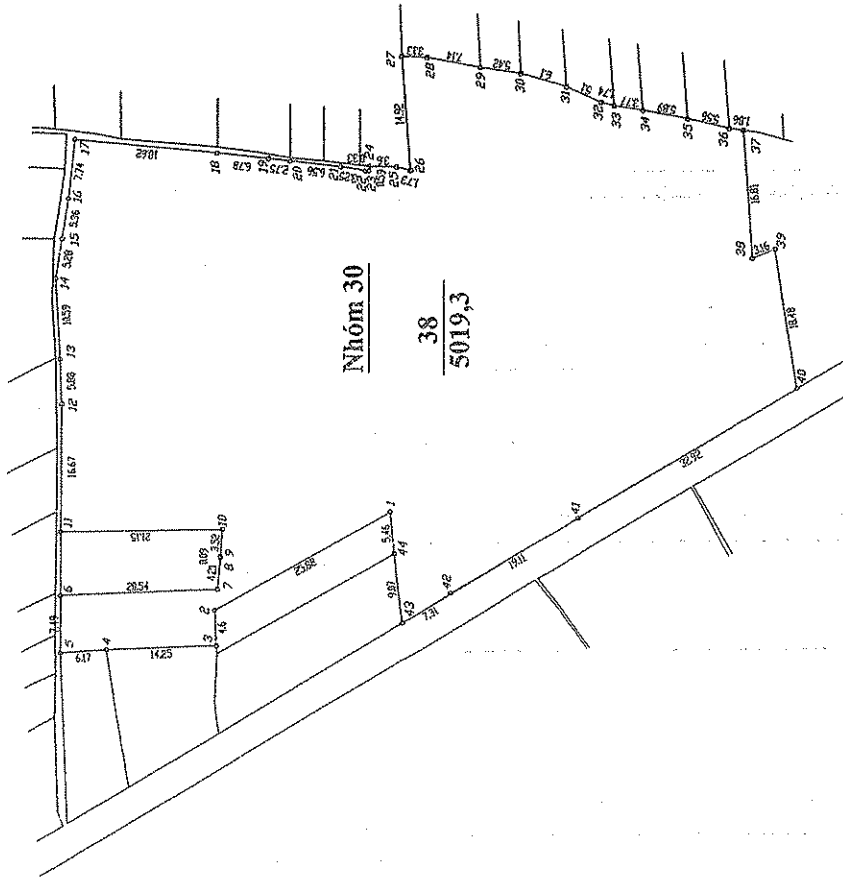
HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

(Phục vụ công tác đầu giá đất nông nghiệp công ích)

1. Thửa đất số: 38 (Nhóm 30)
Tờ bản đồ đất số: 00
2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đồng Hoàng, thôn Đồng Hoàng, phường Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
3. Diện tích là: 5019,3 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,.....40,41,42,43,44,1



4. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



5. BẢNG KÊ MỐC TOẠ ĐỘ

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2313877,77	576385,03	25,88
2	2313900,44	576372,55	4,6
3	2313900,23	576367,96	14,25
4	2313914,48	576367,62	6,17
5	2313920,64	576367,29	7,49
6	2313920,61	576374,77	20,54
7	2313900,08	576375,29	4,21
8	2313899,64	576379,47	0,09
9	2313899,63	576379,56	3,52
10	2313899,43	576383,08	21,15
11	2313920,58	576383,08	16,67
12	2313920,43	576399,75	5,88
13	2313920,67	576405,62	10,59
14	2313921,18	576416,2	5,28
15	2313920,38	576421,42	5,36
16	2313919,57	576426,72	7,74
17	2313918,63	576434,4	18,62
18	2313900,12	576432,41	6,78
19	2313899,4	576431,59	2,75
20	2313890,67	576431,23	6,56
21	2313884,16	576430,37	3,25
22	2313880,96	576429,79	
23	2313880,63	576429,78	
24	2313880,56	576430,37	
25	2313876,97	576430,21	
26	2313875,31	576429,73	
27	2313876,3	576444,61	
28	2313873,18	576444,44	
29	2313866,17	576443,04	
30	2313860,83	576442,14	
31	2313855	576440,34	
32	2313850,37	576438,21	
33	2313848,7	576437,76	
34	2313844,98	576437,12	
35	2313839,21	576435,94	
36	2313833,81	576434,6	
37	2313831,97	576434,33	
38	2313830,85	576417,56	
39	2313827,9	576418,68	
40	2313825,01	576400,42	
41	2313853,46	576383,87	
42	2313870,03	576374,36	
43	2313876,29	576370,58	
44	2313877,26	576379,6	
1	2313877,77	576385,03	

Ngày 21 tháng 11 năm 2019
 Công chức địa chính - Xây dựng

Đào Thị Thanh Huyền

Đào Thị Thanh Huyền

Ngày 21 tháng 11 năm 2019
 TM ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG

KT. CHỦ TỊCH



HỒ SƠ KỸ THUẬT KHU ĐẤT 11

(Phục vụ công tác đấu giá đất nông nghiệp công ích)

1. Thửa đất số: 39, 40, 41 (Nhóm 31)

Tờ bản đồ đất số: 00

2. Địa chỉ thửa đất: Xứ đồng Cửa Quán, thôn Đồng Hoàng, phường Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

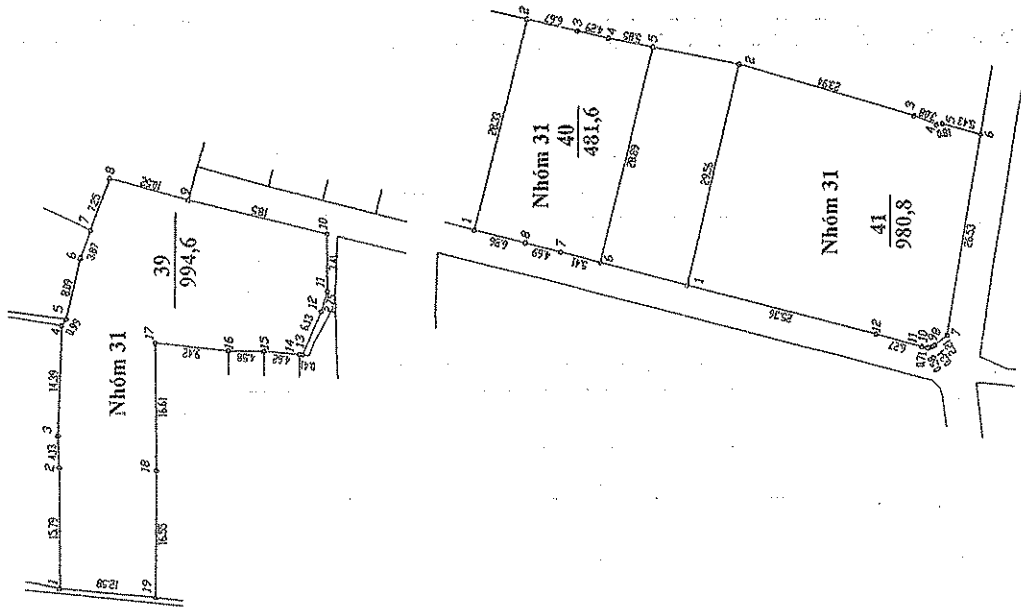
3. Diện tích nhóm 31 là: 2457,0 m²; Trong đó:

+ Thửa 39: Diện tích là: 994,6 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,...17,18,19,1

+ Thửa 40: Diện tích là: 481,6 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,8,1

+ Thửa 41: Diện tích là: 980,8 m²; Giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,1

4. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT TỶ LỆ 1/1000



5. BẢNG KÊ MỐC TOạ ĐỘ

5.2: BẢNG KÊ MỐC TOạ ĐỘ THỬA 39

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2313912.55	576434.42	15.79
2	2313912.7	576450.22	4.13
3	2313912.89	576454.34	14.39
4	2313912.45	576468.72	0.99
5	2313911.91	576469.55	8.09
6	2313910.16	576477.45	3.87
7	2313908.78	576481.06	7.25
8	2313906.2	576487.84	10.52
9	2313896.1	576484.91	18.5
10	2313878.18	576480.32	7.41
11	2313878.1	576472.92	2.75
12	2313878.89	576470.28	6.13
13	2313881.68	576464.64	0.41
14	2313881.68	576464.68	4.62
15	2313886.27	576465.14	4.58
16	2313890.85	576465.23	9.42
17	2313900.21	576466.32	16.61
18	2313900.02	576449.71	16.55
19	2313900.04	576433.16	12.58
1	2313912.55	576434.42	

5.2: BẢNG KÊ MỐC TOạ ĐỘ THỬA 40

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2313871.86	576482.89	28.33
2	2313865.19	576510.42	6.67
3	2313858.72	576508.83	4.29
4	2313854.55	576507.82	5.85
5	2313848.83	576506.61	28.89
6	2313855.48	576478.5	5.41
7	2313860.7	576479.91	4.69
8	2313865.24	576481.12	6.86
1	2313871.86	576482.89	

5.2: BẢNG KÊ MỐC TOạ ĐỘ THỬA 41

TT	X (m)	Y (m)	S (m)
1	2313844.2	576475.44	25.36
2	2313837.76	576504.29	23.54
3	2313814.83	576497.39	3.06
4	2313811.99	576496.19	0.61
5	2313811.2	576496.32	5.43
6	2313805.96	576494.88	26.33
7	2313810.31	576468.72	2.21
8	2313812.09	576467.41	0.53
9	2313812.39	576467.23	0.50
10	2313812.95	576467.1	0.71
11	2313813.65	576467.24	6.27
12	2313819.69	576468.91	6.27
1	2313844.2	576475.44	25.35

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
 Công chức địa chính - Xây dựng

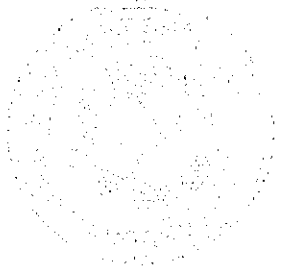
Đào Thị Thanh Huyền

Đào Thị Thanh Huyền

Ngày 27 tháng 11 năm 2019

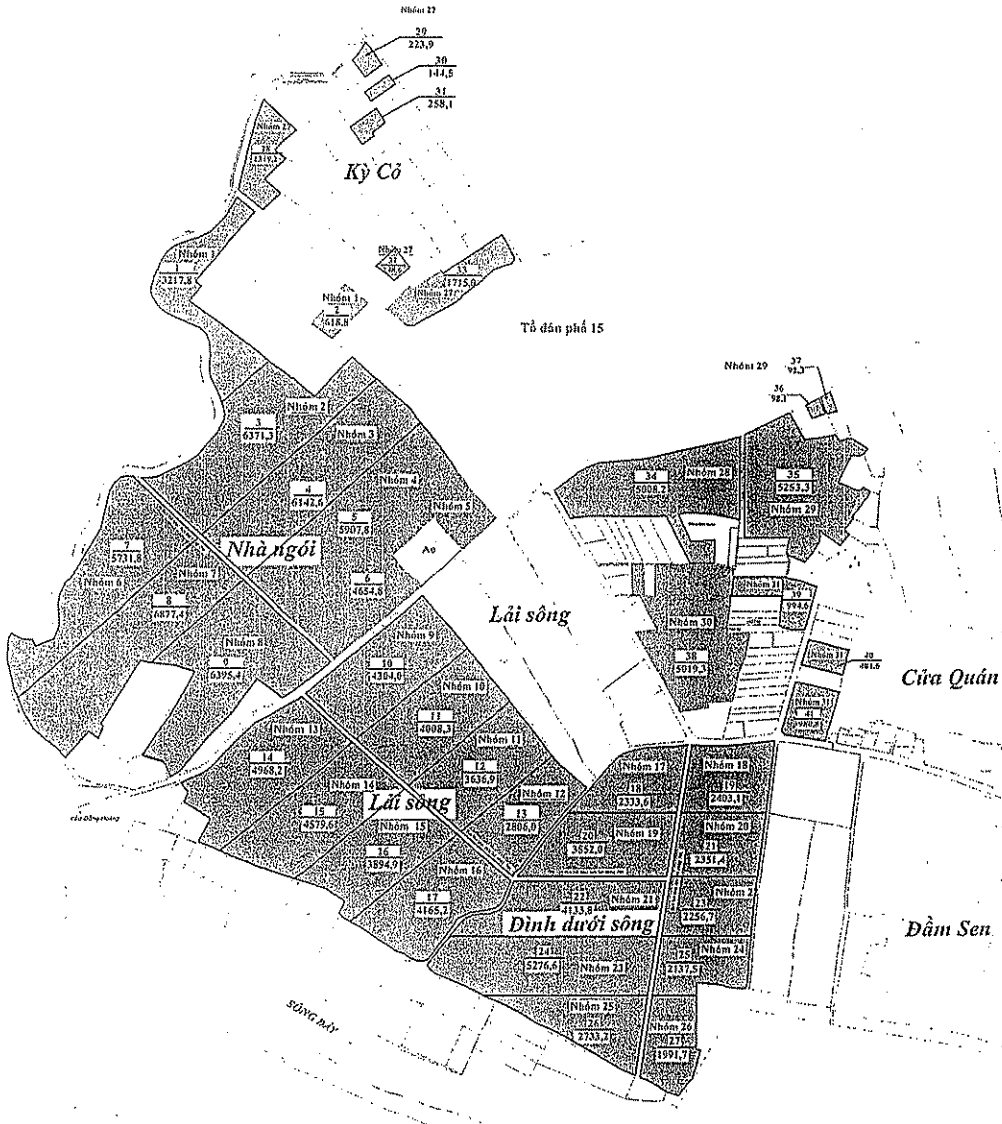
THỊ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
 ĐỒNG MAI - KIỂM ĐỊNH





**SƠ ĐỒ CHIA NHÓM ĐẤU GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP CÔNG ÍCH, THUỘC TDP 15, 16, 17,
KHU ĐỒNG HOÀNG, PHƯỜNG ĐỒNG MAI**

(Phục vụ công tác đấu giá cho thuê đất nông nghiệp công ích)



**ĐIỀU THỐNG KÊ DIỆN TÍCH ĐẤT NÔNG NGHIỆP THEO NHÓM
ĐỂ TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ CHO THUÊ ĐẤT**

STT.	Tên nhóm	Số thửa	Diện tích (m ²)	Nhà nông	Ghi chú
1	Nhà ngói	1	3.317,8	Nhà nông	
		2	618,8	Nhà nông	
		3	6.371,3	Nhà nông	
		4	6.142,6	Nhà nông	
		5	5.907,8	Nhà nông	
		6	4.654,3	Nhà nông	
		7	5.731,8	Nhà nông	
		8	6.877,4	Nhà nông	
Tổng số thửa Nhà ngói			45.917,7		
2	Lái sông	9	4.304,6	Lái sông	
		10	4.008,3	Lái sông	
		11	3.636,9	Lái sông	
		12	3.806,0	Lái sông	
		13	4.968,3	Lái sông	
		14	4.579,6	Lái sông	
		15	3.894,9	Lái sông	
		16	4.165,3	Lái sông	
Tổng số thửa Lái sông			32.363,1		
3	Đình dưới sông	17	2.323,6	Đình dưới sông	
		18	2.403,1	Đình dưới sông	
		19	3.352,0	Đình dưới sông	
		20	2.331,4	Đình dưới sông	
		21	4.123,8	Đình dưới sông	
		22	2.356,7	Đình dưới sông	
		23	3.376,6	Đình dưới sông	
		24	2.137,5	Đình dưới sông	
		25	2.732,2	Đình dưới sông	
		26	1.091,7	Đình dưới sông	
Tổng số thửa Đình dưới sông			29.169,6		
4	Kỳ Cò	27	1.319,2	Kỳ Cò	
		28	223,9	Kỳ Cò	
		29	144,5	Kỳ Cò	
		30	258,1	Kỳ Cò	
		31	248,6	Kỳ Cò	
Tổng số thửa Kỳ Cò			3.999,3		
5	Cửa Quán	32	5.008,2	Cửa Quán	
		33	5.253,3	Cửa Quán	
		34	98,1	Cửa Quán	
		35	92,3	Cửa Quán	
		36	5.019,3	Cửa Quán	
		37	954,6	Cửa Quán	
		38	481,0	Cửa Quán	
Tổng số thửa Cửa Quán			17.928,3		
TỔNG SỐ			129.287,9		

GHI CHÚ:

Nhóm đất nông nghiệp công ích (tổ chức đấu giá cho thuê).

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
Cán bộ Địa chính phường

(Signature)

Đào Thị Thanh Huyền

Đồng Mai, ngày 27 tháng 11 năm 2019

**T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



(Signature)
Nguyễn Văn Hoàn

SƠ ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP CÔNG ÍCH
 (Địa bàn tổ dân phố 15, 16, 17, Đồng Hoàng, phường Đồng Mai)



Tổng hợp diện tích quỹ đất công ích tổ dân phố 15, 16, 17			
STT	Xứ đồng	Số thửa	Diện tích (m ²)
1	Khu Kỳ Cò	12	3.993,7
2	Khu Nhà Ngồi	151	45.333,6
3	Khu Lãi sông	103	31.496,5
4	Khu Đình dưới sông	105	29.742,2
5	Khu Cửa Quin	65	18.287,0
Tổng		436	128.853,0

Ngoài ra có 39 thửa đất công ích tại sông hồ gần đình làng gia sản xuất, diện tích 15.524,6 m².

CHỦ CHU

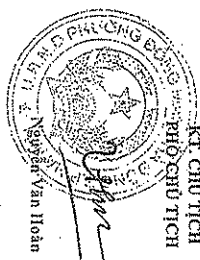
CHỦ DẪN

Đất công ích

Nguyen

Ngày 27 tháng 11 năm 2019
 Cán bộ Địa chính Phường

Đào Thị Thanh Huyền



Đồng Mai, ngày 27 tháng 11 năm 2019
 TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
 KT. CHỦ TỊCH
 KHÓ CHỮ TÍCH
 Nguyễn Văn Hoàn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU

ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ

Quyền sử dụng của 05 Khu đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích do UBND phường Đồng Mai quản lý cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để trồng cây hàng năm và nuôi trồng thủy sản.

Kính gửi: - UBND phường Đồng Mai;
- Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản.

Tên tôi là:

CMND/CCCD số: ngày cấp...../...../..... tại

Địa chỉ theo hộ khẩu:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại:

Căn cứ Thông báo đấu giá số 109/TBĐG ngày 29/11/2019 của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, sau khi nghiên cứu hồ sơ mời đấu giá và thăm thực địa khu đất, tôi xin đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất của Khu đất

Giá khởi điểm: 1.008 đồng/m²/năm (Một nghìn không trăm linh tám đồng trên một mét vuông trên một năm).

Tiền đặt trước:đ

(Bằng chữ: đồng)

Nếu được chấp nhận, tôi xin cam kết:

- Thực hiện đầy đủ các quy định tại phương án đấu giá và quy chế cuộc đấu giá đã được phê duyệt.
- Nếu trúng đấu giá, tôi xin nộp tiền trúng đấu giá theo quy định và chấp hành các quy định liên quan khác của pháp luật về quản lý, sử dụng đất./.

Hà Nội, ngày ... tháng năm 2019.

Người đăng ký tham gia đấu giá
(Ký, ghi rõ họ tên)

MẪU

PHIẾU TRẢ GIÁ

Mã số đấu giá:

Kính gửi: - UBND phường Đồng Mai;
- Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản.

Người tham gia đấu giá:.....

Địa chỉ:

Người đại diện hoặc được ủy quyền:

Sau khi nghiên cứu Phương án đấu giá, Quy chế cuộc đấu giá Quyền sử dụng của 05 Khu đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích do UBND phường Đồng Mai quản lý cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để trồng cây hàng năm và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn phường Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; xem xét vị trí các Khu đất đấu giá và các thông tin của hồ sơ mời tham gia đấu giá quyền sử dụng đất; tôi xin đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất của Khu đất

Giá khởi điểm: 1.008 đồng/m²/năm (Một nghìn không trăm linh tám đồng trên một mét vuông trên một năm).

Bước giá: 300 đồng/m²/năm (Ba trăm đồng trên một mét vuông trên một năm)

Với giá trả cho tiền thuê của 01 m² trong 01 năm là:.....đ

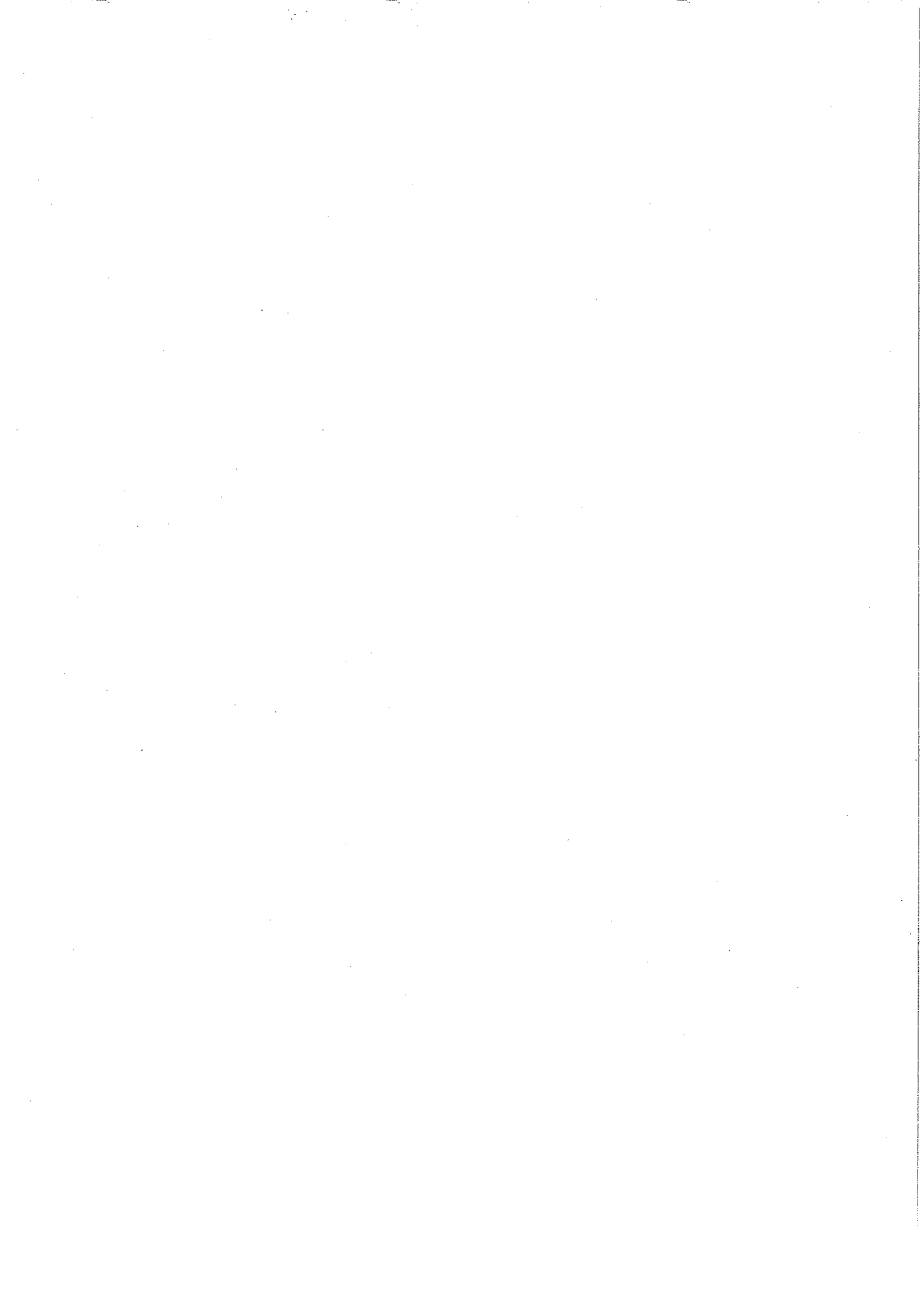
(Bằng chữ:.....)

Tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về giá đã trả tại Phiếu trả giá và thực hiện đúng Phương án đấu giá, Quy chế cuộc đấu giá và các quy định pháp luật liên quan.

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

Người tham gia đấu giá

(Ký, ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MẪU

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của các Bên.

Hôm nay, ngày / /2019, tại UBND, chúng tôi gồm:

1. Bên uỷ quyền (Gọi tắt là bên A):

Ông (bà):, Sinh ngày/...../.....
CMND/CCCD số: cấp ngày/...../..... tại

Hoặc số Bìa hộ khẩu: do cấp ngày...../...../.....
Địa chỉ thường trú:

2. Bên nhận uỷ quyền (Gọi tắt là bên B):

Ông (bà):, Sinh ngày/...../.....
CMND/CCCD số: cấp ngày/...../..... tại

Hoặc số Bìa hộ khẩu: do cấp ngày...../...../.....
Địa chỉ thường trú:

*** Nội dung uỷ quyền:**

Bên A thông qua văn bản này uỷ quyền cho bên B thay mình thực hiện các thủ tục pháp lý để tiến hành tham gia đấu giá quyền sử dụng đất bao gồm:

- 1/.....
- 2/.....
- 3/.....
- 4/.....

*** Thời hạn uỷ quyền:**

Thời hạn uỷ quyền bắt đầu từ ngày hai bên cùng ký vào giấy uỷ quyền cho đến khi hoàn thành xong công việc uỷ quyền nêu trên.

*** Cam kết:**

- Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi việc do bên B thực hiện theo nội dung trong Giấy uỷ quyền này.
- Bên B đồng ý nhận thực hiện việc uỷ quyền nói trên và cam đoan chỉ nhân danh bên A thực hiện việc uỷ quyền đã nêu trong giấy uỷ quyền này.
- Bên A và bên B đã đọc lại nguyên văn giấy uỷ quyền này, hiểu rõ nội dung uỷ quyền và cùng ký tên dưới đây làm bằng chứng./.

BÊN A

(Ký, ghi rõ họ và tên)

BÊN B

(Ký, ghi rõ họ và tên)

XÁC NHẬN CỦA

